



Đặc San

Văn Bút Miền Đông



Photo by Nhật Hùng

Tháng 6, 2015



Vào Tập

Đặc San Văn Bút Miền Đông do Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ chủ trương, ra mắt quý độc giả lần thứ hai. Năm nay đặc biệt tập trung vào chủ đề 40 Năm Quốc Hận.

Văn Học Hải Ngoại là cánh tay nối dài của văn học Miền Nam Tự Do trước năm 1975. Đối lập với nền văn học nô dịch của Cộng Sản Miền Bắc. Phát huy quyền tự do ngôn luận, tự do sáng tác là nhiệm vụ hàng đầu của Văn Bút Quốc Tế mà Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là một Trung Tâm trực thuộc.

Văn Bút Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, trọng tâm là vùng Hoa Thịnh Đốn, nơi tập trung nhiều nhà văn, nhà thơ danh tiếng, đã đóng góp nhiều tác phẩm vào nền văn học hải ngoại. Đặc San Văn Học Miền Đông trước kia, nay đổi thành Văn Bút Miền Đông đã được sự đóng góp tác phẩm của các tác giả trong cũng như ngoài hội, là một món quà quý báu gửi đến quý độc giả, hội viên và thân hữu. Số báo này, chứa đựng nhiều tâm tư tình cảm nhân ngày Quốc Hận 30 Tháng Tư Đen, những sự thật đầy nước mắt, là những đóng góp vô giá của nhiều tác giả.

Chúng tôi chân thành cảm ơn quý văn hữu đã gửi bài, nhất là quý văn hữu ngoài hội. Chúng tôi cũng xin đa tạ quý văn hữu, thân hữu đã yểm trợ tài chánh, quý thân hữu đã ủng hộ quảng cáo để có đủ tài chánh thực hiện số báo này. Đặc biệt xin cảm ơn hội viên Kiều Thu đã bỏ rất nhiều công sức layout cho tuyển tập này được hoàn thành tốt đẹp.

Kính chúc quý văn hữu, thân hữu, độc giả, ân nhân, một năm an bình hạnh phúc.

Ban Biên Tập



DANH SÁCH HỘI VIÊN VĂN BÚT Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ - Năm 2015

BAN ĐẠI DIỆN

Chủ Tịch:	Đặng Nguyên
Đệ Nhất Phó Chủ Tịch:	Hồng Thủy
Đệ Nhị Phó Chủ Tịch:	Nguyễn Thị Bé Bảy
Tổng Thư Ký:	Cao Nguyên
Thủ Quỹ:	Cung Thị Lan
Ủy Viên Tài Chánh:	Lâm Thúy
Ủy Viên Nhà Văn bị cầm tù:	Đào Trường Phúc
Ủy Viên Kỹ Thuật Internet:	Nhất Hùng
Ủy Viên Dịch Thuật:	Diệm Trân
Ủy Viên Văn Nghệ:	Bùi Thanh Tiên
Ủy Viên Tổ Chức:	Bùi Dương Liêm

CỐ VẤN

Hoàng Song Liêm, Trần Quốc Bảo, Lê Thị Nhị, Lê Tống Mộng Hoa.

HỘI VIÊN HOẠT ĐỘNG

Bùi Dương Liêm, Bùi Thanh Tiên, Cao Nguyên, Cung Thị Lan,
Diệm Trân, Diệm Nguyên, Đặng Nguyên, Đoàn Hữu Định,
Đào Trường Phúc, Hoàng Song Liêm, Hồng Thủy, Lâm Thúy,
Lê Mai Lĩnh, Lê Thị Nhị, Lê Thị Ý, Lê Tống Mộng Hoa, Luân Tâm,
Lê Tấn Khải, Nguyễn Thị Bé Bảy, Ngọc Hạnh, Nhất Hùng,
Phương Thúy, Quốc Hưng, Tạ Cự Hải, Trần Quốc Bảo, Vũ Hối.

HỘI VIÊN THÂN HỮU (ÂN NHÂN)

Luật Sư Ngô Tăng Giao, Tiến Sĩ Lưu Nguyễn Đạt,
Tiến Sĩ Phạm Văn Hải, Tiến Sĩ Trương Văn Thuận,
Dược Sĩ Nguyễn Mậu Trinh, Bà Nguyễn Xuân Lan, MC Kiều Thu,
Nhà Văn Trần Văn Thế, Vũ Sư Hải Bằng, Ngọc Anh Restaurant,
Nhà Văn Nguyễn Tú, Ông Nguyễn Ngọc Minh Hùng.

Mục Lục

TỰA	TÁC GIẢ	Trang
Vào Tập		1
Mục Lục		2
Xuân Nguyễn Cầu	Cao Nguyên	4
Dòng Mực Tha Hương	Đặng Nguyên	6
Ngàn Năm Đất Việt	Vũ Hối	7
Thần Bòboul	Trần Quốc Bảo	8
Chùm Thơ Cuối Năm	Lâm Thúy	14
Tháng Ngày Không Tên	Đặng Nguyên	18
Nước	Quốc Hưng	21
Chùm Thơ Tháng Tư	Lê Mai Linh	22
Pleiku và Kỷ Niệm	Lê Thị Ý	24
Ơi Quê Hương	Cung Thị Lan	28
Thuở Hàn Vi	Hồng Thủy	29
Con Về Tìm Lại Cây Hoa Sứ	Luân Tâm	32
Áng Mây Hồng	Phan Khâm	34
Nên Học Hỏi Và Biết Ơn Bùi Ngọc Tấn?	Nguyễn T. Bé Bảy	35
Người Tình M16	Trần Quốc Bảo	44
Khiêm Tồn & Tự Cao	Trần Minh Hiền	46
Nét Hằn Cắn Cối	Bùi Thanh Tiên	47
Từ Quốc Hận 30 Tháng Tư Tới ...	Lưu Nguyễn Đạt	48
Mẹ Lầm Than Thương	Luân Tâm	60
Đại Văn Hào Pháp Anatole France	Phạm Văn Tuấn	61
Biệt Khúc	Cao Nguyên	68
Khẩn Báo - Tàu Thâm	Diệm Nguyên	69
Căn Nhà Ở Jaux	Ngọc Cường	70
Hôn Vào Đâu?	Nhất Tuấn	84
Người Ngày Xưa	Ngọc Hạnh	85
Ông Trời Buồn Xo	Thương Việt Nhân	87
André Lưu	Phạm Trọng Lệ	88
Mộng Ngày Về	Diệm Trân	94
Đôi Mắt Ấm Ảnh	Phương Thúy	95
Thuật Đấu Trường	Quốc Hưng	100

TỰA	TÁC GIẢ	Trang
Ra Biển Gọi Hồn	Trần Văn Thế	101
Có Như Một Tấm Lòng	Cao Nguyên	106
Tự Hào Là Người Việt Nam ...	Cung Thị Lan	107
Thơ Nhất Hùng	Nhất Hùng	114
Nói Về Thơ	Lưu Nguyễn Đạt	121
Thơ Chuyển Ngữ	Ngô Tăng Giao	124
Hiện Trạng Xã Hội Và Giáo Dục tại Việt Nam	Cao Nguyên	127
Đọc Thơ Đình Cường	Lãm Thúy	128
Chiều Hội Ngộ Văn Chương	Lê Mộng Hoàng	129
Ba Đình Dấu Xưa	Lê Thị Ý	133
Bèo Giạt	Cao Nguyên	134
Truyện	Hoàng Vi Kha	135
Chiến Sĩ Vô Danh	Trần Quốc Bảo	143
Mắt Đà Nẵng & Cam Ranh	Phạm Anh Dũng	144
Thơ Kim Tước	Kim Tước	147
Pho Tượng Đen Trong Garage	Nguyễn T. Thanh Dương	148
Tiếp Bước	Cao Nguyên	155
Tìm Tự Do	Ngọc Hạnh	156
Môi Rượu Mưa Tình	Luân Tâm	160
Bạn Xa Gần	Thương Việt Nhân	161
Sức Sống Mạnh Liệt	Trần Minh Hiền	162
Lời Ước Đầu Năm	Hồng Thủy	163
Dung Xưa	Phạm Văn Hải	164
Vàng Trắng Hóa Đá	Bùi Thanh Tiên	184
Hẹn Ngày Về	Diễm Nguyên	185
Bóng Quê Xưa	Lê Thị Nhị	186
Việt Nam Giang Sơn Gấm Vóc	Vũ Hối	194
Một Lời Xin Lỗi	Phương Thúy	195
Sự Kiện Văn Học Đáng Quan Tâm	Đặng Nguyên	196
Thơ Đường	Trần Quốc Bảo	198
Đôi Đũa	Lưu-Nguyễn Kiều Thu	199
Nước Mắt Yêu Thương	Trần Văn Thế	206
Thông Báo / Quảng Cáo		208 - 221

Xuân Nguyễn Cầu

Cao Nguyên

Thời gian đang bắt đầu vào tháng 2 năm 2015. Hàng triệu người Việt lưu vong đang sống trên các vùng đất tạm dung từ Mỹ sang Pháp, Đức, Ý, Canada... còn đang giữa mùa Đông giá lạnh. Mong mùa Xuân về với nắng ấm cho những bầy chim trốn tuyết về lại cảnh rừng quen, nhìn cây lá xanh tươi và những nụ hoa chớm nở.

Xuân khởi sắc trên vạn vật gây xôn xao trong lòng người những niềm vui. Trong âm hưởng giao thoa của những lời chúc mừng năm mới, tuổi trẻ thêm nguồn hy vọng, hưng phấn tiếp bước vào đời với một tương lai tươi đẹp trong cuộc sống tự do và bình đẳng.

Cùng thời điểm, mọi người Việt lưu vong hướng tầm nhìn về quê hương. Sau 40 năm tập đoàn cộng sản cưỡng chiếm miền Nam, thống nhất đất nước, đã đẩy dân tộc vào cuộc làm than do chủ trương độc tài đảng trị. Đặt xã hội trong vòng phong tỏa khắc nghiệt. Mỗi oán than về nỗi cơ cực đói nghèo trong sinh kế hằng ngày; Mỗi bày tỏ về đất và biển đảo bị rơi vào tay Trung cộng; Mỗi yêu cầu về sự bảo tồn văn hóa lịch sử, bảo tồn đạo đức nhân văn ... Tất cả đã bị

đàn áp, khủng bố làm tê liệt tinh thần và đau thương thể xác.

Các tôn giáo cũng bị triệt hạ uy tín, khủng bố và đàn áp các người lãnh đạo tinh thần và các giáo dân dám đòi hỏi tự do tôn giáo và sự tự trị của giáo hội. Bởi mọi người, mọi tổ chức, mọi tôn giáo phải do Đảng chỉ đạo theo đúng đường lối độc tài cai trị.

Các cuộc xuống đường của dân oan bị chính quyền cướp nhà đất; Xuống đường đấu tranh về quyền làm người; Xuống đường để phản đối nhà nước xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo ... Điều bị đàn áp triệt để với đủ các phương tiện bạo hành đối với từng cá nhân. Thậm chí những nhà văn, nhà báo, nhạc sĩ khi

phát biểu tư tưởng bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ nhân quyền nhân phẩm đều bị bắt bỏ tù.

Tình trạng nhân quyền tại Việt Nam ngày càng tồi tệ do sự đàn áp ngày càng gia tăng, theo nhận định và đánh giá của ủy ban nhân quyền Liên Hiệp Quốc và các tổ chức bảo vệ quyền làm người. Điều rõ ràng nhất là các người tù



lượng tâm trong các nhà tù luôn bị ngược đãi từ đánh đập, tra tấn đến biệt giam và cô lập. Sự thăm viếng của thân nhân người tù cũng quá khó khăn, vừa bị đòi hỏi điều kiện vừa bị đe dọa an ninh kể cả người trong tù và thân nhân liên hệ.

Trước tình hình khắc nghiệt từ xã hội đến nhà tù, trước sự đàn áp thô bạo của các lực lượng vũ trang, tinh thần tranh đấu vì tự do, dân chủ và nhân quyền vẫn không suy giảm. Các tù nhân lương tâm trong các trại tù luôn kiên định tinh thần vì dân chiến đấu, vì nước hy sinh. Trong các trại tù, đã và đang có nhiều tù nhân lương tâm tuyệt thực để phản đối bản án, phản đối chế độ hà khắc của nhà tù. Trường hợp tuyệt thực của Bùi Thị Minh Hằng, Nguyễn Đăng Minh Mão, Hồ Thị Bích Khương, Đặng Xuân Diệu, Đinh Nguyên Kha, Trần Thị Thúy, Lê Thị Phương Anh, Tạ Phong Tần, Lê Quốc Quân ... đã đánh động lương tâm nhân loại.

Tinh thần quốc gia dân tộc ở Việt Nam hiện nay cần phải được soi sáng bằng những ngọn đuốc công lý thấp lên từ mỗi trái tim Việt Nam còn thiết tha về giang sơn tổ quốc, về đạo đức nhân văn của một dân tộc được khai mở và xây dựng bởi những con người dám vì nước hy sinh.

Mùa Xuân đầy có vẻ trên quê hương, những hàng cây xanh bị đốn ngã, những di tích văn hóa sử bị đập phá, những thuần phong mỹ tục bị triệt tiêu không thể phục hồi. Mọi đổ nát của đất nước, mọi rối loạn của xã hội, mọi băng

hoại của đạo đức cần phải được chấm dứt với quyết tâm của toàn dân trong cuộc chiến đấu diệt trừ tập đoàn cộng sản. Còn cộng sản, tinh thần tự chủ quốc gia không tồn tại, quyền làm người không thể thực thi.

Trong nông ảm của đất trời, trong tình thương nhân ái, hàng triệu người Việt lưu vong xin chung chia nỗi đau của những tù nhân lương tâm, nỗi uất hận của toàn dân đang chịu sự cai trị hà khắc và tàn độc của tập đoàn cộng sản Việt Nam. Xin ơn trên và hồn thiêng tổ quốc phù trợ cho cuộc đấu tranh của một dân tộc bị tước bỏ quyền làm người, sống đau thương trên chính quê hương của mình.

Nguyện cầu cho quốc thái dân an trong mùa Xuân mới.

Cao Nguyên

Washington, DC – 3 tháng 2, 2015



Dòng Mực Tha Hương

Cho tôi trở lại hồn chinh chiến
Như thuở đôi mươi biết dạn dày
Người lính phong trần thương trận địa
Giầy sô áo trận đầy hai vai.

Cho tôi hơi thở hồn Xuân Lộc
Đất đỏ cao su phơi tháng ngày
Trận chiến cuối cùng vào lịch sử
Hàng hàng lớp lớp bùa trùng vây.

Cho tôi giữ mãi tình non nước
Không phụ tình em thuở đắng cay
Bốn chục năm qua như gió thoảng
Mà đời chưa nổi lại vòng tay.

Gửi em dòng mực tha hương đậm
Tình lính theo về cùng gió mây
Đốt nén hương lòng nơi xứ lạ
U-linh mây cõi buồn lây lây.

ĐẶNG NGUYỄN



Ngân Lãm Đất Việt

Thấm thoát đã bao năm xa nước
Khấp năm châu mòn mỏi đấu tranh
Mong vá lại quê nghèo rách nát
Xóa sao vàng, đất trở mầm xanh!

Bước gian lao, quyết không sòn chí
Mong sao đất nước mãi sống còn
Đuốc nhân quyền rạng soi đất Việt
Khấp ba miền thoát khỏi gùm công!

Mắt ướt mưa, Mẹ hiền từ già
Thương chiến hữu, còn mãi gian lao
Ngâm ngùi xa nước, đôi tay trắng
Hàng trang: kỷ niệm nén thương đau

Thương quê Mẹ, xanh xao cỏ úa
Dân đói nghèo, lửa hạ nóng ran
Sài Gòn đổi tên thành xác cáo
Vết của tiền đầy túi gian tham

Bọn vô thần bán từng tấc đất
Nghĩa địa cày sạch mã ông cha
Đất ngàn năm đền đài lịch sử
Nay còn tro bụi bãi tha ma!

Lũ lộng ngôn: đỉnh cao trí tuệ
Biến Việt Nam nghèo nhất năm châu

Cách mạng: xã hội thành ổ điểm
Giải phóng: con người hóa ngựa trâu

Thương đất nước lòng đau như cắt
Thương chiến hữu tù ngục rừng thiêng
Thương dân lành thấp cổ bé miệng
Khấp ba miền chồng chất oan khiên

Hận một lũ trở cờ đón gió
Mong Cộng thù ban bả lợi danh
Một thời làm rã tan chế độ
Giờ giúp thù tàn sát dân lành

Bọn Việt gian, tôi đòi Cộng Sản
Bấp chấp đời hai chữ nhục vinh
Vì quyền lợi, cam tâm quỳ gối
Đầu hàng giặc, đất nước điêu linh!

Nể phục bao người còn sĩ khí
Quyết khắc ghi “Bất cộng đái thiên”
Vòng lao lý quật cường bất khuất
Hành diện thay! Con cháu Rồng Tiên!

Dù ngục tù, Cộng tù tra khảo
Bao chiến hữu thành kẻ phế nhân
Vì quê hương, một lòng son sắt
Đâu nữ nhìn khốn khổ muôn dân

Vũ Hối

Thần Bòboul

Tượng Chúa Hải Đồng Ban Nhiều Ơn Lạ

Hồi ký: **Trần Quốc Bảo**

Để chuẩn bị cho cuộc thăm viếng Thái Lan của bà Rosalynn Carter, phu nhân Tổng Thống Hoa Kỳ, vào đầu tháng 11 năm 1979, Bộ Ngoại Giao và An Ninh Mỹ đã phải âm thầm hoạt động trước nhiều tháng trời.

Mục tiêu của cuộc viếng thăm này là bà Rosalynn Carter muốn đích thân quan sát tìm hiểu về thảm cảnh tại các Trại Tị Nạn trên đất Thái Lan, điều mà báo chí và các hãng thông tấn, truyền hình... đã nhiều lần tường thuật như là một vết thương đại thảm khốc do Cộng sản gây ra cho lịch sử nhân loại vào thời bấy giờ.

Chắc chắn ông Carter, vị Tổng Thống mà nụ cười luôn luôn đậu trên môi, một lúc nào đó đã phải chau mày, suy tư về thảm họa kinh hoàng của hàng trăm ngàn người đang sống tại các trại tị nạn Đông Nam Á. Không một bản tường thuật nào sẽ sống động

và thành thật hơn những nhận xét của chính vợ ông, bà Rosalynn.

Vậy nên nhiệm vụ của 14 người trong "Phái đoàn tiền sát" được cử qua Thái Lan đầu tháng 10-1979 thực là quan trọng. Phái đoàn sẽ đến Thái Lan như những người du lịch, sẽ tìm hiểu và ghi nhận trước tất cả mọi khía cạnh của vấn đề; một bản phúc trình tỉ mỉ về tị nạn sẽ được thiết lập với những nhận

xét và đề nghị thật chuẩn xác, để cuộc tới thăm của bà Đệ Nhất Phu Nhân Hoa Kỳ sẽ chỉ là duyệt lại các điều mà bà đã biết từ trước.

Riêng tôi, một trong 14 nhân viên của phái đoàn tiền sát, tôi hoàn toàn không hay biết mảy may gì về mục tiêu, mục đích của cuộc ra đi này.

Tôi lại cũng mù tịt

về mọi lãnh vực ngoại giao và an ninh của Mỹ. Thế mà tôi lại được đi trong phái đoàn, điều mà chính tôi cũng phải ngạc nhiên.



Trong 14 người, thì 11 là Mỹ chính hiệu “con nai trắng”, còn 3 ngoại kiều là một cô Cam-bốt, một giáo sư TS. Thái Lan và tôi là Việt Nam. Sở dĩ có tên tôi là bởi một sự bất ngờ rất tếu. Tôi có anh bạn trong “Hội Nhà Thờ Bảo Trợ”, tên John, anh này là cựu sĩ quan, trước từng ở Việt Nam hai năm, làm cố vấn cho đơn vị tôi. Ngẫu nhiên nay gặp lại nhau, anh rất khoái tôi. Thường thường tụ tôi có các buổi họp mặt weekend là có John. Anh ta cũng ngồi xếp bằng tròn quanh mâm nhậu, bóc lon la-de và nốc một hơi trăm phần trăm y chang như các tay tổ trong băng độc thân vậy. John nói được một ít tiếng Việt, ăn được nước mắm, khoái món phở tái, chả giò ... và đôi khi chúng tôi nhậu khan với nhau bằng



khô mực nướng, củ kiệu, John cũng xáp vô nhai khô mực ra rít lăm. Bởi cái chỗ thân tình ấy nên tôi coi John như một người bạn chí thiết. Một lần đang cơn nhậu, John hỏi chúng tôi, ngoài tiếng Mỹ có ai biết nói tiếng Lào không? Tôi phét lác nhận là nói được và xỏ ra một tràng tiếng Lào lú lo lú lường... làm cho cả bọn cười bò. Thật tình, tôi có học được một ít tiếng Lào trong thời gian hành quân Hạ Lào, lâu không nói thì nay cũng đã quên nhiều, nói bậy bạ dờn chơi thì

được, chứ còn phiên dịch thông ngôn thì không nổi.

Thế mà nửa tháng sau tôi nhận được giấy mời lên Văn phòng Ngoại giao. Người tiếp tôi chính là John. Anh ta nói muốn dành cho tôi cơ hội để về thăm miền Đông Nam Á trong nhiệm vụ tiền sát như đã nói trên. Tôi thú thật với John tôi quá kém về Lào ngữ. Nhưng anh ta trấn tĩnh tôi rằng, có một nữ nhân viên Cam-bốt nói tiếng Lào giỏi sẽ giúp tôi, và có thể phái đoàn cần tôi trong nhiệm vụ giao dịch tiếng Việt nữa.

Chúng tôi đã đến Thái Lan như những du khách, và đã nhờ Hồng Thập Tự địa phương đưa đến các trại Tạm cư Tị nạn. Hai trại lớn mà chúng tôi đã ở lại nhiều ngày là trại U-thong (phía Tây Bắc cách Bangkok

trên 300 dặm) hiện khi đó có 36 ngàn người Lào tị nạn; và trại Sa-kaeo nằm trên quốc lộ số 8 cách Bangkok 650 dặm về phía Đông, chứa tới 200 ngàn dân Căm-bốt tị nạn.

Có ai tưởng tượng được (vào thời điểm năm 1979) chỉ ở một trại tạm cư thôi mà con số những người tị nạn Căm-bốt đã lớn lao đến thế không? Hàng trăm ngàn người đó đang sống vô cùng thiếu thốn, đói khổ và bệnh tật, ở chui rúc trong các tầng cây, những lều lá xiêu vẹo mà họ gọi là cái nhà. Thiếu

thực phẩm, thuốc men, quần áo. Một vài hình ảnh khiến ta có thể tưởng như lớp người đó đang sống ở thời thượng cổ, thời đại sống trong hang hốc, ăn lông, ở lỗ. Sau này khi bà Rosalynn Carter đến viếng thăm đã phải thốt lên: “Thật quả là thê thảm, những cảnh tượng này tôi chưa hề bao giờ thấy như vậy, đã làm cho tôi xúc động kinh hoàng.” (“It’s like nothing I’ve ever seen, it’s emotionally overwhelming”).

Nếu muốn viết về chuyến đi Thái Lan của tôi thì sẽ có một chuyện dài, nhưng tôi không thể đưa lên báo bản phúc trình chỉ dành riêng cho vị Đệ Nhất Phu Nhân đọc. Ở đây, tôi muốn kể lại một câu chuyện nhỏ, một kỷ niệm mà mãi mãi tôi không thể quên.

Buổi chiều hôm đó, sau những giờ đã làm việc khá mệt mỏi, chúng tôi chia nhau bánh mì và thịt hộp để ăn bữa tối, Saleng (cô gái Căm-bốt trong phái đoàn) gọi tôi:

- Anh có muốn đi coi “Ông Thần Con Nít” không?

Tôi vừa nhai bánh vừa cười, hỏi đùa:

- Có Ông Thần Con Nít hả? Vậy Saleng làm ơn bằng ông Thần Bé-by ấy tới đây, tụi mình chụp hình phỏng vấn, chứ đi nữa thì... mệt quá rồi.

Saleng nghiêm sắc mặt:

- Anh chớ nói dờn, Thần Con Nít thiêng lắm, Thần đã cứu nhiều người ta và đã đưa họ đến đây tị nạn.

Tôi hỏi một hơi:

- Sao cô biết? Thần con nít là Ông Thần gì? Ở đâu? Cứu ai? Chuyện đầu đuôi ra sao?

Saleng liếc xéo tôi:

- Bộ anh muốn ghi vô biên bản phúc trình hả? Muốn biết thì đi! Đi tôi dẫn tới cho coi.



Tôi uống cạn ly cà phê rồi ngoắc John cùng đi theo. Chúng tôi lên một ngọn đồi nhỏ, chung quanh toàn là dân di tản Căm-bốt ở chen chúc dưới các lùm cây tàng lá. Những cảnh sống cơ cực hiện ra trước mắt trong suốt mấy ngày nay đã làm

chúng tôi nhìn quen rồi. Các em nhỏ, phần lớn là ở trần truồng, gầy gò, xanh xao và bệnh hoạn. Các ông già bà cả ngồi trầm lặng như những pho tượng. Nhiều cặp mắt lo âu nhìn về phía chúng tôi, không biết họ đang nghĩ gì. Nhưng có điều chắc chắn là nếu ai bảo họ trở lại với quê hương Cộng sản của họ thì họ lắc đầu cương quyết phản đối ngay.

Saleng dừng lại ở đỉnh đồi – nơi có những đá lớn chồng chất – trên một tảng đá, tôi thấy có bày biện như một bàn thờ, cắm nhiều cây nhang, có một cặp nến đỏ và mảnh vải trắng viết chữ Miên chẳng chệch như một đạo bùa.

Một bầy trẻ con chừng 20 đứa ôm o đang cầu kinh và ca hát chung quanh. Vài người lớn thấy chúng tôi, rẽ lại gần đứng nhìn. Đến gần bàn thờ, tôi và John đã ngạc nhiên khi nhận ra vị “Thần Con Nít” mà Saleng đặt tên cho, chính là tượng “Chúa Hải Đồng nằm trong máng cỏ”. Tượng bằng thạch cao lớn cỡ bằng quyển tự điển, một góc bị bể nên bàn chân Chúa mất một nửa.

Rất tự nhiên, John và tôi cùng quỳ gối xuống cạnh những em bé trần truồng. Chúng tôi làm dấu Thánh Giá. John hát lên một bài ca Sinh Nhật bằng tiếng Mỹ, tôi cũng ca tiếp bài “Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời...” Cử chỉ cung kính của chúng tôi trước vị Thần Con Nít đã phút chốc gây cảm tình với các em bé và bà con cô bác tị nạn Căm-bốt. Số đông đã bu lại quanh chúng tôi có tới năm sáu chục người. Họ nói chuyện ồn ào, và Saleng làm nhiệm vụ thông dịch cho chúng tôi hiểu. Trong đám đông đó, Saleng dẫn tới giới thiệu với chúng tôi một bà già tên Lam-Pranak và con gái bà, bé Bòboul. Câu chuyện ly kỳ “Thần Bòboul” đã sẩy tới cho hai mẹ con bà, đầu đuôi thế này:

Ông Lam-Pranak, vị đại úy thời Lon-Nol, bị Miên cộng hạ sát năm 1975. Hai đứa con trai của ông đã bị trói tay chân, ném vô lửa thiêu sống, trước mắt ông, trước lúc chúng bắn ông. Vợ ông và 4 đứa con

khác trốn về tỉnh Kompong Kdey, một năm sau bị phát giác và cũng bị bắt. Miên cộng nhốt năm mẹ con bà Pranak cùng với khoảng 400 người khác thuộc “chế độ cũ” trong một Nhà Thờ Chánh Tòa đổ nát ở tỉnh nhỏ Khum Samrong. Chính tại nơi đó, con gái út của bà, em bé Bòboul, đã tìm thấy tượng Chúa Giêsu Hải Đồng nằm trong máng cỏ. Thoạt đầu, em chỉ thấy đẹp và muốn giữ chơi như một búp-bê. Nhưng rồi bà mẹ em đã nghiệm thấy dường như có một uy quyền, một phép lạ nào đó ẩn tàng trong Búp-bê Thần này. Cứ mỗi lần Bòboul bị đau ốm, mà em được ôm lấy Búp-bê Thần thì em liền được khỏi bệnh. Rồi nhiều em nhỏ khác bị nhốt trong Nhà Thờ đau ốm cũng đã được ơn cứu chữa ấy. Chỉ đến các người lớn bệnh hoạn cũng đã được khỏi khi cầu xin Búp-bê Thần; và lòng sùng kính tôn thờ tự nhiên dâng lên. Trước con mắt nhòm ngó dữ dằn của bọn lính Miên cộng, những người tù khốn khổ trong Nhà



Thờ đã không dám lập nên một bàn Thờ cho Vị “Chúa Con Nít” của họ. Đền đài của Chúa Giêsu Hải Đồng nơi đây chính là cái túi vải rách rưới đeo trên lưng em bé Bòboul, một đứa trẻ gầy gò bần thủ. Đến nỗi chính danh hiệu cao cả của Chúa cũng chẳng ai biết nữa. Đoàn người tù tội đã dùng ngay tên em bé để gọi Chúa Giêsu Hải Đồng, bây giờ tên Ngài là “Thần Bòboul”.

Nhiều đêm, cửa Nhà Thờ mở ra, những hòng súng chĩa vào, vài tên Miên cộng thò đầu vô gọi tên một số người. Những người bị gọi đi trong đêm sẽ không bao giờ trở lại. Họ đến quỳ gối bên em bé Bòboul, hôn tượng Chúa Giêsu Hải Đồng:

- Lấy Thần của Bòboul, bây giờ con sắp đi vào cõi chết, con muốn khi chết đi được Thần của Bòboul thương con, đem con về cõi Trời với Thần!

Cầu nguyện xong, họ hôn em Bòboul và ra đi vĩnh biệt, trong khi đó Bòboul vẫn ngủ say sưa không biết gì cả. Số tù nhân vô tội rơi xuống lần lần.

Một đêm nọ, bà Pranak bị gọi tên. Bà choáng người như bị sét đánh, gọi cả bốn con dậy, mẹ con ôm lấy nhau khóc mướt rồi bà cầu nguyện:

- Lấy Thần của Bòboul, xin cứu con, xin cho con được sống với bốn đứa nhỏ này, cha nó đã bị bắn, hai anh nó đã bị đốt lửa; xin Thần hãy cứu con để chúng nó còn có mẹ, và để mẹ con chúng con suốt đời thờ lạy Thần.

Bà hôn các con rồi ra đi trong đêm tối theo lũ Miên cộng...

Chừng hơn 2 tiếng đồng hồ sau, cánh cửa hậu Nhà Thờ bỗng hé mở. Bà Pranak len lén bò vào. Bà thì thào với các con:

- Mẹ và nhiều người bị đẩy xuống một cái hố, tại nó xả súng bắn càn rồi

lấp đất lên, và bỏ đi. Mẹ không bị trúng đạn, moi đất chui lên được về đây với các con. Đúng là Thần của Bòboul đã cứu mẹ!

Năm mẹ con lại ôm nhau khóc... và tạ ơn Thần. Việc bà thoát chết, mò mẫm đêm khuya trở lại Nhà Thờ (đúng ra là nhà tù), cũng như việc lính gác ngủ vùi và cửa Nhà Thờ hé mở, cho đến bây giờ, bà Pranak vẫn không hiểu tại sao được như vậy. Bà chỉ một mực tin rằng đó chính là Thần Bòboul ra ơn cứu mạng

Ngày chế độ Pol-Pot bị lật đổ, bọn lính canh tù trước khi tháo chạy đã thả đại vô Nhà Thờ 3 trái lựu đạn. Bé Bòboul thất kinh, cầm tượng giờ ra ngăn

cản. Lạ thay, cả 3 quả đạn đều tịt ngòi lăn long lóc trên nền Nhà Thờ. Một người trong toán tù đã liều mình nhặt vớt ra ngoài. Khi quả lựu đạn cuối cùng ném ra khỏi

cửa sổ, cả 3 đã phát nổ dữ dội khoét thủng một lỗ ở chân tường, và do đó đoàn tù đã thoát ra rồi tản mác, mạnh ai nấy chạy trốn vượt biên giới qua Thái Lan tị nạn.

Bé Bòboul lạc gia đình, một mình chạy nhủi ở trong rừng, hết lòng cầu xin, hai ngày sau thì gặp lại được mẹ và anh em như cũ.

Khi năm mẹ con đất dúi nhau vượt biên tại Ban Nong Pru chính là chỗ quân đội hai nước canh phòng biên giới, đang



ghìem nhau rất cẩn mật. Bé Bòboul cầm tượng Chúa đi trước dẫn đầu cho gia đình đi ngang qua hai trạm lính canh gác, lạ thay, thấy lính Miên-cộng và lính gác Thái đều ôm súng ngủ khì. Câu chuyện thuật lại tưởng như khô hài và hoang đường vậy.

John tỏ ra đặc biệt chú trọng đến mọi chi tiết của câu chuyện. Anh hỏi và Saleng thông ngôn:

- Cho đến nay, Chúa Hải Đồng còn tiếp tục làm phép lạ không?

Bà Pranak trả lời:

- Không! Không phải phép lạ, Thần của Bòboul không làm phép lạ ra lửa, ra ánh sáng đâu. Thần chỉ cứu người thôi. Ai cầu xin Thần sẽ được, nhưng phải ở hiền, ở tốt, đừng có dữ dằn, ai yêu thương người ta, Thần của Bòboul mới cho ơn. Thần còn cho ơn nhiều nhiều, phải tin Thần thì mới được chứ!

Tôi ngạc nhiên đến sửng sờ nhìn bà Pranak, có phải bà vừa đọc một đoạn Thánh Kinh nào đó cho tôi nghe không? Tôi nhìn kỹ mặt bà, gương mặt cẩn cố xám xịt, hàm răng vàng khè, cặp mắt đục và mệt mỏi. Bà què kệch, xấu xí và rách rưới hôi hám nữa, nhưng tâm hồn bà dường như tràn ngập Niềm Tin và sự vui mừng.

Bốn đứa nhỏ của bà cùng với lũ trẻ tị nạn khác đang xúm quanh John nhai kẹo cao-su. John nhờ Saleng giảng dịch cho chúng hiểu sơ

lược về Chúa Cứu Thế, mà bức tượng của Bòboul chính là Thánh tượng Ngài. Thật mà nói, tôi thấy lũ nhỏ chăm chú vào việc nhai kẹo nhiều hơn là lắng nghe câu chuyện Thánh Sử.

Khi chúng tôi từ biệt bà con tị nạn về lều, John chưa kịp nói lời Good Night thì một thanh niên chạy tới rồi rút lên:

- Đem Thần của Bòboul tới mau, xin cứu vợ tôi, nó sắp đẻ rồi, chẳng có cô mụ bác sĩ gì ráo, khéo nó chết mất! Lạy Thần, xin cho vợ con của con được sống.

Tượng Chúa Hải Đồng được rước đi tức khắc. Chúng tôi cũng cấp tốc trở về lều. Khi John trở lại với một bác sĩ thì mọi sự đã xong. Một em bé tị nạn đã sinh ra bằng yên, người sản phụ đang thiu thiu ngủ, và người chồng đang quỳ dưới đất chấp tay lạy Chúa Hải Đồng như tế sao.



Bà Rosalynn Carter, sau này khi đến thăm trại, đã bông đùa bé đó trên tay và úa lệ nói rằng: ***"I want to go home as fast as I can and mobilize people and do all we can to help the people here"***. (Tôi muốn trở về Mỹ càng sớm càng tốt để vận động dân chúng làm tất cả những gì chúng ta có thể làm được để giúp dân chúng nơi đây.)

Trần Quốc Bảo
Richmond, VA/USA

Chùm thơ cuối năm ở Sài Gòn quán

Lâm Thúy

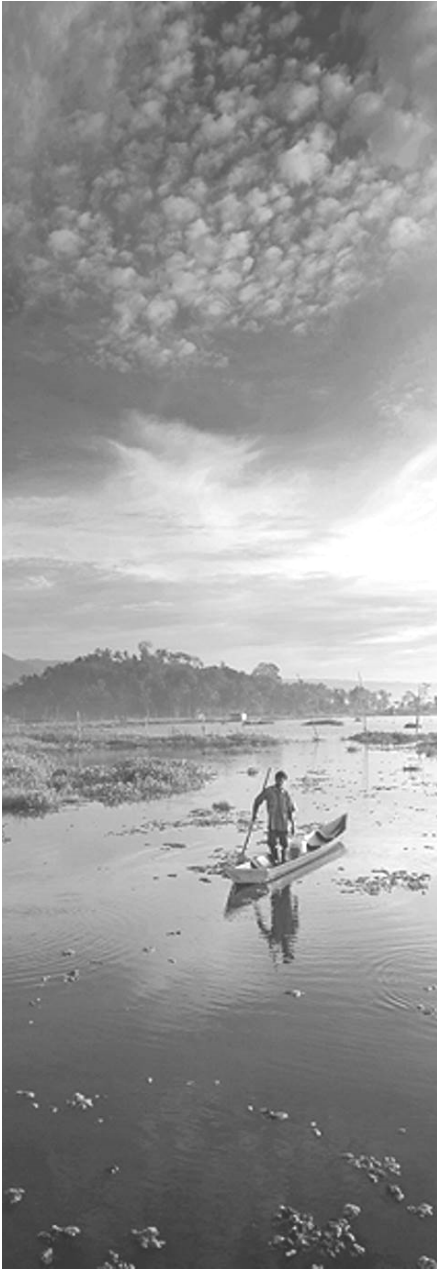
Đinh Cường

Đêm nay, Anh là linh hồn
Mừng Anh hồi phục, sinh tồn dài lâu
Tài hoa, chi ngại bạc đầu
Vẽ vời nét cọ, tô màu nhân sinh
Lành thay câu nói chí tình
“Dễ dàng cá tính, chân thành tâm giao”

Nguyễn Thế Toàn

Quý thay! Ôi! Nguyễn Thế Toàn
Đắng cay, bầm dập vẫn còn ung dung
Thênh thang, đường chẳng đến cùng
Phải đâu mặt vận anh hùng mà lo
Nhiều năm không gặp, mặc dù
Mà niềm hòa ái vẫn như thuở nào





Đặng Đình Khiết

Phương danh nghe đã lâu rồi
Lần đầu tiên mới được ngồi với nhau
Tiếc người đã sớm về mau
Thì thôi, có hẹn, lần sau lại mời
Người đi bỏ dở cuộc vui
Nửa ly rượu đỏ, nửa lời chúc xuân

Chị Trương Hồng Sơn

Thấy chưa! Xa mặt, cách lòng
Cúc Hoa ngồi giữa nên không kịp chào
Chị cười đôn hậu làm sao!
“Bao người chào hỏi, có đâu vội vàng”
Trái tim nhân ái, dịu dàng
Như loài hoa ngát hương lan. Tuyệt vời!

Trương Vũ

Hỏi thăm: “Hội họa dưới trời
Riêng trong đất Việt, ai người tài hoa?”
Đáp rằng: “Thứ nhất là ta
Đình Cường kế đó, thứ ba không người!”
Hiểu rằng chỉ nói đùa, chơi
Phải đâu ngạo mạn buông lời cuồng, ngông
Nhưng mà kiên thức mệnh mông
Cũng người chẳng dễ tìm trong ta bà...

Phùng Nguyễn

Sợ gì gió táp mưa sa
Rượu không uống cạn; đường xa ngại về
Thâm trầm, nói ít, nhiều nghe
Suy tư trăm mối, lòng che muôn phiền
Vui hòa trong cuộc chung, riêng
Lắm khi hồn giạt những miền mù xa

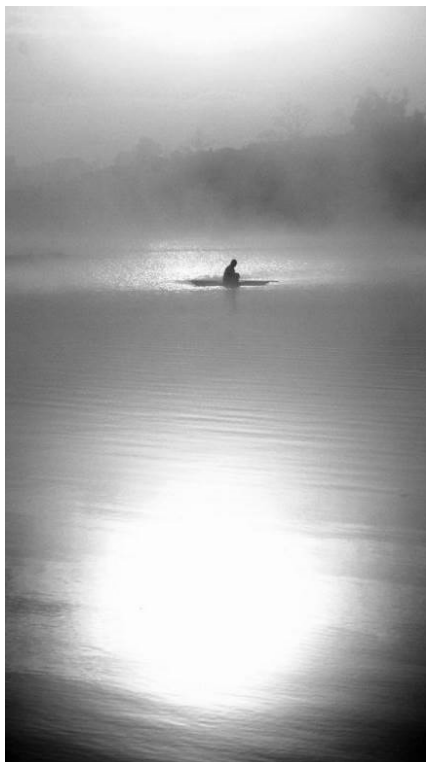
Cúc Hoa

Nàng từ trang sách bước ra
“Giấc mơ Đà Lạt” sương và tình yêu
Hương thơ vẽ nét yêu kiều
Níu thanh xuân lại, thêm nhiều tháng năm
Đời vui, hạnh phúc cũng gần
Vội tay đã chạm mùa xuân cuộc đời
Cho dù đêm có tuyết rơi
Chút lòng ngưỡng mộ, vì người áo hoa

Phạm Cao Hoàng

Mãi là một gã tình si
Quẩn quanh một mối: Đường đi, lối về
Sông nào cạn, có hề chi
Cúc Hoa ơi! Hỏi làm gì Phạm Công
Thì như con nước xuôi dòng
Thuyền trôi đã ghé bến trong một đời





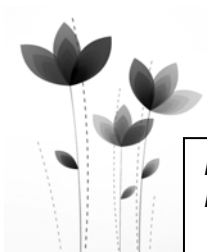
Nguyễn Minh Nữ

Chuyện vui nỏ như bắp rang
Thập phần lồi cuốn, miên man mạn trà
“Cô Mai” về lại quê nhà
Hên chi nhập nhòm “đón bà về dinh”
Tiệc vui dù chẳng linh đình
Tạ ơn “Sứ giả” âm tình thân sơ

Lãm Thúy

Và ta, muôn thuở ngu ngơ
Đến đây cũng chỉ để chờ mà nghe
Lời hay, ý đẹp mang về
Câu thơ mộc mạc, lòng quê chân thành
Chúc nhau Xuân mới an lành
Hẹn sang năm lại đáp tình tri âm

Lãm Thúy
01-02-2015



*Danh ngôn:
Người ích kỷ không có bạn. Người tham lam không có hạnh phúc.
Albert Camus*

Ngày Tháng Không Tên

Tôi trở về ở đó như một người câm. Một người điếc. Một người mù. Những tháng năm dài trong trại cải tạo làm cho tôi xa cách với cuộc đời bên ngoài. Ra đường đi là cúi mặt, sợ gặp lại người quen. Một buổi sáng trên đường ra ngã ba Vũng Tàu, bỗng nghe có người gọi:

- Anh Hai!

Giọng đàn bà trẻ. Rất nhẹ. Hơi quen. Nhưng tôi chưa muốn quay lại. Cúi đầu tiếp tục đi. Bởi vì từ ngày được VC thả về, bị quản chế thời gian dài ở xã An Hòa này, tôi ngại lắm. Đi được mấy bước nữa thì người đàn bà trong quán cà phê chạy ra, vượt qua mặt tôi, giọng nhỏ nhẹ qua hơi thở:

- Anh Hai đây mà! Bộ anh quên em há?

Tôi dừng lại, nhận ra Thu Hà.

- À! Em Hà, em ở đâu đây?

- Quán cà phê của em đó. Em về đây lâu rồi. Từ ngày mất nước. Lâu lâu gặp lại anh em cũ của mình, mừng quá. Mời anh vào uống nước. Tôi ngại ngần đi theo Hà vào quán. Nhìn trước, nhìn sau như sợ có ai theo dõi mình. Ngồi vào chiếc bàn kê trong cùng của quán, nhìn ra trước mặt là khu chợ mới mở, kẻ mua người bán tấp nập. Được một cái quán như vậy mà làm ăn trong thời buổi khó khăn này kể cũng khá. Hà bưng ra

cho tôi ly cà phê đen nóng, ngồi xuống chiếc ghế đối diện với tôi và nói:

- Lâu quá mới pha cho anh một ly cà phê đen đặc nhé! Nghe anh đã được thả về mà em chưa kịp lên thăm. À, anh còn hút thuốc không?

- Thôi, cảm ơn Hà! Anh bỏ được thuốc lá lâu rồi. Thời buổi này bỏ được cái nào hay cái nấy. Mà cũng nhờ trại cải tạo đó.

Tôi nhìn quanh thấy quán vắng khách, mới hỏi nhỏ:

- Còn anh Vân đang ở trại nào?

Ngược nhìn tôi với đôi mắt u buồn, một lúc lâu Hà mới nói:

Vậy anh chưa biết gì à! ... Anh ấy bị chúng nó giết từ lúc tụi nó mới vào. Lờ Hà uất nghẹn.

- Anh thật vô tình. Mà mới về không dám đi đâu nên chẳng biết chuyện gì hết. Anh thành thật chia buồn cùng Hà và các cháu. Cho anh đốt nén nhang trên bàn thờ anh Vân.

Hai giọt lệ lăn trên gò má. Hà dẫn tôi lên căn gác nhỏ. Bàn thờ Vân kê ở giữa phòng, sát vách tường. Nhìn lên tấm ảnh Vân còn rất trẻ. Tôi đốt nhang, vái người bạn cùng khóa. Lòng buồn đau vô hạn. Từ đó tôi là khách quen thường trực của Cà Phê Hà. Tôi thì gì bỏ cũng được mà cà phê thì bỏ không

xong. Sống đời cô đơn, cứ buồn là đi ngồi quán cà phê.

Tôi với Thu Hà quen nhau từ nhỏ, cùng quê ở xã An Hòa. Hà là em gái của Phước, bạn học cùng lớp với tôi. Hà nhỏ hơn tôi hai tuổi, học sau tôi hai lớp. Cùng trường Ngô Quyền, Biên Hòa. Thời ấy nàng là hoa khôi xứ Bưởi. Nơi những bà mẹ thường hát ru con:

*À ơi... Sông Biên Hòa chảy ra bãi cát
Bưởi Biên Hòa vị ngọt mùi thanh
Mười năm khói lửa chiến tranh
Cô em bán bưởi bỏ mình vì ai ...*

Cuộc sống êm đềm thơ mộng nơi thành phố nhỏ hiền hòa, có dòng sông rợp bóng dừa xanh qua đi thật mau. Tôi thầm yêu Hà nhưng chưa kịp tỏ tình. Hà cũng biết vậy nhưng không nói. Cứ làm như mình là em gái ngây thơ. Định mệnh trái ngang kể từ lúc tôi học xong Tú Tài, chưa kịp vào đại học thì bị động viên đi trường sĩ quan Thủ Đức. Từ đó xa nhau.

Sau chín tháng tại quân trường, tốt nghiệp với cấp bậc chuẩn úy, tôi được chuyển về đơn vị xa, ít khi về quê nhà. Bẵng đi một thời gian lâu, khi tôi được nghỉ phép thường niên về thăm quê thì nghe tin Thu Hà đã có chồng. Nàng kết hôn với Vân, cũng là bạn cùng khóa Thủ Đức với tôi. Vân ra trường được chọn đi ngành Quân Báo. Sau khi tốt nghiệp trường Cây Mai thì về đơn vị 101, ngụ tích thành dân thường hoạt động tại vùng Long Thành. Vì nghiệp vụ, Vân đã mở một quán nhậu thịt rừng cạnh Quốc Lộ 15 để liên lạc với các mật báo viên lấy tin tức tình báo. Mỗi lần Sư Đoàn 18 Bộ Binh có dịp hành quân qua

đó, tôi đều ghé quán nhậu Vân Hà để thăm bạn, nên tình bạn của chúng tôi rất thâm thiết. Dù đã có chồng cùng cấp bậc với tôi, Thu Hà vẫn luôn gọi tôi là “Anh Hai” như hồi còn đi học.

Cho tới 30 Tháng Tư năm 1975, cột mốc thời gian lạnh lùng của lịch sử xương máu dân tộc. Bóng đêm hải hùng phủ xuống người dân Miền Nam. Bọn “Cách Mạng 30” điềm chỉ, lòng sục. Đầu đó trong đêm, những tiếng súng lể loi, những mạng người gục ngã. Không tội trạng. Không nhân chứng. Xác bị chôn vùi đâu đó. Ngoài những người bị bắt đi cải tạo, còn có những người không bao giờ trở về với vợ con nữa. Trong bối cảnh kinh hoàng ấy, chủ quán nhậu thịt rừng Vân Hà đã bị phát hiện là Thiếu Tá ngụy và bị bắt đi giữa đêm khuya. Vân trở thành miếng mồi ngon cho Năm Tấn, Bí Thư Huyện Ủy Long Thành, chúa tể vùng Quốc Lộ 15. Không phải vì là sĩ quan chế độ cũ, mà vì gia tài của ông chủ quán Vân Hà. Năm Tấn cùng với đàn em đã dẫu nhem, không chuyển Vân lên cấp trên. Chúng đã nhốt Vân vào hầm kín và bỏ đói cho đến chết. Một đêm tăm tối lạnh lùng, xác Vân bị ném xuống nơi vực sâu của dòng sông An Hòa, một nhánh của sông Đồng Nai, lúc nước thủy triều đang dâng cao, cuộn cuộn chảy xiết. Hà bị đuổi ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng. Bị đầy đi kinh tế mới.

Chờ mãi không thấy tin chồng, Hà đi dò hỏi khắp các trại tù cải tạo, không nơi nào có tên Vân. Thân cô thế cô. Trước quyền lực của bọn độc tài thống trị. Hà chỉ biết ngậm ngùi thương nhớ chồng trong nỗi buồn vô vọng.

Nhưng đời thật không ai ngờ. Mấy năm sau, bọn Cộng Sản miền Bắc thanh toán loại bỏ dần bọn kháng chiến miền Nam để giành phần ăn. Tại Biên Hòa, vụ án Mười Vân, tên giám đốc Công An tỉnh Đồng Nai, khét tiếng độc ác, sát máu, bị tội tử hình. Đó cũng chỉ là một cái cớ để bọn miền Bắc loại bỏ Khu Ủy Đông Nam Bộ cũ. Từ Năm Chử đến bọn đàn em, Huyện Ủy, Xã Ủy mỗi tên một tội. Bị vào tù hoặc bị cách chức về quê làm ruộng. Riêng Năm Tấn, Bí Thư huyện Long Thành bị đàn em tố cáo vụ tự ý giết Thiếu Tá Vân để cướp tài sản làm của riêng, thêm nhiều tội danh khác nữa nên bị lột Đảng Tịch và đi tù.

Ngày tháng dần trôi, tên giặc rừng già danh cách mạng hết hạng tù trở về sống cô độc ở làng quê. Mọi người xa lánh, khinh bỉ. Chán đời, ngày ngày hẩn rượu chè be bét. Đây là xứ rượu nổi danh “rượu Bến Gỗ ai đồ nấy uống”. Mỗi lần say sưa, hẩn chửi bới bọn đàn anh, chửi bới bọn Cộng Sản Bắc Kỳ bằng đủ thứ ngôn ngữ tục tằn. Một hôm

trong cơn say, hẩn như người mất trí, nhảy xuống vực thẳm của dòng sông. Nơi khúc quanh mà chính bàn tay độc ác của hẩn đã từng dìm bao nhiêu xác người dân vô tội bị hẩn chụp lên đầu cái mũ Việt Gian, Phản Động..., nơi hẩn đã sai đàn em ném xác Vân xuống đó. Hẩn chơi vơi giữa dòng nước thủy triều đang lên. Người dân đứng hai bên bờ sông vỗ tay, reo hò, nhưng để mặc hẩn, không ai thêm cứu. Cuối cùng hẩn chết đuối. Lâu dần, người dân không ai còn nhắc đến tên hẩn nữa. Dòng sông An Hòa rợp bóng dừa xanh vẫn còn đó. Khúc quanh của dòng sông vẫn còn đó. Chứng tích lịch sử của tội ác vẫn còn đó. Nước sông vẫn ngày ngày chảy xuôi dòng.

Không biết ngày giờ này, em gái Thu Hà của tôi lưu lạc nơi tiểu bang nào của xứ Bắc Mỹ lạnh lùng. Có còn nhớ “Anh Hai” của em không!

Texas, Bốn Mươi Năm Quốc Hận
ĐẶNG NGUYỄN



Nước

Xưa kia nước chảy xuôi giòng
Cỏ cây tươi tốt ruộng đồng nở hoa
Niềm vui đến khắp mọi nhà
No cơm ấm áo như là cảnh tiên

Một hôm khắp cả ba miền
Sơn cùng thủy tận xuống miền nông gia
Trâu bò lục súc tiêu ma
Ruộng đồng ngập nước như là biển Đông

Hỡi ơi! Con cháu Lạc Hồng
Cớ sao đất nước ra nông nổi này?
Từ ngày phù thủy sang đây
Một ngàn năm trước chưa đầy túi tham

Bây giờ cầu kết gian tham
Bán rừng cắt biển cho tan nước nhà!
Bọn bây quý quá tinh ma
Hãy nhìn cho rõ đây là Việt Nam.

Quốc Hưng

Virginia, ngày 30 tháng 4 năm 2014



Chùm thơ tháng Tư

Lê Mai Linh

Hãy Nói Lời Cảm Ơn Đúng Lúc

Chúng ta, những người đồng điệu
Sẽ đi hết đoạn đường và đoạn đời này
Đừng nói lời cảm ơn
Ném đi những lời cảm ơn xa xỉ về phía sau
Hãy tiến lên phía trước bằng trái tim người lính
Chúng ta không bao giờ là cựu chiến binh
Mãi mãi chúng ta là người cầm súng
xung kích trên mỗi chiến trường
Trên mọi mặt trận
Đến khi nào tắt thở, hăng hay.
Đừng nói lời cảm ơn
Đãi bồi quá đi thôi
Hãy giữ mãi mối tình chân thật
Mối tình chiến hữu
Không phân biệt người của ba miền
Không phân biệt người của vùng chiến thuật nào
Một, hai, ba, bốn và năm
Cũng là máu đỏ, da vàng
Cũng là đồng đội
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa
Bồn Phận, Trách Nhiệm, Danh Dự
Hãy tự hào là người lính Việt Nam Cộng Hòa
Chưa bao giờ thua cuộc
Chưa bao giờ đầu hàng
Trừ Tướng Dương Văn Minh.

Có nghe chăng, kẻ thù đang ca ngợi chúng ta
Người lính Việt Nam Cộng Hòa.
Có thấy chăng, kẻ thù đang thấp nhún hương lên chân dung
Người Anh Hùng Ngụy Văn Thà
Đã thấy rồi
Nhân dân miền Bắc đáng tiếc thương chế độ Việt Nam Cộng Hòa
Đã thấy rồi
Người lính Cộng Sản ngã mũ chào những anh hùng tuần tiết của quân đội miền Nam
Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai ...
Lịch sử đã xác nhận 30/4/1975 là ngày giải phóng ngược
Miền Nam giải phóng miền Bắc
Giữa Sài Gòn nhà văn Dương Thu Hương đã khóc
Khóc cho người chính trực bị quân gian tà thâm sát
Khóc cho Chân Lý bị treo cổ, Lê Phải bị đóng đinh
Những giọt nước mắt đủ làm chứng nhân lịch sử
Ai thắng ai.
Lịch sử đã chấp bút
Ai thắng ai?

Đừng nói lời cảm ơn giữa những người
đang sống
Hay nói lời tri ân những người đã chết
cho chính nghĩa trường tồn.
Hãy xem và chắc chắn đúng
30/4/1975 là ngày tạm thời di tản
Mùa Xuân nào ta về
Đã trong mắt nhìn thấy
Đã trong tay chạm tới

Hồn dân tộc đã hiện về.
Hãy nói lời cảm ơn những người đã “vì
quốc vong thân”
Hay nói lời cảm ơn người lính Việt Nam
Cộng Hòa và nhân dân hai miền Nam
Bắc
Ngày quật khởi đã cận kề
Sài Gòn, Huế, Hà Nội một lòng đứng lên
Là ngày cáo chung chế độ Cộng Sản.



Hãy Là Tháng 4 Cuối



Tháng 4, 40 lần tháng 4
Đủ chưa, số phận nước non?
Đủ chưa, đau bề hồn dân tộc
Kiếp lưu vong, những tháng 4 buồn.
Tháng 4, những buồn vui không đếm xuể
Tháng 4, những nợ nần chưa trả hết
Nợ người sống, nợ người chết
Tháng 4, những nỗi đau không thể xù.
Hãy là tháng 4 cuối cùng, tại sao không?
Hãy dự phần quyết định cho những tháng 4 sau
Hãy xắn tay áo, anh em ơi, nhập cuộc
Chẳng lẽ ngồi nhìn tháng 4 rồi thờ than.

LÊ MAI LĨNH

Lê Thị Ý

Lê Thị Ý Là bút hiệu và cũng là tên thật

Sinh tại Hà Nội năm 1939

Di cư vào Nam năm 1954, sống tại Sài Gòn

Thời gian làm việc tại Pleiku: 1965-1970

Vượt biển rồi định cư tại Maryland (Hoa Kỳ) năm 1981

Tác phẩm:

1/ Thơ Ý, Việt Nam 1967

2/ Cuộc Tình Và Chân Dung Tôi, Việt Nam 1972

3/ Quê Hương Và Người Tình, Hoa Kỳ 1992

4/ Vùng Trời Dấu Yêu, Hoa Kỳ 2000

5/ Quê Hương Và Kỷ Niệm, Hoa Kỳ 2010: in chung với chị, anh và em gái

Pleiku Và Kỷ Niệm

Tôi đến với Pleiku rất tình cờ, chỉ là một chuyến theo bà chị họ đi chơi. Pleiku hấp dẫn tôi ngay từ lúc mới bước xuống phi trường. Cơn lốc chùm lên toàn thân tôi lớp bụi đỏ. Ngồi trên chiếc xe nhà binh về thị xã qua con đường lồi lõm vết xe tăng, tôi bắt đầu cảm nhận cái không khí chiến tranh vây quanh. Người đầu tiên chị Kim, bà chị họ tôi giới thiệu, là Đại úy Ngô Văn Hòa. Chị Kim chào hỏi xã giao với anh chị Hòa nơi cửa bếp. Tôi được mời vào phòng khách. Trước mặt tôi là cái bàn nhỏ, trên có một tập thơ. Qua câu chuyện trong bữa cơm chiều, tôi được biết thêm là người quân nhân Ngô Văn Hòa chính là nhà thơ Anh Hoa, tác giả tập thơ mà tôi đã đọc. Khí hậu Pleiku không thua gì khí hậu Đà

Lạt nên chị Hòa đã hơn ba mươi mà còn má đỏ môi hồng, trông rất dễ thương. Rồi từ tình cảm cảnh với người, người với người đã khiến tôi chọn Pleiku làm nơi lập nghiệp.

Pleiku rất nhỏ, nhỏ đến nỗi: “đi dăm phút đã về chốn cũ”. Phổ xá không nhiều, Pleiku chỉ có vài ba quán ăn đặc biệt như Cơm Tám Thơm, Cơm Tàu Diệp Kính, Bún Bò nhà xác... Chiều, tối mùa đông, dân Pleiku mà được tô bún bò nhà xác thì thật tuyệt! Tô bún bò do chủ tiệm người Huế nấu có đủ thịt bò, giò heo và đĩa rau tươi, ớt đỏ; hấp dẫn đến độ thực khách đã quên đi những đầu ngón chân hay móng tóc thò ra ngoài chiếc poncho đang nằm đợi ở nhà xác

bên cạnh. Không khí chiến tranh dần dần thấm vào hồn tôi. Những bài thơ nhỏ của tôi bắt đầu trải giàn trên giấy. Sau những đêm Pleiku bị pháo kích, tôi nghĩ đến những người mẹ trẻ, những em thơ xấu số:

Vòng Tay Mẹ

*Con vẫn trong vòng mẹ!
Hơi thở cổ truyền sang
Thương con lay gọi khê
Nhưng chẳng thấy âm vang.*

*Con vẫn trong vòng mẹ!
Triền mi khép từ lâu,
Đôi môi không thể hé,
Cho tôi tiếng nói đầu.*

*Con vẫn trong vòng mẹ!
Tôi không biết là tôi
Ngắm con ngồi như thế,
Có xong được kiếp người.*

*Con vẫn trong vòng mẹ!
Thân thể vữa từ đây.
Thương con lòng như xé
Vùng quê hương lưu đầy.*

*Con vẫn trong vòng mẹ!
Bom đạn chẳng buông tha
Tình cha như trời bể
Ngàn đời ôm thân ma.*

*Đưa con hai lần chết!
Người mẹ trẻ lìa đời!
Quê hương hai tì vết!
Tiếng sông dài hồi ọi!*

Rồi qua tin những người lính Mỹ quân dịch rất trẻ chết trận nơi quê tôi, tôi như

thấy được cả hình ảnh và tâm tình của những người mẹ của họ ở bên kia bờ đại dương:

Người Mẹ G.I.

*Bên kia Thái Bình Dương
Mẹ mong con hồi hương,
Cho sầu nghiêng cánh đổ,
Trả lại con khung trường.*

*Bên kia Thái Bình Dương,
Từng chiều mong thư nhỏ,
Từng ngày xa người thương,
Chắc con giờ khôn khổ?*

*Rồi mẹ đau mẹ đau,
Chiếc khăn dài quấn cổ,
Tình yêu con ngút ngàn
Vượt trùng dương vẫn tỏ*

*Từng giờ sang tìm con,
Chiếc bình nghiêng khô mực
Năm tháng vẫn chưa tròn
Ôi hình hài đau nhức.*

*Một hôm nhận thư xa,
Báo tin con gửi quà,
Cùng tin con tử trận
Từ đồn con bay qua.*

*Rồi tiếng bay xé trời,
Điều hâu nghiêng cánh đợi
Rồi thân mẹ đã rời
Sân bay sầu vời vợi.*

*Thân con giờ còn đây.
Tìm con đã không còn!
Xa quê từ độ ấy,
Con được gì hồi con?*

Tôi còn thấy những người con gái thêm yêu mà phải từ chối tình yêu:

“Quên Đi Anh Ơi”

Vâng từ đây dứt đường tơ
Xin đừng đến nữa chuyện xưa dấy buồn
Tin yêu anh đắm cả hồn
Nào đâu dám tính đại khôn nổi mình
Pleiku vang trái lung linh
Khuôn trăng, giải núi, chuyện tình lãng phai.
Em đi bóng đổ đường dài
Anh say binh nghiệp, ngày mai xá gì.
Không ngại cuồng bạo mà chi
Cho thân em tẩy những tì vết xưa
Lời yêu anh hẳn là thừa
Tình yêu nhạt ánh sao thưa cuối trời
Nụ hôn không thấm làn môi
Đời em đã tắt tiếng cười từ lâu.
Xin đừng dẫn vật lẫn nhau
Quên đi anh nhé mộng đầu là mơ.
Chiều sau làm lỡ thế cờ
Đời chưa trang điểm nên thơ thiếu vắn.
Em từ đây sẽ gian truân.
Vòng tay khép kín tình xuân bể bàng
Đường Phan Thanh Giản mưa giăng
Cao nguyên phấn đỏ, con trắng trốn rồi.
Yêu thương không biết bao người!
Bây giờ tôi vẫn là tôi lỡ làng.
Đã toan may áo sang ngang.
Ngờ đâu áo trắng, khăn tang cho tình.
Vị hôn phu vẫn hiển linh,
Đêm đêm áp ủ khối tình dương gian.

Trong cái khốc liệt của chiến tranh, dù có tham lam yêu thương, lì lợm yêu thương đến khi mất còn khốn khổ, cay đắng trăm lần.

Chiến Tranh Và Cuộc Tình Lỡ

Sau giấc ngủ dung nhan mình xa lạ
Tôi ngỡ ngàng nghe tên thoát từ môi
Dòng luân lưu máu động đã lâu rồi
Thân hủy diệt từng tế bào mất hút
Tuổi đời trôi theo thời gian vùn vụt
Vượt tầm tay nhân ảnh vật vờ bay
Vẫn là tôi thân con gái lưu đầy
Vùng tâm tưởng từng bàn tay triển lãm
Và tìm tôi với tình yêu điên loạn
Ôi xa rồi lẫn sáng tuổi mơ hoa
Ôi Bắc Ninh, quê hương đã nhạt nhòa
Và ngôi mộ người cha giờ cỏ mọc
Tôi ôm tôi, nghe tiếng mình bật khóc
Nỗi cô đơn đằng đẵng ngọn triền dăng.
Vùng bình yên không dùng bước một lần
Tôi thêm khát ngày Hòa Bình trở lại
Mái đầu xanh, vành khăn sô ngậy đại
Long lanh màu chung thủy với tình lang
Tôi tiếc tôi không thấy được xác chàng
Nhưng yên ổn vẫn là niềm khát vọng.

Cuộc chiến này đây không còn lan rộng.
Cuộc chiến này đây, nòng thép lạnh tanh
Cho từng đêm tôi gọi khẽ tên anh
Âm vang lại lời thưa mừng đất nước

Sau giấc ngủ dung nhan mình đổi khác
Từ làn mi, đôi má đến bờ môi
Tôi thăm thì, tôi gọi mãi tên tôi
Âm thanh ngắn như cuộc tình thời chiến
Buổi sơ giao mình nghe như đã hẹn
Và hôm nay hai đứa đã rời nhau
Tôi vẫn tôi từng ga nhỏ cúi đầu
Và đêm lạnh nghe tim sầu nứt nẻ.

Ngày anh đi cho cuộc tình ta lỡ
Tên người yêu gục chết một miền xa

Máu đào phun cho cây cỏ thắm hoa
Và Xương trắng làm hàng rào đất nước
Anh là ai, đôi chân mềm xuôi ngược?
Anh là ai, anh ôm lấy đất liền
Tôi lạc bước trong tình riêng tê tái.

Những mảnh tình đến trong tâm, trong
thơ tôi chỉ một lần vội vã như thế! Cái
cảnh đào xoáy tâm hồn tôi, cõi thơ tôi,
đã được nhạc sĩ Phạm Duy đồng cảm
mà phổ “Thương Ca 1” của Lê Thị Ý
thành bản nhạc “Tưởng Như Còn Người
Yêu”

Thương Ca 1

(Tưởng Như Còn Người Yêu
nhạc Phạm Duy)

Ngày mai đi nhận xác chồng
Say đi để thấy mình không là mình.
Say đi cho rõ người tình,
Cuồng si thuở ấy, hiển linh bây giờ.
Cao nguyên hoang lạnh ơ hờ
Như môi góa phụ nhạt mờ dấu son.
Tình ta không thể vuông tròn,
Say đi mà tưởng như còn người yêu.

Phi cơ đáp xuống một chiều,
Khung mây bàng bạc mang nhiều xót xa
Dài hơi hát khúc Thương Ca,
Thân cô khép kín trong tà áo đen.
Chao ôi thêm nụ hôn quen,
Đêm đêm hẹn sẽ chong đèn chờ nhau.
Chiếc quan tài phủ cờ màu
Hắn lên ba vạch đỏ au phủ phàng.
Em không nhìn được xác chàng
Ai thêm lon giữa hai hàng nến trong?
Mùi hương cứ tưởng hơi chồng,
Nghĩa trang mà ngỡ thư phòng riêng ai.

Tôi đã xa Pleiku hơn bốn mươi năm,
nhưng với tôi, hình ảnh những người
góa phụ vẫn khóc than trong lúc nhận
xác chồng như vừa mới hôm qua, như
vừa mới buổi sáng... Và cuộc chiến
tranh vừa qua của đất nước, vẫn mãi
trong tâm, trong trí tôi và hẳn đó cũng là
tâm trạng chung của những người dân
Việt. Có lẽ vì thế mà “Tưởng Như Còn
Người Yêu”, cho đến ngày nay, vẫn còn
được nhiều người nhớ tới, bởi vì, đó
cũng là một phần đời, một phần đời đau
thương ngút ngàn của chúng ta, những
người dân Việt hiền hòa nhưng đã tình
cờ phải đắm chìm trong một cuộc chiến
thảm khốc của dân tộc!

Lê Thị Ý



Ở Quê Hương **Ở Quê Hương**

Cung Thị Lan

Quê hương ơi, tiếng yêu sao xa quá
Lời thương xưa xin gửi lại cho người
Còn tìm đâu thời thơ ấu hát cười?
Thờ ca khúc tình quê theo trang giấy

Tổ Quốc ơi, phải chăng người còn đây?
Bốn ngàn năm lịch sử rạng anh hùng
Hay mất rồi lòng đoàn kết ý chung?
Còn đâu nữa tình anh em máu mủ

Việt Nam ơi, phải chăng người còn đủ?
Hay vẫn nhìn con cháu kiếp điêu linh
Chiến tranh qua sao chẳng thấy yên bình?
Máu ngưng chảy sao còn đời oan nghiệt?

Đất nước ơi, xin một lời từ biệt
Phận bọt bèo lưu lạc sống tha hương
Biết bao giờ tìm lại được tình thương?
Thầm một bóng, mắt là đôi giòng lệ



Danh ngôn:

*Bạn có thể khiến mọi người rời bỏ quê hương họ, nhưng
bạn không thể cướp mất quê hương trong trái tim họ.*

Dos Parsons

Thuở Hàn Vi

Hồi ký Hồng Thủy



Đời sống bận rộn với những hối hả của cuộc sống trên đất Mỹ khiến 40 năm qua nhanh đến không ngờ. Nhớ ngày nào của tháng 4 năm 1975 tôi rời quê hương với một tâm trạng lo buồn cùng cực. Lo vì không biết tương lai sẽ đi về đâu. Đang có một cuộc sống đầy đủ hạnh phúc bỗng dưng như một giấc mơ, chúng tôi <<bùng con mắt dậy, thấy mình tay không>>. Hai vợ chồng, 4 đứa con thơ, đứa lớn nhất 13 tuổi, bé nhất 8 tuổi, ra đi với 2 bàn tay trắng theo giòng

người di tản không biết sẽ trôi dạt đến đâu.

Cũng may nước Mỹ mở rộng vòng tay chào đón những người tị nạn. Cho dù guồng máy chính trị của đất nước này đã dự phần trách nhiệm làm chúng tôi mất quê hương về tay cộng sản. Nhưng những người dân Mỹ tốt bụng, họ có trách nhiệm gì với chúng tôi đâu mà vẫn cố gắng giúp đỡ chúng tôi trong những bước đầu khó khăn, không cửa không nhà, không công ăn việc làm. Họ đón chúng tôi bằng cảm tình nồng ấm. Tôi nhớ mãi nụ cười của một bà lão da đen thật hiền hòa khi thấy tôi đi qua trước mặt bà. Những bàn tay nhỏ bé vẫy vẫy tôi của mấy em học sinh đi học trên xe bus vàng của nhà trường, khi xe lướt qua mặt tôi, lúc tôi đứng đợi đèn xanh để qua đường. Một người đàn ông Mỹ ân cần hỏi tôi có cần ông ta giúp khi thấy tôi khệ nệ ôm bọc đồ ăn mới mua ở chợ ra xe. Những cử chỉ nhỏ của thuở ban đầu đó, là niềm an ủi, niềm vui cho những kẻ tha hương chân ướt chân ráo đến một đất nước xa lạ.

Nhờ có bà dì ruột đã ở sẵn bên Mỹ vì chồng bà làm cho tòa Đại Sứ VN ở Washington DC, chúng tôi được trưởng nam của bà là cậu em Nguyễn Hoàng Diệu có quốc tịch Mỹ bảo lãnh gia đình tôi, nên chúng tôi được tá túc trong thời gian đầu khi chưa có công ăn việc làm. Hai vợ chồng, 4 đứa con ở chung trong

một phòng ở dưới basement nhà bà. Tuy chật chội nhưng ấm cúng tình gia đình, nên chúng tôi rất vui mừng. Khi tôi kể chuyện về thời gian đầu cho 1 cô bạn thân nghe, cô ấy đã nói đùa trêu tôi “Thế thời gian ở chung như vậy làm sao hai vợ chồng mi làm ăn?” Tôi phì cười và ngẩn mặt ra <ừ nhỉ, nếu tôi nhớ không nhầm thì suốt thời gian dài ở nhà bà dì, vợ chồng chúng tôi đã quên luôn “cái khoản đó”>. Ban ngày 2 vợ chồng lo đi lao động. Vợ đi làm bồi cho một coffee shop. Chồng làm cashier cho một tiệm ăn Hy Lạp. Cả 2 vợ chồng về đến nhà là mệt nhoài, lo cho 4 đứa con và cũng phải phụ lo cơm nước với bà dì. Tối đến vợ chồng con cái 6 mạng chui vào phòng ngủ chung “làm ăn” gì nổi cơ chứ, và “làm ăn” cách nào, khi 4 đứa con với 8 con mắt tinh như ma ở xung quanh trong 1 cái phòng chật rộng rãi gì cho lắm. Lúc đó chúng tôi còn trẻ, vợ 34 tuổi, chồng mới có 43. Vậy mà cuộc sống bận rộn khiến chúng tôi chẳng nghĩ gì đến những chuyện “trần tục” đó, và quả thật cũng không thấy cần thiết nữa.

Có công ăn việc làm rồi, chúng tôi mới dọn ra riêng. Chồng tôi là một người cha thương con và lo cho con vô cùng. Cả 2 vợ chồng tôi đều coi việc lo cho các con là ưu tiên số 1. Hồi ở VN, cả 4 đứa con tôi đều học đàn piano. Cuộc di tản làm việc học đàn của các cháu gián đoạn gần cả năm trời. Khi có việc làm và chuẩn bị dọn ra ở riêng, chồng tôi nghĩ ngay đến việc phải cho các cháu được tiếp tục học đàn vì gián đoạn lâu quá sợ các cháu sẽ quên hết. Vì việc học đàn của các con, chúng tôi phải thuê nhà riêng để ở thay vì có thể ở

apartment, mỗi tháng tiền thuê rẻ bằng nửa tiền thuê nhà, nhưng họ không cho phép đánh đàn vì sợ ồn làm phiền hàng xóm. Có nhà ở rồi chúng tôi tính tới việc mua đàn cho các con tập dượt. Vì học đàn mà không có đàn để tập hàng ngày thì cũng như không. Việc mua đàn mới là một sự liều lĩnh ít ai dám làm vào thời điểm đó. Khi dọn ra ở riêng, sau khi mua 1 cái xe để gia đình có phương tiện di chuyển, vốn liếng chúng tôi chỉ còn chưa được 2 ngàn đô. Chúng tôi đi kiếm mua 1 cái đàn cỡ trung bình giá là 1600 đô. Chúng tôi xin mua trả góp. Nhìn số lương của chúng tôi mà phải nuôi tới 4 đứa con, chủ tiệm đàn nói chúng tôi phải có người co-sign vì không đủ điều kiện để ký giấy mua 1 mình. Tôi vừa mở miệng nhờ cậu em bảo lãnh gia đình tôi co-sign dùm cho chúng tôi mua đàn cho các cháu thì cậu tròn mắt lên ngạc nhiên nhìn tôi như nhìn một con quái vật và hỏi tôi bằng 1 giọng gay gắt “Anh chị có điên không? Bây giờ lo sao cho đủ ăn đủ mặc là may, còn bày đặt cho con học đàn. Bộ chị tưởng anh ấy vẫn còn là Đại tá HQ à? Em còn không nghĩ đến chuyện cho con em học đàn, hưởng hờ anh chị, mới chân ướt chân ráo đến đây. Dẹp những chuyện viễn vông đó đi.” Biết là cậu em nói rất đúng, nhưng tôi cũng tủi thân và dù cố kìm hãm mà nước mắt vẫn ứa ra. Tôi kể lại cho nhà tôi nghe rồi hai vợ chồng bàn tới bàn lui, cuối cùng nhà tôi đi đến quyết định là vẫn mua đàn và trả cash luôn hết. Lý do vì chúng tôi nghĩ âm nhạc rất cần thiết cho đời sống, nó làm cho tâm hồn con người phong phú hơn. Nếu các con tôi có thú vui giải trí là âm nhạc thì sẽ không còn thì giờ rảnh rỗi để có thể sa

ngã vào những thói hư tật xấu của tuổi trẻ. Sau khi mua đàn cho các con, vốn liếng gia đình tôi còn đứng 90 đô la.

Chúng tôi đã tạo dựng gia đình mới trên đất Mỹ với con số khởi đầu là 90 đô. Mua đàn cho các con rồi thì phải lo tìm thầy dạy đàn cho chúng. Chúng tôi đã may mắn tìm được 1 bà giáo dạy đàn người Nhật. Bà Ellen Sakai rất tốt bụng, bà bằng lòng đến tận nhà dạy cho 4 cháu, mỗi tuần 2 giờ, mỗi đứa được học nửa giờ và chỉ lấy nửa giá là 10\$ 1 giờ, thay vì giá của bà là 20\$ 1giờ. Tiền lương 2 vợ chồng tôi tiêu vừa xoắn cho việc trả tiền nhà, điện nước đổ xăng và tiền chợ. Bây giờ 1 tháng phải chi thêm 80 đôla tiền học đàn cho các con. Kiếm đâu ra bây giờ? 80\$ đô la cash thời đó khá lớn, vì lương tối thiểu có 2\$ 10 cent 1 giờ rồi còn phải trừ thuế nữa.

Cuối cùng, tôi kiếm được việc làm đi dọn nhà cho một bà khách hàng người Mỹ vẫn đến coffee shop tôi làm uống café. Bà ấy bằng lòng trả tôi 20\$ cash mỗi tuần với công việc đến dọn nhà, lau chùi, hút bụi cho bà ấy. Tôi mừng hóm nhận lời liền. Tôi vui vẻ, hào hứng khi hút bụi, lau chùi cửa kính cho căn nhà rộng lớn của bà không nề hà công việc vất vả. Nhưng khi phải dọn dẹp phòng tắm và cúi xuống lau cái bồn cầu dù rất sạch sẽ, nước mắt tôi bỗng ứa ra. Tôi còn nhớ, tôi đã đóng kín cửa đứng khóc lặng lẽ một mình rất lâu khi nghĩ đến những ngày vàng son ở VN và nghĩ đến thân phận mình bây giờ. Càng nghĩ, càng tủi thân và cứ đứng khóc mãi. Hôm đó tôi về nhà, lòng nặng trĩu u sầu. Nhưng buổi tối khi nghe tiếng đàn réo

rất từ những bàn tay nhỏ bé của các con, tôi bỗng vui ngay và tự nhủ lòng “mình hy sinh cho các con được tiếp tục cuộc sống đầy đủ như những ngày còn ở VN, thì mình phải cảm thấy hài lòng và hạnh diện chứ, sao lại tủi thân và buồn!” Từ đó, mỗi tuần khi dọn nhà cho bà khách hàng người Mỹ, đến lúc phải chùi cầu tôi không cảm thấy buồn nữa mà ngạc nhiên thấy mình rất vui vẻ và miệng còn hát líu lo. Tôi tiếp tục công việc dọn nhà cho tới hơn 1 năm sau, khi tôi học xong nghề Cosmetologist và đi làm rồi tôi mới “say goodbye” bà khách hàng của tôi.

40 năm qua, đời sống đã ổn định, các con đã thành đạt. Đời mình đã bước vào tuổi hoàng hôn, có thể “chợt tắt” bất cứ lúc nào. Tôi vẫn không quên được cái “thuở hàn vi” đó và cảm thấy hài lòng là vợ chồng tôi đã làm thật tròn bổn phận và trách nhiệm với 4 đứa con thân yêu của mình bằng tất cả cố gắng và tình thương vô bờ bến.

Hồng Thủy
Tháng 4/2015



Con Về Tìm Lại Cây Hoa Sứ

Con muốn về thăm những luống cà
Mồ hôi ba ướt đầm những ngày
Theo ba lội ruộng mồ cua ốc
Lúa mới vàng thơm cánh én bay

Còn bụi tre già thực xa xưa
Chờ măng nghiêng bóng che nắng mưa
Ba thường ngồi nghỉ nghe chim hót
Gió thoảng êm đêm nhịp võng trưa

Có phải đường này lắm cỏ may
Bao lần đi học con qua đây
Trời mưa trơn trượt ba thương công
Hơi ấm ba ru con ngủ say

Bờ dừa bụi chuối gốc sâu riêng
Bao nhiêu sóng gió vẫn mơ tiên
Bánh phồng bánh trắng thù hoa nắng
Mong tiếng cu kêu tết bình yên

Ba dạy con vui học vỡ lòng
Chuyện xưa tích cũ chuyện ruộng đồng
Đội trời đạp đất yêu sông núi
Ngay thẳng giữ mình biết đục trong

Sân trước sân sau lắm mai vàng
Hàng cây vú sữa thực hiền ngoan
Mẫn cầu búi ngọt chen xoài tượng
Xuân đến rừng hoa nở bướm vàng

Bắp nướng khoai mì có nhớ ba
Hương ngâu nguyệt quới quện quanh
nhà

Ba về trên cánh hoa me đất
Vun bón gốc mai chiều thủy già

Chiếc xe đạp cổ mộng đầy vui
Con nhớ chân ba đạp hệt hơi
Tay xe còn dấu tay nhân đức
Ba chở con đi khắp chợ đời

Chỗ này có lẽ nền chuông trâu
Đàn trâu yêu quý nay về đâu
Đạn bom xóa dấu chân lam lũ
Xóa cả vui buồn cả chiêm bao

Còn bao nhiêu chỗ chưa kịp về
Bụi chuối sau hè lá vàng hoe
Thiếu mưa thiếu nắng hay thương nhớ
Bàn tay tình nghĩa ba vỗ về

Ao cá tra nuôi lẫn cá chài
Mẹ tung viên cám cá mừng bay
Mưa rào cá nhảy lên sân trước
Tắm mưa được cá con thật may (1)

Ngày tháng êm đêm cũng qua đi
Tuổi thơ tuổi mộng chưa biết gì
Bao nhiêu cay đắng ba mẹ gánh
Gác trọ đèn khuya ôn bài thi

Áo gấm chưa vui phải dọa dầy
Sao mình phải trả nợ ai vay
Ba như bọt nước mơ mây trắng
Thao thức chờ chờ con nhang khói bay

Chưa vui sum họp đã thêm đau
Mẹ dâu còn được thấy mưa rào (2)
Ba như cây trúc già khô héo
Ngơ ngẩn nhìn trâu quán yêu cau

Chưa kịp dâng cơm chưa hầu trà
Mỗi mồn thương mẹ ba vợ xa
Con như con nước xa nguồn cội
Trôi nổi hoang tàn hết thịt da

Lang thang đất khách kiếm cháo cơm
Vợ yếu con thơ đứt dây đòn
Từ ao nước ngọt ra biển mặn
Cá nhỏ mất hồn đau xót hơn

Cũng may rồi cũng được quen dần
Cũng thấy hoa đào đùa gió xuân
Trường học xứ người mệnh mông quá
Con lớn khôn dần vẫn tủi thân

Nước sông vẫn lạnh áo sương mù
Mười bốn năm dư bao lá thu
Con về tìm lại cây hoa sứ
Ba đã cùng con trồng ngày xưa

Cây cũng không còn vườn cũng không
Mẹ ba không để dấu bụi hồng
Con như hòn đất nung non lửa
Bếp lạnh tro tàn thôi hết mong...

Luân Tâm

Maryland - 10/25/08

(1) Lúc mới hơn ba tuổi, một hôm tôi được Mẹ cho phép tắm mưa nơi sân trước. Tôi bắt được một con cá chài to từ dưới ao nuôi nhảy lên bờ (theo đường nước mưa trên sân đổ xuống). Mẹ làm thịt cá chiên và nấu canh chua cho cả nhà ăn rất vui vẻ. Ba khen tôi giỏi quá. Nhân đó, Ba kể sự tích "Cá vượt vũ môn hoá thành rồng". Ba khuyên dạy tôi lớn lên phải cố gắng học hành, đỗ đạt để được khoẻ thân, không phải bị cực khổ tay lấm chân bùn như Ba Mẹ tôi vậy!

(2) Sau biến cố tháng tư 1975, tôi bị Chính Quyền CS tù đầy khổ sai biệt xứ. Khi tôi mới vô tù được vài tháng thì Mẹ tôi qua đời. Cả gia đình đều cố ý giấu kín vì sợ tôi biết hung tin có thể bị suy sụp tinh thần rồi đột quy luôn trong tù! Mãi đến khi được ra tù, tôi mới biết sự thật, tưởng như bị trời đánh, kinh hoàng đau đớn như đứt ruột nát tim gan vậy!



Áng mây hồng phiêu du

Ở trong cung ngoạn đạo
Cầm em nhắc chuyện tình
Hàng nghìn trang di cáo
Khóa bằng khóa... vô minh

Ở trong cung ngoạn đạo
Cầm em khơi chuyện tình
Ta nhìn em điên đảo
Khép mắt... từng câu kinh

Em nhìn ta khờ khạo
Thơm mái tóc tội tình
Trên bờ vai run rẩy
Hình như cơn gió xoay

Chưa dứt được tơ vương
Nghe chuyện tình kể lẽ

Còn nẩy mầm bén rễ
Miền tâm thức xanh tươi

Ở trong cung Mân Côi
Em cứ lần tràng hạt
Thanh âm từng nốt nhạc
Quyện hai đầu mối tơ

Ở trong cung thiên thu
Bao giờ đưa nhau tới
Bao giờ còn ngóng đợi
Áng mây hồng phiêu du

Hình như và hình như
Áng mây hồng phiêu du
Hình như và hình như
Áng mây hồng phiêu du

Phan Khâm



Nên Học Hỏi và Biết Ơn Bùi Ngọc Tấn?



Nguyễn thị Bé Bảy

- Chúng ta có trách nhiệm lưu giữ "ký ức dân tộc".

Chuyên Gia Kinh Tế Nguyễn Xuân Nghĩa nói về tác phẩm Hậu Chuyện Kể Năm 2000, có những điểm quan trọng sau đây:

- Đây là một tác phẩm có giá trị nghệ thuật, là một tác phẩm nên đọc và phải đọc.

- Tác phẩm này có khả năng cảm hóa con người.

- Với lòng nhân thì chúng ta sẽ làm cho đám người độc ác kia trở lại trạng thái bình thường, và dân ta sẽ sống cuộc đời bình thường.

Nhà bình luận Ngô Nhân Dụng nói rằng:

- Tác giả là nhà văn lớn, vượt lên hận thù riêng.

- Tác giả đã cống hiến cho người đọc và cho đất nước Việt Nam.

- Mình không viết văn là mang nợ và có tội với Bùi Ngọc Tấn.

- Chúng ta biết ơn và học hỏi ở Bùi Ngọc Tấn.

Vào ngày 15/1/2015 tại Nam California, Báo Người Việt và Nhà văn Trần Phong Vũ tổ chức một buổi giới thiệu cuốn sách "Hậu Chuyện Kể Năm 2000" và tưởng niệm tác giả Bùi Ngọc Tấn. Buổi sinh hoạt được tổ chức tại trụ sở báo Người Việt, ngoài ông Trần Phong Vũ, còn có ba diễn giả khác là Nhà Văn Nam Dao đến từ Gia Nã Đại, Chuyên Gia Kinh Tế (CGKT) Nguyễn Xuân Nghĩa và Nhà Báo Ngô Nhân Dụng.

Trong phần mở đầu, nhà văn Trần Phong Vũ giới thiệu "Hậu Truyện Kể Năm 2000" và tiếp theo là phần tưởng niệm Bùi Ngọc Tấn đã qua đời ngày 18/12/2014 tại Hà Nội. Trong phần phát biểu của nhà văn Trần Phong Vũ, có những điểm quan trọng sau đây:

- Bùi Ngọc Tấn là một nhà văn chân thật, và viết trung thực để "bảo toàn ký ức dân tộc".

(Xem youtube số 3780 FreeVN.net)

Việc này khiến cho tôi nhớ lại vào năm 2005, Tủ sách Tiếng Quê Hương cũng giới thiệu Bùi Ngọc Tấn qua cuốn sách "Viết Về Bè Bạn". Quyển này được "Nhã Nam, nhà xuất bản Hội Nhà Văn" trong nước ấn hành vào năm 2012.

Năm nay, 2015, đánh dấu 40 năm VNCH thất thủ, CS Bắc Việt cưỡng chiếm Miền Nam vào ngày 30/4/1975. Những người Việt tị nạn CS như chúng ta, cho dù được sống tự do ấm no trên khắp thế giới, vẫn chưa quên một giai đoạn lịch sử mà Quân Các Chính VNCH đã cùng chiến đấu để bảo vệ phần đất miền Nam dân chủ tự do. Trong công cuộc chiến đấu tự vệ này, đã có sự đóng góp của biết bao người, từ anh lính Địa Phương Quân & Nghĩa Quân đến chiến sĩ các Quân Binh Chủng trên khắp 4 Vùng Chiến Thuật, cho đến các lực lượng Cảnh Sát, Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn...

Ngoài những lực lượng kể trên, gián tiếp chiến đấu hay trực tiếp lăn mình trong lửa đạn, còn có những chiến sĩ vô danh không có số quân, đó là vợ con các anh lính Địa Phương Quân & Nghĩa Quân tại các đồn ở thôn ấp, làng mạc hẻo lánh. Khi cộng quân tấn công, những chiến sĩ này đã cùng chồng, cùng cha chiến đấu bằng cách tải đạn, cứu thương và ngay cả cầm súng bắn giặc khi người chồng gục ngã.

Xin mời đọc bài viết của tác giả Trần Phong Dinh nói về những chiến sĩ không có số quân này:
(trích)

Quốc Hận 30-4, Thương Tiếc Những Nữ Anh Thư Tử Chiến với Giặc Thù Cộng sản

Phạm Phong Dinh

NHỮNG NGƯỜI VỢ LÍNH THỜI LỬA BINH

Trong cuộc chiến tranh bảo quốc chống ngăn cơn sóng đổ của cộng sản quốc tế với đạo quân tay sai tiền kích của chúng là binh đội cộng sản Bắc Việt và Việt cộng miền Nam, khuôn mặt của những người vợ lính dường như đã rất mờ nhạt đằng sau chất muối trắng đầm đày trên lưng áo của những người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng chiến tranh càng nặng độ thì hình ảnh những người chị vô danh ấy đã dần hiện rõ trong một ánh sáng diệu kỳ, mà chúng ta chỉ có thể cúi người thật sâu xuống để tôn vinh và ngợi ca. Đó là những người lính không có vũ khí, không số quân, không tiền lương, không cả lương thực hành quân, nhưng là những người lính tỏa hào quang chói sáng nhất trong những hoàn cảnh nghiệt ngã thất ngật nhất, mà đã góp phần đem chiến thắng quyết định trên chiến trường.

Đó là NHỮNG NGƯỜI VỢ LÍNH, những người chị cao cả mà đã cùng chồng dần mình trong cơn bão lửa của chiến tranh, cùng chia sẻ cái chết, có khi các chị hy sinh trước cả các anh. Những cái chết anh dũng trong âm thầm đó nào ai biết được. Không có Lá Quốc Kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ phủ trên chiếc quan tài được ghép thành từ những mảnh ván đơn sơ, không có chiếc huy chương Anh Dũng Bội Tinh Với Nhàn Dương Liễu, không cả tiếng kèn truy điệu ai oán.

Những người lính đóng đồn cùng vợ con của các anh cùng sống chui rúc trong những cái hầm tối tăm ngột ngạt, dưới những những cái hố nhỏ ngập đầy nước. Những người lính nghèo nàn, rách rưới và tội nghiệp co ro ôm súng gác gác và đánh gác trong cái lạnh xé thịt của đêm. Ăn uống thì đạm bạc đến không có gì đạm bạc hơn được nữa. Một cái nồi cơm méo mó, với vài con cá nhỏ kho trong chất nước mắm hạng bét mặn chát những muối, một đĩa rau muống ruộng hay rau đắng xơ xác, mà có thể tìm thấy mọc đầy khắp những vũng nước đọng trên những cánh đồng lầy.

Cả gia đình người lính Địa Phương Quân hay Nghĩa Quân quây quần chung quanh mâm cơm đơn sơ đó chấp nhận sự thua thiệt của mình. Không than thở, không ta thán và vui lòng với niềm hạnh phúc mong manh của mình. Một năm 365 ngày, mười năm, hai mươi năm, cho đến ngày cuối cùng của cuộc chiến, hơn bảy ngàn đêm những người chị ấy chưa từng bao giờ biết ngủ yên giấc là gì. Chị thao thức đến nửa khuya, lắng nghe tiếng đại bác vọng ì ầm về thành phố từ phía mặt trận có anh ở đó, chị thổn thức nguyện cầu cho anh được bình yên, để anh có một ngày được về với chị và con, dù chỉ là những khoảnh khắc về phép thật quá hiếm hoi. Hay nếu chị cùng chồng trấn thủ lưu đồn, anh chiến đấu cơ cực như thế nào, anh ăn ngủ chập chờn ra sao, thì chị cũng cơ cực và chập chờn ngần ấy.

CHỊ PHẠM THỊ THÀNG, NỮ ANH THƯ
ĐẤT GÒ CÔNG

.....

Đêm 2.10.1965, với âm mưu làm xáo trộn hệ thống tiếp viện của những đơn vị diện địa trong khu vực Tiền Giang để dễ dàng thanh toán mục tiêu chính nào đó, chỉ trong một đêm Việt cộng đã tổ chức tấn công 11 vị trí của quân ta với quân số thật lớn. Đồn Giồng Đình thuộc tỉnh Gò Công cũng bị áp lực rất nặng của quân địch khi hứng chịu cuộc cường kích của 300 lính cộng.

Đây là một lực lượng chính qui Việt cộng với hỏa lực rất mạnh, chúng quyết tâm hủy diệt đồn Giồng Đình nhỏ bé, mà chỉ có vốn vẹn một Trung Đội Nghĩa Quân 24 tay súng trấn giữ.

.....

Đúng 2 giờ đêm, quân cộng dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Thượng Ủy Sáu Bích, đã mở cuộc tấn công từ hai mặt đánh vào Giồng Đình, với sự tin tưởng điên rồ, rằng chúng sẽ thanh toán cái tiền đồn nhỏ xíu này trong một thời gian ngắn. Chiến thắng dường như là chắc chắn, vì với quân số mười lăm hơn, mười đề một, dẫu chúng có thí chín tên thì cũng có thể hạ gục được một chiến sĩ Nghĩa Quân Giồng Đình.

.....

Đồn Giồng Đình nằm ở một vùng thôn ấp hẻo lánh trong tỉnh Gò Công, do một Trung Đội Nghĩa Quân trấn giữ, với thành phần chỉ huy gồm có anh Nguyễn Văn Thi, Đồn Trưởng, anh Lê Văn Hùng, Đồn Phó và anh Lê Văn Mẫn, âm thoại viên. Trấn thủ một vị trí hung hiểm như vậy, không chỉ có 24 tay súng mà đã đủ, nên tất cả những người vợ lính trong đồn đều đã được chồng huấn luyện sử dụng thành thạo những loại

máy móc truyền tin và vũ khí. Như vậy số tay súng đã được nhân lên gấp đôi.

Trong nhiều trường hợp, đến những giây phút tử sinh tuyệt vọng nhất, những em bé cũng tham chiến, khi các em gan dạ bò dưới lưới đạn của giặc để đem tiếp tế đến cho cha và mẹ. Không ai buộc những người vợ lính, con lính cầm súng đánh địch. Nhưng chính những người vợ lính, con lính ấy làm sao có thể ẩn náu tìm cái sống trong khi chồng và cha của họ sắp ngã gục ngoài chiến hào.

Khi chấm dứt đợt tấn công thứ ba, địch tạm rút để tái tổ chức tấn công, thì tình trạng bên trong đồn Giồng Đình đã khá là bi đát. Đã có đến 16 chiến sĩ Nghĩa Quân bị thương, chỉ còn 8 Nghĩa Quân còn chiến đấu được. Âm thoại viên Lê Văn Mẫn bị thương ở đầu trong lúc anh đang cố gắng gọi máy về Tiểu Khu.

Anh Mẫn gục xuống buồng chiếc ống liên hợp. Chị Trần Thị Tâm, vợ anh Mẫn vội đặt con bên cạnh anh và chộp lấy ống liên hợp. Liên lạc được tiếp nối, chị Tâm nghiêm nhiên trở thành một âm thoại viên, và là cứu tinh của đồn Giồng Đình. Ở một góc đồn, anh Lê Văn Hùng và chị Phạm Thị Thành, vợ anh, và hai đứa con nhỏ đang phải đối đầu với một lực lượng quá đông của địch.

Nhìn ra ngoài hàng rào kẽm gai, giặc đã đã tràn vào đen ngòm như những con quái vật hung hãn. Anh Hùng chỉ còn trong tay cây tiểu liên Thompson và 16 trái lựu đạn, chị Thành có một khẩu Carbine. Thật tội nghiệp cho hai đứa

nhỏ, sức ép của bộc phá và súng SKZ của Việt cộng bắn vào quá gần, các em không còn khóc được nữa mà đã nằm bất động dưới chân hai vợ chồng anh Hùng. Chị Thành thì thào:

- Chúng đang phá lô cốt chánh, để em bắn yểm trợ anh bò về giữ. Lô cốt mất là đồn mình mất, em nằm tại đây giữ mấy đứa nhỏ, nếu chúng tràn vào thì... thì... em ném lựu đạn ra, có thể cầm cự đến sáng được.

Anh Hùng ngằn ngừ, anh rưng rưng nhìn vợ con, rồi nhìn về phía lô cốt. Tiếng súng từ lô cốt cuối cùng đã yếu ớt lắm, có lẽ mấy Nghĩa Quân cố thủ ở đó đã kiệt quệ quá rồi. Số phận của anh Thi Đồn Trưởng thế nào. Anh Hùng lắc đầu không dám nghĩ đến chuyện xấu nhất đã xảy ra cho đồng đội. Nhưng nếu Việt cộng chiếm được lô cốt ấy, thì coi như đánh dấu chấm hết cuộc kháng cự. Anh Hùng phải quyết định, dù quyết định đó quá đau xót, là bỏ lại vợ con, mà trong lúc quân giặc đã hò hét ngay sát bên rồi:

- Anh chạy theo giao thông hào, em bắn yểm trợ cho anh.

Anh Hùng nhìn chị Thành và hai đứa nhỏ lần cuối cùng. Trong lòng anh quặn lên một nỗi bi thương. Trời ơi, vợ con mình. Hai đứa nhỏ chẳng biết còn sống hay đã chết. Anh phóng mình xuống hào chạy băng băng về hướng lô cốt. Cây Carbine trên tay chị Thành run lên, những tràng đạn rải vào những cái bóng đen đã quá gần. Anh Hùng đã bò vào được lô cốt, giữa những tiếng đạn nổ rền trời. May quá, anh Thi Đồn Trưởng vẫn nguyên vẹn. Súng SKZ của địch

thụt âm âm, nhưng anh Hùng vẫn có thể nghe được từng tiếng lựu đạn nổ từ phía công sự của chị Thành.

Nước mắt anh rơi lả chả trên nền đất. Anh đã đếm được đến con số 15, mà tiếng súng của địch vẫn nổ dồn ã ngay sát tuyến phòng thủ của chị Thành. Anh biết giây phút định mệnh thảm thiết nhất cũng đã điểm. Chị Thành sẽ làm gì với quả lựu đạn thứ 16. Anh Hùng đau đớn rên lên trong lòng: “Chỉ còn một trái lựu đạn nữa thôi, làm sao em cầm cự được đến sáng”. Chính anh cũng không có được một giây để nghĩ tiếp cái gì sẽ xảy đến cho vợ con mình, vì dưới chân lô cốt anh tử thủ đã đông nghẹt quân giặc. Đủ mọi thứ loại súng nổ chất chứa khắp đồn, anh Hùng không biết chắc là mình đã nghe được tiếng nổ của trái lựu đạn thứ 16 chưa.

Cuộc chiến đấu đã kéo dài được một tiếng đồng hồ, quân địch đã phá được lớp kẽm gai cuối cùng và sắp tràn ngập đồn Giồng Đình. Lúc đó là 3 giờ sáng rạng ngày 2.10.1965. Tình hình đã quá nguy ngập. Anh Nguyễn Văn Thi, Đồn Trưởng, quyết định thà hy sinh còn hơn là để đồn lọt vào tay địch. Anh giật lấy ống liên hợp từ tay chị Tâm và hét lớn:
- Hãy bắn lên đầu chúng tôi! Bắn vào giữa đồn... Hai lô cốt thứ nhứt và thứ hai đã thất thủ. Tụi tui ở lô cốt thứ ba. Hãy bắn lên trên đầu chúng tôi, Việt cộng đông lắm. Bắn đi... bắn...

Sau tiếng gọi thống thiết của người Đồn Trưởng, Pháo Binh Tiểu Khu Gò Công lập tức bắn vào đồn với loại đầu đạn nổ cao. Loại đạn đặc biệt này nổ khi cách

mặt đất chừng 4, 5 thước, rất hữu hiệu tiêu diệt biến người địch, quân ta núp trong lô cốt vẫn có hy vọng sống sót. Những cái bóng đen nhấp nhোang dưới ánh sáng hỏa châu văng tung tóe, tiếng kêu dấy chết của chúng như tiếng rú của quỷ. Hàng tràng đạn nổ cao vẫn dội ùng oàng xuống đồn. Chiếc lô cốt cuối cùng vẫn đứng vững, anh Thi cùng anh Hùng tử trong những lỗ châu mai bắn tĩa từng tên địch. Giữa tiếng súng nổ dồn, dường như người ta nghe âm thanh rì rì của máy bay. Không Quân Việt Nam đã tới. Những chiếc A1 khu trục cơ đã xuất kích. Đến đây thì Thượng Úy Sáu Bích, tên chỉ huy trận đánh đã có thể nhận thấy rằng, cuộc tấn công đồn Giồng Đình đã đánh dấu chấm hết, với phần thắng nghiêng về phía Nghĩa Quân Việt Nam Cộng Hòa. Lúc 4 giờ 30 sáng, chiến địa hoàn toàn im tiếng súng. Quân địch đã kéo những xác chết và những tên bị thương chạy trốn vào phía bóng tối.

Khi ánh hừng đông của một ngày mới đã lên, hai Đại Đội Địa Phương Quân do chính Trung Tá Tiểu Khu Trưởng Gò Công chỉ huy đã đến và tổ chức bung quân ra lục soát. Quân cộng đã để lại trận địa 23 xác chết, ở giữa đồn có 6 xác khác nằm bên cạnh lô cốt thứ ba, nơi mà anh Đồn Trưởng Thi, Đồn Phó Hùng và chị Tâm giữ máy truyền tin đã kháng cự mãnh liệt, thà chết không hàng. Những tên Việt cộng này mang trên mình rất nhiều lựu đạn và bộc phá, chắc là chúng quyết thí mạng để phá cho bằng được ổ kháng cự cuối cùng này.

.....

Nhưng đối với anh Hùng, thì tất cả những gì mà Việt cộng đã trả giá cho cuộc tấn công không làm anh quan tâm. Ngay khi tiếng súng vừa chấm dứt, quân cộng đã rút đi, thì anh đã như một người điên lao mình ra chỗ chiến hào mà chị Thành đã một mình một súng trấn giữ ở đó, với một niềm hy vọng mỏng manh, rằng đừng bao giờ trái lựu đạn thứ 16 được rút chốt. Anh Hùng bò vào khúc hào mà anh đã nuốt nước mắt chạy đi. Chị Thành cùng hai đứa con của anh nằm chết bên cạnh ba xác Việt cộng. Anh Hùng gục xuống như thân cây chuối bị một nhát dao bén chém ngọt làm đôi. Anh biết, nếu trái lựu đạn thứ 16 nổ thì chị Thành cũng đi vào cõi chết, vì chị Thành sẽ không bao giờ cho phép giặc bắt chị hoặc đạn của chúng bắn vào người chị. Chị Thành đã chọn một cái chết thật dũng cảm và cao cả. Ôm hai đứa con vào lòng, chị Thành bình tĩnh chờ cho những tên Việt cộng nhào vào, chị rút chốt.

.....

Anh Hùng ẵm chị Thành ra ngoài, để trông thấy những người còn sống, những người vợ lính khác đã gục đầu khóc tiếc thương chị Thành. Những nắm mộ đất được đắp vội với ba tấm bia tang tóc. Một của chị Phạm Thị Thành, và hai kia của cháu Lê Văn Dũng và Lê Tấn Sỹ. Ôi, những người vợ của lính trong thời lửa binh.....

.....

Người vợ lính cùng chia sẻ với chồng những nỗi đắng cay thiết thời đó, bằng tất cả sự cầm nín nhẫn nhục và vui lòng với những gì mình có. Một góc hầm tối tăm, một chiếc ghế bố cũ, vài cái nôi, chảo nhem nhuộm, những cái chén sành

và những đôi đĩa tre, cùng tiếng cười của lũ trẻ thơ cũng đủ làm nên thành niềm hạnh phúc vĩ đại của những người vợ lính.

.....

(ngưng trích)

Tới đây, xin mời đọc bài viết của Bùi Ngọc Tấn, nói về cuộc xâm lăng miền Nam:

(Viết Cho Bè Bạn - Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương - 2005, Hoa Kỳ),
(Nhã Nam - Nhà xuất bản Hội Nhà Văn - 2012, Việt Nam)

Viết Về Bè Bạn, trang 62:

.....

Bắt đầu cuộc chiến tranh leo thang Giôn-xon. Miền Bắc mới được 10 năm im tiếng súng và đang tận lực chi viện cho miền Nam giờ đây phải trực tiếp chiến đấu. Những nơi chiến sự ác liệt nhất đều có Mạc Lân. Cơ quan cử anh đi vì anh là người xông xáo, không ngại hiểm nguy, mắt bắt vấn đề nhanh, viết bài nhanh, hơn nữa trước đây anh từng là phóng viên mặt trận. Yên Vực, Hàm Rồng, Nam Ngạn, Đò Cẩm, Cầu Hồ, Cầu Vắn ... đều có anh. Những địa danh giờ đây không gọi một ý niệm gì, nhưng ngày ấy là lương tâm của toàn dân tộc. Đó là quyết tâm của một bên là khoa học kỹ thuật hiện đại tối tân nhất, sức mạnh quân sự hùng hậu nhất của Mỹ và đồng minh và một bên là ý chí gan thép, của quân và dân miền Bắc giữ vững mạch máu giao thông đưa người và súng đạn của cải vào miền Nam chiến đấu.

.....

Những chiếc cầu bị sập, những chiếc máy bay bị bắn đứt ngang đâm thẳng xuống gần trận địa. Những trận địa pháo bị trúng bom, những cô gái đi thăm chồng là pháo thủ bỗng trở thành người tiếp đạn trên trận địa, ẩn hiện trong khói lửa, quần áo, da tóc khét mùi thuốc đạn. Trận chiến kết thúc, sau khi thay phiên trực chiến, sau khi đã xuống sông tắm gội và ăn uống, nghỉ ngơi, hai vợ chồng người chiến sĩ nọ tràn đầy tình yêu bước vào căn buồng riêng của họ: căn buồng hạnh phúc.

Trang 122-123:

Tôi quen Hứa Văn Định khi anh từ bộ đội chuyển về nông trường bông Gia Lâm, nông trường đầu tiên của miền bắc sau khi chiến tranh chống Pháp kết thúc. Đó là vào khoảng mùa đông năm 1955. Tôi, khi ấy làm phóng viên báo Tiền Phong về đó viết bài. Chuyển đi có ba ấn tượng tôi không quên được:

1/ Chiếc máy cày với hàng lưỡi cày sáng loáng vật đất lên phá bằng những bờ ruộng ngăn cách, tư hữu của nông dân ngàn đời cá thể, biến những ô ruộng nhỏ manh mún tiểu nông thành cánh đồng bao la của một nông trường, mà chỉ hai tiếng nông trường thôi cũng đã đồng nghĩa với khát vọng đã biến thành sự thật, một thiên đường đang đến. Trên cánh đồng nông trường mới hình thành, tiếng máy cày gọi nông dân quanh vùng kéo đến phấn khởi nô nức như một ngày hội lớn. Họ đến để xem, để nhìn tương lai của họ....

Trang 126-127:

Một lần Định một mình với một lái xe trên chiếc U oát đến với tôi. Chưa bao

giờ anh đi với tiêu chuẩn cao như vậy. Thì ra anh đang làm phim ở Hải Dương. Anh đang là thượng khách ở trên ấy. Anh xin xe về Hải Phòng đón tôi lên ăn đặc sản của tỉnh ủy chiêu đãi mà anh rất thích: Baba. Ăn xong, rượu xong, ngà ngà say, chúng tôi ngủ ở nhà khách Tỉnh ủy. Sáng hôm sau, đang đánh răng rửa mặt, cả hai chúng tôi bỗng dừng lại lắng nghe: Đài Tiếng Nói Việt Nam truyền đi thông cáo hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp Hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam.

Định bảo tôi: - Một buổi sáng lịch sử!

Đúng là một buổi sáng lịch sử vì đó là buổi sáng công bố chính thức quan điểm của Đảng về phong trào cộng sản quốc tế, về những mâu thuẫn, chia rẽ trong phong trào và thái độ của Đảng. Chúng tôi đón buổi sáng lịch sử đó không phải ở Hà Nội, không phải ở Hải Phòng mà ở Hải Dương. Hình như một buổi sáng có gió heo may, thứ gió đánh thức tình yêu cuộc sống.

Trang 209-210:

Bắt đầu những cuộc hành quân. Vượt hàng rào điện tử Mac Na-ma-ra. Những trận bom tọa độ trong chiến trường, Vũ Tín ở với ban chỉ huy mặt trận B5. Anh nhận phim của các phóng viên mặt trận, tổ chức tráng phim, soi phim làm ảnh, duyệt và phát tê-lê phô-tô về Hà Nội. Địa điểm đặt máy phát thay đổi hàng ngày để tránh máy bay địch phát hiện. Nhiệm vụ của anh là như vậy. Nhưng anh không thể không chụp ảnh. Đã vào chiến trường mà không có ảnh chiến trường của mình thì làm sao nữa. Anh báo cáo với cục chính trị mặt trận xin được làm thêm nhiệm vụ chụp ảnh

ngoài trận địa. Lãnh đạo mặt trận đồng ý. Thế là Vũ Tín với chiếc máy ảnh có mặt khắp nơi. Máy bay địch bay về và trên đầu. Pháo nổ không dứt. Tai ù đi. Đặc đặc. Quen rồi. Chỉ những lúc im tiếng súng, im tiếng máy bay mới làm mình bỡ ngỡ. Vũ Tín len lỏi trong Trường Sơn "theo bước chân giao liên". Gặp "trung đoàn 56 nguy phần chiến" và ghi lại phút lịch sử của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam tiếp nhận những người con lầm đường lạc lối quay về với cách mạng... (hết trích)

Tôi là một quân nhân VNCH, khi đọc đến đây, không khỏi cảm thấy đau lòng. Đau lòng vì những người mà mình ngỡ rằng thuộc về phía quốc gia, ở phía mình, lại ca tụng, tâng bốc một nhà văn Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Bùi Ngọc Tấn, tác giả của những "chuyện kể" như trên.

Đây có phải là những "ký ức dân tộc" của "nhà văn chân thật Bùi Ngọc Tấn", mà ông Trần Phong Vũ, người của chúng ta, đã lên tiếng kêu gọi rằng "mỗi chúng ta có trách nhiệm lưu giữ"?

Cũng xin hỏi Nhà Báo Ngô Nhân Dụng: "Chúng ta phải biết ơn và học hỏi" Bùi Ngọc Tấn, có bao gồm những "chuyện kể" trên đây hay không?

Một điều đau lòng nữa, là tuy rằng ba ông Trần Phong Vũ, Nguyễn Xuân Nghĩa, Ngô Nhân Dụng đã viện dẫn bao nhiêu là lý do để ca tụng Bùi Ngọc Tấn, cố tình dẫn dắt "chúng ta" có cái nhìn về

một Bùi Ngọc Tấn không phải là cộng sản, nhưng chính Bùi Ngọc Tấn đã không hề lẫn lộn lẫn ranh giữa "ta" và "địch", giữa "ngụy" và "cách mạng", hơn thế nữa, còn là một người cộng sản chính tông cùng với một thiên đường đang đến:

1/ Chiếc máy cày với hàng lưỡi cày sáng loáng vật đất lên phá bằng những bờ ruộng ngăn cách, tư hữu của nông dân ngàn đời cá thể, biến những ô ruộng nhỏ manh mún tiểu nông thành cánh đồng bao la của một nông trường, mà chỉ hai tiếng nông trường thôi cũng đã đồng nghĩa với khát vọng đã biến thành sự thật, một thiên đường đang đến. Trên cánh đồng nông trường mới hình thành, tiếng máy cày gọi nông dân quanh vùng kéo đến phần khởi nô nức như một ngày hội lớn. Họ đến để xem, để nhìn tương lai của họ...

Tưởng không cần phải nói gì thêm để minh định vị trí con người của Bùi Ngọc Tấn!

Tưởng niệm 40 năm mất nước và tưởng niệm 47 năm Tết Mậu Thân, ngay từ đầu năm 2015, trên báo, trên các diễn đàn điện tử, trên các website của đồng hương người Việt tị nạn cộng sản khắp nơi, đã viết, đã đăng rất nhiều bài về hai đề tài này.

Cá nhân tôi và quý vị, chúng ta đã đọc những câu chuyện kể về biến cố thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế với trên 5.000 đồng bào bị thảm tử dưới bàn tay của những con người Việt Nam đã mất hết

nhân tính, xem đồng bào là những con rắn độc cần phải tiêu diệt. Chúng ta đã đọc chuyện kể về cái chết của những chiến sĩ QLVNCH không chịu đầu hàng quân CS Bắc Việt theo lệnh của Dương Văn Minh. Chúng ta đã đọc những chuyện kể về sự tuân tiết của Thiếu tướng Lê Văn Hưng, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Thiếu Tướng Lê Nguyên Vỹ, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Thiếu Tá Cảnh sát Nguyễn Văn Long. Chúng ta đã đọc chuyện kể về trận đánh đầu tiên và cũng là cuối cùng của những Thiếu Sinh Quân tại Vũng Tàu. Chúng ta đã đọc chuyện kể về Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn bị VC hành quyết tại Cần Thơ... Chúng ta đã đọc nhiều chuyện kể về sự hy sinh của rất nhiều người đã ra sức bảo vệ miền Nam, trong đó có chuyện kể về chị Nguyễn Thị Thành tại Đồn Giồng Đình năm xưa mà tôi đã trích ở trên.

Cho nên, khi tôi đọc phải những "chuyện kể" trên đây của Bùi Ngọc Tấn vào thời điểm đầu năm 2015, thời điểm tưởng niệm 40 năm mất nước, liền cảm nhận có một mũi dao nhọn đâm thấu từ óc tim, xuyên tới tận cùng gan ruột! Một nỗi đau không thể diễn đạt thành lời!

Đau vì hai chữ "chúng ta" của các ông Trần Phong Vũ, Nguyễn Xuân Nghĩa và Ngô Nhân Dụng! Hai chữ "chúng ta" mà các ông ấy nói đến nó hàm nghĩa gì? Có phải đó là ông, là bà, là cô, là bác, là anh, là chị, là em, và là... tôi, một quân nhân QLVNCH! "Chúng ta" phải tri ân, phải biết ơn và học hỏi ở một con người như Bùi Ngọc Tấn, và "chúng ta" có trách nhiệm phải lưu giữ những "ký ức dân tộc" là những chuyện kể trên đây của Bùi Ngọc Tấn? Nói một cách khác, là tôi, một quân nhân QLVNCH, phải biết ơn, phải học hỏi nơi Bùi Ngọc Tấn, và tôi, phải có trách nhiệm lưu giữ những "ký ức dân tộc" của Bùi Ngọc Tấn!

Thưa quý ông Trần Phong Vũ, Nguyễn Xuân Nghĩa và Ngô Nhân Dụng,

Rất tiếc, tôi, một quân nhân QLVNCH không thể nào nghe lời kêu gọi của các ông. Vì tôi chưa điên và cũng chưa đánh mất lương tri!

Nguyễn thị Bé Bảy
Ngày 4 tháng 3, 2015



NGƯỜI TÌNH M16

Trần Quốc Bảo



Đời lính tụi mình, cha nào cũng cô đơn cả. Và bởi vì cô đơn, chúng ta trở nên rất đa tình. Đa tình chẳng phải vì mình là con nhà giàu đẹp giai học giỏi, mà vì quá cô đơn mà thôi. Gặp cái gì cũng có thể yêu được...

Yêu từ một đám mây lạc loài bay tít mãi trên cao, đến con suối nhỏ rù rì nằm quỳn dưới chân....

Yêu từ bao thuốc lá Basto Xanh Basto đỏ hay gói Capstan, đến cái hộp quẹt Zippo mà dù nghèo đến đâu, ai cũng

phải dành dụm để sắm một cái. Đi hành quân hay đi biệt phái, những đêm nằm không cô quạnh, lấy cái hộp quẹt Zippo ra bật nghe cách cách vài cái thôi cũng thấy vui tai, phần nào thay thế được tiếng nói thầm thì ngọt ngào của người tình hiện đang làm gì đó ở một chỗ rất xa...

Yêu nhiều thứ lắm, nhưng yêu nhất, phải nói là yêu người tình M16. Dù ăn dù ngủ dù làm gì đi nữa, không thể không có người tình M16 trong tay...

Tặng quý anh chị em một bài thơ nói về “Người tình M16 của Trần Quốc Bảo”. Đã hơn 40 năm rồi không còn gặp mặt nhau mà ông vẫn còn nhớ đến em, làm thơ tặng em, thì quả thật là lính chung tình. Ngày xưa, chắc là ông phải yêu em lắm. Ai bảo lính đa tình mà không biết chung tình xin hãy đọc bài thơ này.



M 1 6

Ta với Em Mười Sáu thuở nào
Chúng mình vừa gặp đã yêu nhau
Trong cơn thác loạn trao thân phận
Ôm xiết ghì em giữa chiến hào

Ánh hỏa châu soi rực chiến hào
Kề vai áp má chôn binh đao
Tuy không hò hẹn mà sinh tử
Mà chẳng rời tay một phút nào

Đâu quân gian truân nguy hiểm nào
Băng ngàn lũng thấp vượt đồi cao
Bốn vùng chiến thuật mình khăng khít
Mỏ Vẹt, Khe Sanh, đến Hạ Lào

Kỷ niệm không quên ở Hạ Lào
Đêm vùng hỏa tuyến đẹp trăng sao
Đưa nhau vào trận như vào mộng
Ta tắm em trong suối máu đào

Tùng biết bao phen nhuộm máu đào
Tung hoành Bến Hải tới Cà Mau
Diệt thù, quyết bảo toàn sông núi
Gối đất nằm sương trần địa đầu

Thép lửa bùng hoa tại tuyến đầu
Ai ngờ một thoáng đã tàn mau
Ta đi cúi mặt lìa sông núi
Lê bước chân hoang khắp địa cầu

Duyên cũ không như ý sở cầu
Nửa chừng dang dở bởi vì đâu
Xưa nay Lính và Em Mười Sáu
Tình vẫn mang mang vạn cổ sầu

Quốc phá Gia vong vạn cổ sầu
Nhưng còn sông núi, vẫn còn nhau
Chúng mình ươm lại hoa đầu súng
Dành lại Quê Hương một thuở nào.

Trần Quốc Bảo
Richmond, VA



Khiêm Tốn Và Tự Cao

Trần Minh Hiền

Khiêm tốn luôn được mọi người công nhận là 1 trong đức tính quý nhất của con người và tự cao là một trong những tính xấu nhất đối nghịch lại. Nhưng nếu ta nhìn kỹ trong cuộc đời và nhìn rõ chính bản thân chúng ta đôi khi khiêm tốn và tự cao cũng bị bị nhập nhằng khó phân biệt. Đôi khi cố gắng khiêm tốn 1 cách giả tạo lại làm cho chúng ta bị người khác cho là tự cao gấp nhiều lần. Thật ra sống ở đời rất khó để mà sống thật với mình và tránh tính tự cao và rèn luyện tính khiêm tốn. Những người thành công, nổi tiếng, giàu có thường khó mà giấu được sự tự tin và tự hào và dẫn đến cảm giác tự cao đối với người khác cảm nhận được. Rồi đôi khi chính những người xung quanh lại làm cho người ta trở nên tự cao mà không hay biết, sống trong ảo tưởng của sự tung hô giả tạo, sự cầu an và lâu dần thành hèn nhát. Tự cao là liều thuốc cực độc giết chết chính người có tính đó vì nó dần dần làm cho người ta chủ quan, khinh địch và dễ phán đoán, nhận định sai dẫn đến suy nghĩ, nói năng, hành động sai lầm. Và sai lầm này dẫn đến những sai lầm khác ngày càng tệ hại hơn. Nhưng khiêm tốn gượng gạo, trá hình, giả tạm lại còn nguy hiểm gấp bội phần vì nó lừa mỵ tha nhân và chính đương sự. Chỉ có sự khiêm tốn thực sự mới đem lại sự an bình trong tâm hồn, tỉnh táo sáng suốt trong phán đoán,

nhận định và dẫn đến suy nghĩ, tu duy, nói năng, hành động ... trong ánh sáng của trí huệ, từ bi, hỷ xả, bi trí dũng ... Vì sao chúng ta phải khiêm tốn? Không phải bởi vì chúng ta phải đóng kịch phải đeo mặt nạ, hay vì sợ người khác cho rằng mình tự cao tự đại mà hại mình. Mà chúng ta nhất định phải tu tập tính khiêm tốn vì thật sự tất cả chúng ta cho dù có thành công, thành đạt, thông minh, khôn ngoan, tài trí, giàu có, may mắn, xinh đẹp, ... bao nhiêu thì cũng chỉ là những sinh vật bé nhỏ mong manh yếu ớt trong vũ trụ, trong cõi ta bà tạm bợ và có quá nhiều bất trắc, nhiều nhương, lừa mỵ ... Khiêm tốn là nhận chân giá trị của chính mình và sống hoà đồng với tha nhân với vạn vật và vũ trụ. Khiêm tốn để hiểu biết, cầu tiến, hướng thiện và hướng thượng để thăng hoa và cố gắng học hỏi không ngừng, để biết rằng chúng ta sống cần đến sự giúp đỡ của tất cả mọi người từ những người thân yêu nhất đến những kẻ ghét bỏ ta nhất, những người bạn và người thù. Khiêm tốn là món trang sức tự nhiên và cao sang, đẹp đẽ nhất mà con người có thể tôn tạo cho vẻ bên ngoài cũng như tâm hồn của mình. Hãy học hỏi, tu tập để thấu hiểu chân giá trị của khiêm tốn.

Trần Minh Hiền

Orlando ngày 16 tháng 4 năm 2015

Nét Hằn Cẩn Cối

(tặng người bạn HO)

Từng đợt sóng vỗ về ta giấc ngủ
Ngọn gió rừng thoang thoảng tiếng quê hương
Tâm tư ta ray rứt suốt canh trường...

Miên man lắm khơi nguồn từ đất lạ
Ngày xa quê đón đau hơn gỗ đá
Thương không cùng vận nước lại nổi trôi
Tổ quốc ơi! Tạm nén xuống niềm đau
Và tức tưởi của phận người mất nước...



Nhìn hạt mưa không hồn - vỡ tan tành mộng ước

Giọt lệ nào tràn - Đủ gọi nhớ quê hương?
Sài Gòn ơi! Dù em ở xa tí phương trời
Em còn đó mãi trong ta... như thuở trước...

Nhớ cảnh hôm nào - Ta lê bước*

Bên lề đường Lê Lợi - Tự Do

Hàng me già đứng buồn xo vì đổi chủ!

Chợ Bến Thành - đáng sầu co ro như liễu rũ

Quán vỉa hè - Ta uống đắng giọt cà phê

Nghe mằn mằn như những dòng nước mắt...

USA đất lạnh - Xứ Cờ Hoa thêm sắc

Dắt dìu nhau tìm đến chốn tạm dung

“Quê hương mới”! Cát tiếng chào ngày mới

Nhưng đâu đây - thoáng nét hằn cẩn cối

Của kiếp người mang mối hận ly hương!!!

* sau ngày 30-4-75

BÙI THANH TIÊN

Từ Quốc Hận 30 Tháng Tư Tới Sự Mạng Chấn Chính Của Người Việt Tù Tể

Lưu Nguyễn Đạt

Hiện tượng và hiệu ứng “Ngày 30 Tháng Tư” Năm 1975 tới nay, sau 40 năm ròng rã, vẫn bao hàm nhiều ngộ nhận cần sửa sai và định hướng lại.

I. Những Ngộ Nhận Căn Bản Về Hiện tượng “Ngày 30 Tháng Tư”:



Trước hết, ngày 30 Tháng Tư năm 1975 không phải là ngày vui của toàn dân Việt, dù ông Võ Văn Kiệt có nhận định “...ngày 30 tháng 4, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn”; dù trong buổi lễ tiếp thu Sài Gòn, Tướng Trần Văn Trà, Chủ tịch Ủy ban Quân quản, đã phát biểu một cách băng quơ trước mặt Tổng Thống chớp nhoáng Dương Văn Minh: “Trong cuộc chiến đấu lâu dài này không có ai là kẻ thắng, ai là kẻ bại. Toàn quân và toàn

dân Việt Nam là người chiến thắng...”; dù cả Đại tướng Võ Nguyên Giáp lần đầu tiên gặp bại tướng Nguyễn Hữu Cốc cũng đã cầm tay mà nói: “Chào mi, ta với mi lúc trước hai đứa hai chiến tuyến nhưng nay ta đã là hai anh em”.^[1]

1. Lịch Sử Đã Cho Thấy Rõ Thực Trạng “Ngày 30 Tháng Tư”: Toàn Quân Và Toàn Dân Việt Nam Không Hề Chiến Thắng

■ Chỉ vài ngày, vài tháng sau “ngày giải phóng” [sic], đã phát động một hiện tượng “đổi đời” khôn khổ, khôn nạn nhất cho “toàn quân và toàn dân” miền Nam trong dòng lịch sử hiện đại. “Anh Em”, “toàn quân và toàn dân Việt Nam” chỉ là những xảo ngôn, dối trá, “nói-dối-như-vেম”.^[2]

Đương nhiên, đối với kẻ bên kia chiến tuyến, khi là thành phần thua trận, kẻ thắng chỉ cần gọi họ là “ngụy”, là tội phạm lý tưởng, họ sẽ bị vơ vét của cải, cướp đoạt nhà cửa, đánh tư sản, rồi từng đợt, từng đợt đi “cải tạo”, nghĩa là “được” cải huấn tù đầy, “được” tra tấn, hành hạ chục năm này sang chục năm khác, liên tiếp, theo khuôn khổ Gulag Cộng Sản Quốc Tế.^[3] CSVN tước đoạt nhân phẩm, tài sản và sức sống của

người dân thất thế một cách tàn nhẫn, dã man. Họ độc ác, khốn nạn hơn lũ mật thám thực dân Pháp đối với dân bản xứ, thời thuộc địa. Chỉ vì CSVN mặc cảm bất tài và tham lam đã tìm mọi cách củng cố vị thế độc đảng, độc tôn, để ngoài họ ra không còn ai được quyền quản trị đất nước, dù sau họ là phá sản, là tự hủy.

■ Kể cả cái gọi là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam thành lập từ năm 1960, dưới hình thức một “Lực lượng Việt Cộng Miền Nam” trá hình cũng không hề “chiến thắng”. Họ bị “thất sủng”, các lãnh tụ của “Mặt Trận” cũng bị thủ tiêu, hoặc đi “cải tạo” như kẻ thù phản động. Đồng chí hôm trước, kẻ thù hôm sau.

■ Kể cả “đồng bào” của người cộng sản cũng không hề “chiến thắng”. Điển hình là đồng bào đối khổ Miền Bắc từ 1954 tới 1975, dù được tuyên truyền tung hô là “dân làm chủ”, bất cứ lúc nào “họ” cũng sống trên đe dưới búa và dưới lưỡi liềm sát cổ. Kể cả gần 90 triệu người dân hôm nay cũng không hề “chiến thắng”. Cũng như ông cha họ trước kia, người dân Việt ngày nay vẫn là thứ dân oan, tiếp tục bị cướp bóc, thổ phỉ, sách nhiễu, hành hạ bởi lũ đảng phiệt đội lột mafia/tài phiệt đỏ, ác với dân, hèn với giặc-lạ. Nhất là khi CSVN hạ mình để Hán Cộng tùy tiện lấn đất, chiếm đảo, cắt rừng; tùy

tiện phóng uế gây ô nhiễm Tây Nguyên, sông ngòi; tùy tiện phá hoại sinh lực dân nghèo bằng đủ loại thực phẩm chế biến độc hại, rẻ tiền.

■ Kể cả giới trí thức cộng sản cũng không hề “chiến thắng”. Trước kia, tự coi là “hèn” nên không được trọng dụng bằng “cục phân”[sic] bởi đám lãnh tụ CSVN, lũ lượt ăn phải đũa Mao.[4] Ngày nay kẻ sĩ dù “đôi đời” vẫn mất giá đến độ “phi thường”; bất cứ lúc nào cũng có thể bị ghép đủ thứ tội, từ phản động, phản đảng, tới phản quốc. Nhà cầm quyền Hà Nội thừa thắng xông lên đem công an và xã hội đen thẳng tay hành hạ, phá phách, đổ phân người vào nơi trú ngụ các “đồng chí” ly khai như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Khoa Điềm; nơi trú ngụ các các nhà dân chủ, các nhà tu hành “phản động” vì không chịu đổi đời thành “cha-quốc-doanh”, thành “sư-quốc-doanh”. Gần đây, họ cũng “xử lý” như vậy đối với thành phần bất đồng chính kiến, như gia đình nhà văn Huỳnh Ngọc Tuấn, Huỳnh Thục Vy.



2. Đích Thực Ngày 30 Tháng Tư” Năm 1975 Là “Ngày-Quốc-Hận” Cho Toàn Dân Việt; Còn CSVN Là Kẻ “Thua Cuộc”:

Thật vậy, ngày 30 Tháng Tư năm 1975 không xứng đáng được coi là một thành tích về vang cho CSVN để họ tự xét là “Bên Thắng Cuộc”. Trái lại, ngày đó chỉ đáng nhớ là ngày chiếm đoạt Sài Gòn của “Bên Thắng Trận”, nhờ vào súng đạn và quân nhu Trung Cộng cho vay với lãi cắt cổ, trong khi bên thua trận là VNCH lại bị đồng minh Hoa Kỳ trong chiến lược “be bờ”[5] bỏ rơi cái một vì quyền lợi quốc gia họ, lúc đó đổi hướng đầu cơ vào thị trường sản xuất rẻ, “made in China”.

Nay sau 40 năm nhì nhằng lố hơn lời, Hoa Kỳ đã thấy “hố to” và đương tìm đường tháo lui. Trước sau vẫn là một: quyền lợi quốc gia Hoa Kỳ trên hết. Đó là mệnh lệnh bất di bất dịch của con buôn và người kinh doanh. Chỉ khác một điều, Hoa Kỳ là thương gia khá chân chính, vì còn biết sợ luật pháp và biết kết sinh với luân lý chân chính [corporate integrity] trong khi Tàu Cộng [khác với Tàu Singapore, Tàu Hồng Kông] lại là thứ “gian thương made in China” thứ tả-pín-lù, thi đua văng mạng, chết sống mặc bay.

Vậy, thành ngữ “Thắng Cuộc” của CSVN ngày Sài Gòn thất thủ không những ngạo mạn, tự mãn, mà còn vang vọng một

hậu ý man khai, lừa đảo, và tự lừa đảo, theo đúng truyền thống hoả mù cộng sản quốc tế.

Có lẽ nhà báo Huy Đức cũng thấy rõ như vậy, nên dù có khai sinh cuốn sách song tập trong năm 2012 & 2013 với cái tên tiền chế là *Bên Thắng Cuộc*,[6] ông đã vội vàng cảnh cáo ngay trong lời giới thiệu sách, như để tránh một sự làm lẫn lộn lịch sử đáng tiếc:

“Cuốn sách bắt đầu từ ngày 30-4-1975, ngày nhiều người tin là miền Bắc đã giải phóng miền Nam. Nhiều người thậm chí nhìn lại suốt hơn ba mươi năm, giật mình với cảm giác bên được giải phóng hóa ra lại là miền Bắc. Hãy để cho các nhà kinh tế chính trị học và các nhà xã hội học nghiên cứu kỹ hơn hiện tượng lịch sử này. Cuốn sách của tôi đơn giản chỉ bắt đầu kể những gì đã xảy ra ở Sài Gòn, ở Việt Nam sau ngày 30-4: cải tạo; đánh tư sản; đổi tiền... Cuốn sách của tôi cũng nói về hai cuộc chiến tranh cuối thập niên 1970, một với Khmer Đỏ và một với người Trung Quốc. Cuốn sách của tôi cũng nói về làn



sóng vượt biên sau năm 1975, nói về sự “đồng khởi” của nông dân, của các tiểu chủ, tiểu thương để giành lấy cái quyền được tự lo lấy cơm ăn áo mặc.”

Còn nhà văn cộng sản ly khai Dương Thu Hương, nổi tiếng với những tác phẩm như *Thiên Đường Mù*, *Bên Kia Bờ Áo Vọng*, *Khải Hoàn Môn*, thì trước đây đã phân minh rõ ràng:

“Lần thứ nhất khi đội quân chiến thắng vào Sài Gòn năm 1975, trong khi tất cả mọi người trong đội quân chúng tôi đều hớn hở cười thì tôi lại khóc... Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người. Trong khi đó ở miền Nam người ta có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp, Anh, Mỹ... nếu người ta muốn. Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và lầm lẫn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhảm lẫn lộn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải.”[7]

Thật ra CSVN đã “thua cuộc” khi bước vào Sài Gòn, vì kể từ lúc đó, họ không còn cơ hội lừa dân mãi; không còn lý do đòi hỏi ở dân sự hy sinh trường kỳ như trước. Họ đã tự lột mặt nạ để trở thành những tên hung thần man rợ, ác với dân, hèn với giặc khi bó tay và cúi đầu đánh mất ranh giới, mất biển, mất rừng, mất đảo

cho Tàu Cộng để trả nợ quân sự chu kỳ, và nhất là để giữ lấy “Đảng-Ta”.

CSVN đã “thua cuộc” vì bất lực quản trị đất nước khi luẩn quẩn ôm ấp phe đảng chia năm xẻ bảy, rình rập thanh toán lẫn nhau; khi thao túng tham nhũng quốc doanh, chia tước gia đình trị tới độ tắc nghẽn. Trong suốt 40 năm tự hào “thống nhất & độc lập” giả tạo, CSVN đã công khai tự duy bất tài khai mở sáng tạo, với những kế hoạch không tưởng, man khai, bán đứng thị trường theo hướng xã hội chủ nghĩa; in giấy bạc giả, thu lấy “dollars”; với đồng văn bằng hàng mã [dùng để đốt hương hoả] và những bộ óc teo mòn, bịt bùng, rỗng tuếch. CSVN còn bất lực ngay trong cuộc sống hằng ngày gìn giữ văn hoá

đạo người; bất lực duy trì luân lý, phẩm giá, hạnh phúc và danh dự dân tộc, khi nhà cầm quyền Hà Nội và bè lũ cán cùn chỉ đủ kể “xoá đói giảm nghèo” bằng cách bán lao động, bán con thành dâu nước ngoài; xuất cảnh đồ “đều” hay xuất cảnh cán bộ chuyên viên ăn cắp vặt, để cả Đông Nam Á phải treo bảng “Cấm Người Việt” lai vãng.



Như thế ngày 30 Tháng Tư Năm 1975 Không Phải Là Ngày Vui Lịch Sử Việt Nam, Mà Đích Thực Là “Ngày-Quốc-Hận” Cho Toàn Dân Việt vậy.

II. Những Hiệu Ứng Tiếp Nối Của “Ngày 30 Tháng Tư”

Sau ngày Quốc Hận 30 Tháng Tư, cả nước Việt Nam đã trở thành một nhà tù lớn với rất nhiều nhà tù nhỏ, kể cả những nhà tù cá nhân thi hành tại chỗ, dưới mắt “Đảng-Ta” hịch sách, làm tiền và hành tội. Dưới mãnh lực toàn trị của gần 4 triệu cán bộ và lãnh chúa CSVN, người dân có ba cách phản ứng:

- tỵ nạn nước ngoài với hy vọng khôi phục danh dự và quyền làm người;
- tỵ nạn trong nước với thể cam phận, vô cảm;
- tranh đấu trong nước với hy vọng bật lửa đại nghĩa.

1. Liên hệ trực tiếp với thời điểm kết thúc tiền đồn trận tuyến ý thức hệ, từng đợt từng đợt người Việt đã “bỏ phiếu chống cộng” bằng chân, bằng thuyền, trong cảnh phiêu lưu tỵ nạn chưa từng

thấy trước đây: cho tới nay, gần 4 triệu người Việt đã bỏ nước thoát cộng, bỏ lại tất cả để thoát hiểm.

Đối với người viết là tác giả điêu khắc “*Bàn Tay Hy Vọng/Hand of Hope*”^[8] đúc bê-tông cốt sắt thực hiện và tặng trại Thủy Quân Lục Chiến Camp Pendleton, San Clemente, California vào đúng Ngày Độc Lập July 4, 1975, thì cuộc ra đi của người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản có rất nhiều ý nghĩa chính:

- Tỏ rõ lập trường của những người Việt tự trọng, khao khát tự do và tôn trọng giá trị nhân phẩm, nên không thể sống chung với con người cộng sản phi nhân, phi nghĩa.

- Nuôi dưỡng “hy vọng” sắt đá khôi phục danh dự và quyền làm người. Đó cũng là cách tạo dựng lại một không

gian an toàn, vượt tiến cho hậu duệ, như biểu tượng “Bàn Tay Hy Vọng” dựng trên xứ người với những đứa trẻ tụ hợp “đứng thẳng” và sẵn sàng “bay ra khỏi bàn tay” cứu mạng. Chỉ bằng đường lối thẳng thắn, vươn cao và khởi



“Bàn Tay Hy Vọng/Hand of Hope” [đúc bằng ciment cốt sắt/béton armé, cao 9 ft, móng sâu 9 ft] do LS Lưu Nguyễn Đạt [Hoạ sĩ, điêu khắc gia, nguyên Tổng Thư Ký hội Hoạ Sĩ Trẻ VN/Sài Gòn/ trước 1975] tạo dựng và tặng Trại TQLC Camp Pendleton, San Clemente, California vào đúng Ngày Độc Lập July 4, 1975. Tiêu biểu cho “Hy Vọng” đứng dậy & khởi phát của [hậu duệ] Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại Hoa Kỳ và trên Thế Giới Tự Do.

tiền, người Việt Ty Nạn mới chấp nối cho họ, cho con em họ cái thể đứng vững vàng làm người tử tế, mạch lạc để trở thành những công dân tiến bộ xứng đáng với cuộc sống mới mà người ty nạn đã chọn với giá rất cao, đôi khi cần phải hy sinh tột đỉnh.

■ Người Việt Ty Nạn Cộng Sản nhập cảnh với diện quốc tế công pháp “ty nạn chính trị”, khác hẳn với diện “di dân kinh tế”. Căn cước người Việt Ty Nạn Cộng Sản thuộc quy chế chính trị, nên khi họ nhập quốc tịch Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Tiệp Khắc, Nhật, v.v., họ có quốc tịch nơi cư ngụ và chỉ còn là “sắc dân/công dân gốc Việt”. Vậy đối với những “công dân gốc Việt”, ngoài trường hợp có song tịch với Việt Nam, không thể coi họ là “Việt Kiều”, vì họ đã bỏ quốc tịch Việt, trên phương diện luật di trú và quốc tế công pháp. Quốc tịch mới và “gốc Việt” phải được thi hành và tôn trọng một cách đứng đắn, phân minh, phù hợp với pháp luật và lẽ phải.

■ Quốc tịch mới là những “Bàn Tay Hy Vọng” đặt tại xứ người. Là những “Ngày Hành Trình Đến Tự Do” nơi bến hứa [*La Terre Promise - The Promised Land*]. Người Việt Ty Nạn thoát khỏi địa ngục cộng sản, phần lớn là để bảo toàn tương lai cho hậu duệ họ. Nhưng các hiện tượng sáng sửa, hy vọng và vui mừng đó phải “tới sau” mùa tang tóc quốc thể. Phải tới sau “Ngày Quốc Hận”

và cũng không thể xóa bỏ “Dấu Ấn” lịch sử đó. Những hiện tượng “Hy Vọng” và “Tự Do” có thể tường niệm hay ăn mừng bất cứ ngày, tháng, năm nào “KHÁC”, chứ không thể lẫn át, thay thế Ngày Quốc Hận “30 Tháng Tư” được.



■ Thật vậy, nếu tung tăng cờ quạt, kèn trống, xăm banh tiệc tùng “Ngày Hành Trình Đến Tự Do” vào đúng “Ngày Quốc Hận 30 Tháng Tư”, chẳng khác nào cố tình cử lễ “Chạy-Tang” cho vài người có hạnh phúc tới bến, trong khi chưa chôn xong ông bà, bố mẹ còn mục nát trên mảnh đất tổ tiên. Tưởng nghĩ con người tử tế, chân chính cũng nên tôn trọng thứ tự ưu tiên gia đạo, không nên “mua vui” đúng ngày “tang lễ” thờ người, nhất là nếu cuộc vui chạy tang, chỉ với “mục đích thiện cận” thu lượm được thứ tự do vô trách nhiệm — vị kỷ, độc diễn, phóng túng; coi thường luật pháp, công lý; coi rẻ nhân phẩm, nhân quyền mọi người [*ngoài cái tôi*], thì quả thật cuộc “hành trình đó” chỉ đưa tới bãi tự do tự s[x]ướng, tự hủy. Vì tự do phải có điều

kiện chính đáng, trung thực, trọng pháp, trọng nhân, tương ứng và tương xứng. Thứ tự do phá phách, nhục mạ, vu khống là những hành vi, những tuyên ngôn không được luật pháp và hiến pháp bảo vệ [*unprotected speech / unprotected freedom*];[9] và cũng không được đạo người báỉ phục.

2. Ngoài trừ 4 triệu cán bộ cộng sản, tất cả người Việt còn kẹt lại trong nước không hề là “cộng sản”; trái lại, họ cũng chỉ là những người “tỵ nạn cộng sản” trong nước, lâu năm bị hành hạ, uốn nắn, bịt nồm, bịt tai, chọc mắt, nhồi sọ, nên đa số cam phận, đến độ vô cảm, vui buồn lẫn lộn. Với cái đà ù lì này, đất nước Việt có thể còn tự ru ngủ vài thế hệ lặng nín nữa. Nếu giới trẻ đôi lúc thức dậy, chẳng qua cũng chỉ để hấp thụ những thói hư tật xấu, những hào quang ngoại nhập, ăn chơi phè phỡn, ồn ào; hay lại kéo bè kết đảng thi đua chui luồn lỏi tắt, học lõm, mánh mung. Nghề chính trong nước là xây vợi, tháo vợi, bán vợi; môi giới ảo và hùa theo ức đoán, tin đồn nhảm; vá vúi tín ngưỡng với mê hoặc bùa ngải và tướng số. Đôi khi mờ mả, nơi tôn thờ cúng báỉ cũng thao túng trang hoàng vương giả như để thi thố phồn thịnh giả tạo hay dùng mánh khoé làm hoa mắt thế gian.

Cái chênh lệch giữa người giàu và kẻ nghèo thật khủng khiếp, khó mà nối ghép, hoà nhập. Bên cạnh hơn 80 triệu dân nghèo mặt kiếp làm bạn với rác rưởi, phóng uế, ô nhiễm thì nhô lên những khu tân lập biệt thự khang trang, dinh cơ lộng lẫy mà chỉ kẻ đại gia ăn trum và các ngài cán bộ tham những bự

mới được bước chân tới để chia phần, đối trác, rửa tiền. Thành phần tư bản đồ Tàu và Việt còn chuyển động hạ cánh an toàn khắp nơi trên thế giới tự do. Tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, nhất là tại các thị trấn cao sang giáp Biển Thái Bình Dương [nam California & Vancouver] với những địa ốc, dinh thự trên 2 hay 3 triệu Mỹ Kim đều được cán bộ cộng sản và giới đại gia liên kết mua đứt và trả “cash”/tiền mặt để cho con em và nhân tình họ trú ngụ, đợi ngày “đoàn tụ” gia đình, sẵn sàng có thông hành cả xanh, cả đỏ. Điển hình, con gái Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng trước là dâu “quốc gia”, này là công dân Mỹ song tịch chính hiệu.

Dù có Luật di trú Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Pháp v.v. và biết bao quy luật quốc gia và quốc tế cấm rửa tiền [*Financial Crimes Enforcement Network; Countering Financial of Terrorism; Money Laundering Act; USA Patriot Act; Financial Action Task Force, Office of Foreign Assets Control, etc*] vẫn có rất nhiều kẻ hở hay biệt lệ để con ông cháu cha mafia và tư bản Đỏ lọt vào “địa đàng trần gian” Tân Thế Giới, mà chúng nhai nhải chê bai với cả triệu cái lưỡi không xương đảng phiệt.

3. Giữa đám đông vô cảm, vô định và thường xuyên đối mặt với cả một hệ thống cảm quyền độc tài mật vụ, cảnh sát trị là những phần tử bất đồng chính kiến, miệt mài tranh đấu lẻ loi cho chính nghĩa dân chủ tự do, cho nhân phẩm, nhân quyền. Với khoảng 527 cá nhân và hiệp hội trong nước, họ bắt đầu công khai tỏ bày bất đồng chính kiến với

chế độ CSVN, nhất là về mặt bảo vệ nhân quyền, bảo vệ tự do tôn giáo. Họ là những bloggers trong nước, những nhà báo độc lập, những tổ chức xã hội dân sự non nớt, mà điều lệ tổ chức và phương tiện thu thập vốn liếng và uy tín xã hội [*social capital*] vẫn còn vấp vấp sơ khai. Họ cũng là những nhà tu chân chính, thu thập nhân từ nhân ái, mong bảo vệ tín ngưỡng họ luôn luôn bị tước đoạt, triệt hạ, sách nhiễu. Nhưng ít ra họ là những nguồn hy vọng trong vô vọng; là những tia lửa khai phóng đại nghĩa, đại cuộc khi lay chuyển được lòng dân, thu hút được lương tâm và lương tri nhân loại, trên thế giới tự do và trong không gian người Việt tự do từng được cư ngụ. Có gì quá đáng khi những người may mắn tới trước giúp người tới sau, trong cuộc hành trình luân phiên tìm thấy tự do chân chính, sự thật và công lý.

Phải nghiêm chỉnh thấy rằng, ngày hôm nay, việc tranh đấu của những nhà bất đồng chính kiến đương đầu với thế lực CSVN là hiện trạng thách đố, là hy sinh tù đầy và đổ máu trước tiên của người

trong nước. Định mệnh và trách nhiệm khai phóng thoát cộng hay dựng nước theo hướng dân chủ tự do cũng nằm trong tay người trong nước. Vuông tròn, trong sáng, cao siêu hay “tương đối” khả chấp, khả thi cũng theo tầm tay và sở trường của chính họ. Nước Việt Nam ngày nay và sau này là của người Việt sinh sống, thờ phụng, tái tạo tương lai theo khuôn khổ, nhu cầu và triển vọng của người trong nước.

Họ chỉ cần phối kiểm với những ý niệm tốt, những tri thức khả chấp, khả dụng đối với họ. Họ sẽ ngưỡng mộ, học hỏi từ những nhân sinh quan phù hợp, những mẫu người chân chính làm gương soi. Nhưng đời sống, môi sinh, thân thể và giá trị con người họ là do họ quyết định. Họ không bắt buộc phải nghe lệnh chỉ giáo hay cóp nhặt y trang từ bất cứ ai ngoài cuộc. Họ là người cuối cùng xây dựng và bảo trì vận mệnh đúng mức của chính họ, khi họ trở thành những quản trị viên đích thực, sáng suốt, công minh của đất nước mà họ tranh đấu, vun sỏi cho tới giờ. Tất cả chung quanh chỉ là những mối liên hệ



yểm trợ, giúp đỡ, hợp tác, kết sinh. Nhưng tác nhân chính yếu, có trách nhiệm và quyền thế cột trụ vẫn chỉ là người sống còn trong nước. Thắng cuộc đại nghĩa hay thất bại nội tại cũng do chính họ đảm nhận và chịu đựng. Ngay bây giờ hay một vài thế hệ nữa.

III. Sứ Mạng Chân Chính Của Người Việt Từ Tế

1. Thế nào là Người Việt Từ Tế?

Từ Tế có vài nghĩa chính: [a] có những gì phải có để được coi trọng; [b] hành động tinh-mật, rành rõi, cẩn mẫn, kỹ càng [Đào Duy Anh, *Hán-Việt Từ-Điển*]; [c] có lòng tốt trong cách đối xử đứng đắn, nhân đạo với nhau.

Vậy, ngay hai chữ “từ tế” tự nó có thể quy tụ những thành tố kết lực để định nghĩa Người Việt Từ Tế [NVTT]:

- Tự trọng, Tự Quyết, Tự Chủ về tư tưởng, chính trị, xã hội, kinh tế;
- Ưu đãi Dân Chủ Tự Do Chân Chính;
- Trọng Pháp, Trọng Nhân, Trọng Sinh một cách mạch lạc, chân chính;
- Êm thuận, hài hoà, sáng suốt, khiêm tốn, quân bình, không thái quá.

Chúng ta cần khấn định ngay, Người Việt Từ Tế không thể là người cộng sản, vì căn bản của người cộng sản đi ngược lại với tất cả các kết tố của NVTT. Hơn nữa cũng không thể chờ mong người cộng sản “biến hoá” thành NVTT, ngoại trừ trường hợp họ thực sự, thực tâm thoái đảng và bỏ hẳn lối sống và tư duy cộng sản.

Nhưng đồng thời, không phải bất cứ ai cứ “chống cộng” đương nhiên là NVTT. Giả thử người chống CSVN lại [a] ngoi theo chủ nghĩa phát-xít, độc tài quân phiệt hay [b] hòa theo đường lối khủng bố của bá đạo Cực-Hồi [ISIS/*Islamic State of Iraq and Syria*], hay [c] vẫn quen mui áp dụng thủ đoạn tố khổ, chụp mũ, vu khống của “địch” CSVN, thì rõ rệt, chống cộng như thế cũng chẳng hơn gì, vì vẫn đắm đuối trong vòng luẩn quẩn của tội ác triệt hạ đời sống và phẩm giá con người.

Trước đây, người Việt Quốc Gia đã có công mở đường tới ý niệm dân chủ tự do, trọng pháp, trọng nhân. Nhưng trong một giai đoạn quá ngắn và nhiều trở ngại binh đao bất ổn, người Quốc Gia qua hai nền Cộng Hoà đã không kịp vẹn toàn sứ mạng giao phó. Danh hiệu và chức năng “Quốc Gia” chỉ là hình ảnh ngón tay chỉ dẫn tới “Dân Chủ Tự Do Chân Chính Nhân Bản”, nếu ngón tay đó thực sự là một “mẫu mực” thẳng thắn, nghiêm chỉnh, nhân từ, chính đáng, đích thực dẫn đường tới “con người từ tế, chân chính”.

Nên ngón tay chưa phải là cái “đích tìm kiếm” hay ngưng lại tại đó. Chất Người Từ Tế Chân Chính của ý niệm “Quốc Gia/không Cộng Sản” mới là cứu cánh của cuộc hành trình tìm lẽ sống, lẽ phải.

Vậy, người Việt Quốc Gia Ty Nạn Cộng Sản tại thế giới tự do tân tiến đã thực hiện được những gì, sau 40 năm sinh sống thoải mái với đầy đủ phương tiện an cư lập nghiệp, an sinh xã hội, với

đầy đủ thời gian [gấp 2 lần nền Cộng Hoà 1 và 2] để hội nhập nền dân chủ chân chính trọng pháp, trọng nhân?

Người viết vẫn tin rằng, sau 40 năm hấp thụ nền nếp dân chủ tự do nhân bản nơi tá túc; sau 40 năm học hỏi kiến thức cởi mở, đa nguyên, đa dạng; sau 40 năm kinh nghiệm làm người Việt tự do, tử tế, tự tin, biết rõ quyền hành và trách nhiệm của mình, đa số công dân Người Việt Ty Nạn Cộng Sản tại Hoa Kỳ và trên toàn thế giới đều trở thành cởi mở, thông minh và can trường hơn so với quá khứ đen tối trước đây.

Nhưng trong giai đoạn “chuyển tiếp” khá dài này, vẫn còn một thiểu số người Quốc Gia cực đoan, độc diễn với những thành tích không mấy rõ rệt, dẫm chân tại chỗ, tự mãn, không cần mở mang trí tuệ, không cần bổ túc nhân cách; cũng không cần trau dồi kiến thức về mặt pháp lý và công lý nhân quyền, nên dễ trở thành độc đoán, độc tài, vô hình chung đã đi ngược lại với sứ mạng và đường lối Dân Chủ Tự Do Nhân Bản Chân Chính mà Người Việt Ty Nạn Cộng Sản thực sự muốn tìm kiếm và hoàn tất.

2. Người Việt Tử Tế Là Mẫu Số Chung

Trong 40 năm qua trên mặt công luận, qua báo sách, truyền thông trên mạng, người Việt chúng ta đã bỏ quá nhiều công sức “Chống Cộng”. Đó là điều cần làm để bác bỏ, khai trừ một căn bệnh văn hoá ý thức hệ điên cuồng, ác liệt, phá hoại nhân phẩm và đời sống

con người hơn 80 năm qua tại Việt Nam. Nhưng nỗ lực kêu đau, gào thét, mắng chửi này chưa đủ, vì khiếm khuyết đường lối “Vượt Cộng” và “Chữa Cộng”.

Nếu chỉ chuẩn bệnh và hô hào thật to đó là bệnh “Cộng Sản” mà không tìm cách giúp con bệnh “thoát bệnh”, giúp đương sự khoẻ mạnh lại thì vô hình chung người “chống cộng xuông” chưa phải là một “lương y” hoàn tất trách nhiệm cứu người bị CSVN ám hại. Một lương y, một y sĩ giỏi phải cấp tốc cho đơn thuốc điều trị bệnh và chỉ dẫn những biện pháp cần thiết trị bệnh và ngừa bệnh.

Nếu chúng ta muốn xóa đói giảm nghèo ngay trong gia đình chúng ta, thì:

- Hãy bớt thì giờ kêu gào, than thân trách phận hẩm hiu, đói nghèo;
- mà lập tức học hỏi; tìm hiểu thể nào là sung túc, là an khang, thịnh vượng; là hãnh diện gia đình, là hạnh phúc con người biết sống ra sống, biết ăn, biết mặc;
- và từ đó tìm cách giải đáp nhu cầu, chu toàn cấp bách giải pháp sinh sống căn bản/tạo nghiệp/đầu tư nhân sự/phát triển toàn diện /trao đổi/tích lũy cho tương lai v.v.

Người Việt Ty Nạn Cộng Sản tại hải ngoại, những vị cựu tù nhân chính trị/tù nhân lương tâm, những thành phần tranh đấu, bất đồng chính kiến trong nước đều có thể đảm nhận nghiệp vụ “lương y”, [a] một mặt xác định rõ thể nào là căn bệnh “cộng sản”, nhưng lập tức [b] phải điều nghiên, thử thách, phổ

biến thuốc men và phương pháp trị bệnh, ngừa “bệnh cộng sản”.

Người Việt Tử Tế tại Hải ngoại và trong nước là hiện sinh của giới “lương y” chữa bệnh cộng sản, khi đối xử với mình và tha nhân, khi quản trị việc công cũng như tư nghiệp với những nhận định và tiêu chuẩn như sau:

- Tự trọng, Tự Quyết, Tự Chủ về tư tưởng, chính trị, xã hội, kinh tế;
- Ưu đãi Dân Chủ Tự Do Chân Chính;
- Trọng Pháp, Trọng Nhân, Trọng Sinh một cách mạch lạc, chân chính;
- Êm thuận, hài hoà, sáng suốt, khiêm tốn, quân bình, không thái quá.

Chỉ những Công Dân Người Việt Tử Tế, những đồng bào, đồng hương “Chúng Ta” khi nghiêm nghị, cẩn mẫn, biết rõ quyền thế và trách nhiệm của mình; biết rõ gốc gác & sứ mạng nhân từ của chính mình; biết rõ cách sinh sống thuận hoà, khiêm tốn, quân bình mới thực sử đảm nhận cuộc sống đầy đủ ý nghĩa ngày hôm nay; mới thực sự đóng góp phúc lợi cho tương lai dân tộc, cho con cháu chúng ta.

Chúng ta hãy đặt trọng tâm vào giai đoạn Làm Người Tốt. Đó là một thứ Đạo-Việt “tân-ước” hay cập nhật thành một Cách-Sống nhân bản tự tin, nhân chủ và dân chủ; thành trạm tới của Người Việt Tử Tế, cái bến tạm dung, nhưng toàn mỹ, toàn bích, an lành, khả chấp và khả thi.

Đó sẽ là Không Gian Người Việt Tử Tế, mở và bao dung, không quá khích,

không miệt thị, không kỳ thị. Tất cả Người Việt chúng ta không cần làm thánh, làm siêu nhân; nhất là không cần làm “hung thần”, hung tướng, mà chỉ cần hoàn tất đúng và đủ vị thế của những con người tử tế, chân chính, mạch lạc; từ bi và hùng dũng. Thế đã là đủ.

Vậy chúng ta hãy níu kéo lại chúng ta theo hướng đi đó, từng bước ngắn, gọn, rõ rệt, chân thật, công minh. Không dối lòng. Không dối mình. Không dối người. Không dối đời.

Và trước tiên không thể tự bôi nhọ mình, bôi nhọ tha nhân, bôi nhọ cuộc đời còn lại hay sắp tới.

Chúng ta đều trách nhiệm như nhau, hay ít ra sẽ phải “đối mặt” với ngàn ấy hậu quả, ngàn ấy vận mệnh, ngay trong cuộc sống tập thể hay quan niệm sống từng người, dù chúng ta nhập cuộc hay không nhập cuộc cũng vậy. Điển hình, chúng ta đã một lần mất nước. Biết thế nào là mất tất cả, dù muốn, dù không.

Nhưng xin đừng mất nốt dân tộc chúng ta.

Vậy, khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống! Ít ra khi nhắm mắt sẽ không tiếc nuối đã bỏ lỡ cơ hội làm Người Việt Tử Tế.

Trần Trọng.

Lưu Nguyễn Đạt, PhD, LLB/JD, LLM

GHI CHÚ

[1] Lưu Nguyễn Đạt, “Hoà Hợp Hoà Giải Dân Tộc” Lúc Này Vẫn Còn Là Trò Bịp Bơm

[2] Nói ngon, nói ngọt, và nói dối như «cuội vẹm» [Việt-Minh]

[3] Gulag tên gọi tắt của Tổng cục Lao cải Liên Xô (Tiếng Nga: Главное управление исправительно-трудовых лагерей и колоний) của NKVD (Ủy ban Nhân dân Nội chính).

[4] Thực ra Chủ tịch Mao Trạch Đông ở bên Tàu mới là người đầu tiên gọi trí thức là “cục cứt”. Hồ Chí Minh và đồng bọn lây tục ngữ theo.

[5] Lưu Nguyễn Đạt, Chủ Nghĩa Be-Bờ & Chiến Tuyến Việt Nam: Từ Chiến Lược Không “Đánh Thực”, “Không-Cốt-Thắng” Tới Ngày QUỐC HÂN

[6] *Bên Thắng Cuộc* là cuốn sách của nhà báo Huy Đức, gồm hai tập: Tập 1: *Giải*

Phóng và Tập 2: Quyền Bính, được chào bán lần lượt vào 12 tháng 2 năm 2012 và 13 tháng 1 năm 2013 trên *Amazon.com, Inc.*

[7] Dương Thu Hương: “30 tháng Tư 75, nền văn minh đã thua chế độ man rợ”. *Tháng Tư năm 2000*, nhà văn Dương Thu Hương đã trả lời cuộc phỏng vấn do Đinh Quang Anh Thái thực hiện và phát thanh trên làn sóng của đài Little Saigon Radio ở California.

[8] Lưu Nguyễn Đạt, “Bàn Tay Hy Vọng / Hand of Hope” [đúc bằng ciment cốt sắt/béton armé, cao 9 ft, móng sâu 9 ft] do LS Lưu Nguyễn Đạt [Hoạ sĩ, điêu khắc gia, nguyên Tổng Thư Ký hội Họa Sĩ Trẻ VN / Sài Gòn /trước 1975] tạo dựng và tặng Trại TQLC Camp Pendleton, San Clemente, California vào đúng Ngày Độc Lập July 4, 1975. Tiêu biểu cho “Hy Vọng” đứng dậy & khởi phát của [hậu duệ] Người Việt Ty Nạn Cộng Sản tại Hoa Kỳ và Thế Giới Tự Do.

[9] Lưu Nguyễn Đạt, Tự Do Báo Chí: Thế Lực và Trách Nhiệm của Đê Tứ Quyền



Danh ngôn:

Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà người ta có thể sử dụng để thay đổi cả thế giới.

N. Mandela

Mẹ Lầm Than Thương

Ngày nào nó trốn dưới hầm
Như con chuột ghê mẹ lầm than thương
Xẻ cơm nhường áo quê hương
Thuốc thang bồi dưỡng sữa đường mật
cam

Tháng tư đen nó lên quan
Vênh râu phình bụng làm tàng đảng viên
Ăn trên ngồi trước cướp tiền
Cướp nhà cướp đất giết hiền đốt kinh

Hãi hùng mẹ khóc van xin
Nó vu cáo mẹ che mình nguy quân
Tuyên truyền phản động lòng dân
Đem ra đấu tố vong ân cộng thù

Máu mẹ hận hải thiên thu
Cháu con vượt bể khổ như thiện tâm
Ngày nào nó trốn dưới hầm
Như con chuột ghê mẹ lầm than
thương...

Luân Tâm

Maryland - 04/25/13



Danh ngôn:

*Sự phản kháng là nền tảng thực sự của tự do.
Sự phục tùng hăn phải là nô lệ.*

Henry David Thoreau



ANATOLE FRANCE

(1844 – 1924)

Đại Văn Hào Pháp

Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 1921

Phạm Văn Tuấn

Anatole France là nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học, một trong các nhân vật thuộc Nền Văn Chương Pháp vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Anatole France cũng là một nhà viết tiểu thuyết thành công với nhiều tác phẩm thuộc loại bán chạy nhất. Là một nhân vật châm biếm và bi quan, Anatole France được coi là một văn nhân lý tưởng vào thời đại của ông.

Anatole France được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp Quốc (L'Académie française) và được trao tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 1921 vì “các thành quả văn chương sáng lạn,

với các đặc tính là thể văn quý phái (a nobility of style), niềm thông cảm sâu xa với nhân loại, lời văn duyên dáng và cá tính Pháp” (in recognition of his brilliant literary achievements, characterized as they are by a nobility of style, a profound human sympathy, grace, and a true Gallic temperament).

Trong các tác phẩm ban đầu, Anatole France đã bộc lộ đường hướng bi quan rồi về sau, ông tỏ ra bất bình với các giá trị tư sản, điều này đã khiến ông chế giễu giới tu sĩ và các chủ thuyết tôn giáo trong các tác phẩm. Vào năm 1922, các tác phẩm của ông đã ở trong

danh sách các sách truyện bị Nhà Thờ Cơ Đốc La Mã cấm đọc (the Index of Forbidden Books of the Roman Catholic Church).

1/ Thời thơ ấu và đời tư.

Anatole France sinh tại thành phố Paris vào ngày 16 tháng 4 năm 1844. Tên thật của ông là Jacques Anatole Francois Thibault. Cha của ông tên là Francois Noël Thibault, là một nhà bán sách, đã đặt tên hiệu sách của mình là “Thư Viện của Nước Pháp” (Librairie de France) vì vậy, ông đã dùng chữ “France” này trong bút hiệu “Anatole France”. Hiệu sách này chuyên bán các sách và tài liệu liên quan tới cuộc Cách Mạng Pháp, thường được các nhà văn danh tiếng và các học giả lui tới, như anh em Goncourt.

Ngày từ thuở nhỏ, Anatole France đã ưa thích sách và ham đọc sách. Cậu Anatole theo học tại trường trung học Stanislas, một trường tư thục Cơ Đốc (a private Catholic school) tại nơi đây, cậu chỉ là một học sinh trung bình và chính vào giai đoạn này, Anatole France đã mang các quan niệm chống đối quyền lực chính trị của giới giáo sĩ (anti-clericalism), để rồi về sau trong các tác phẩm, ông thường chế giễu nhà thờ và các giáo điều.

Trong tác phẩm “Cuốn Sách của Bạn Tôi” (Le Livre de Mon Ami = My Friend’s Book, 1885), một tiểu thuyết tự thuật, Anatole France đã mô tả các năm thiếu thời của mình là sung sướng.

Sau khi thi trượt bằng Tú Tài (baccalaureate) nhiều lần, Anatole France cuối cùng đã tốt nghiệp vào năm 20 tuổi, rồi trong thập niên 1860, ông đã

là người giúp việc cho cha, làm thư mục sách (cataloguer) và phụ việc cho nhà xuất bản Bachelin-Deflorenne và nhà xuất bản Lemerre. Cũng có khi ông dạy học. Trong cuộc Chiến Tranh Pháp-Phổ, Anatole France đã phục vụ Quân Đội Pháp trong một thời gian ngắn và đã chứng kiến cảnh tàn sát của Công Xã Paris vào năm 1871.

Vào năm 1877, Anatole France kết hôn với cô Valérie Guerin de Sauville, cháu gái của Jean Urbain Guerin, họa sĩ đã vẽ hình Vua Louis 16, họ có một con gái tên là Suzanne, sinh năm 1881. Sự liên lạc của nhà văn Anatole France với các phụ nữ thì rất huyền ảo. Vào năm 1888, ông bắt đầu luyến ái với bà Arman de Caillavet, là người bảo trợ nghệ thuật và điều hành một phòng văn chương nổi tiếng của Nền Cộng Hòa Thứ Ba (the Third Republic). Cuộc liên hệ chấm dứt trước khi bà này qua đời vào năm 1910. Sau khi ly dị bà vợ chính thức vào năm 1893, Anatole France còn có nhiều luyến ái khác, đặc biệt với bà Gagey, rồi bà này tự tử vào năm 1911. Năm 1920, nhà văn Anatole France lại cưới bà Emma Laprévotte.

Nhà văn Anatole France qua đời vào ngày 12 tháng 10 năm 1924, được chôn cất trong nghĩa trang cộng đồng Neuilly-sur-Seine (the Neuilly-sur-Seine community cemetery), gần thành phố Paris. Rất nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền của nước Pháp đã tham dự tang lễ của Anatole France và nhà thơ Paul Valéry đã thay thế Anatole France trong Hàn Lâm Viện Pháp.

2/ Theo nghiệp Văn Chương.

Là một nhà thơ và một nhà báo, Anatole France bắt đầu bước vào con đường văn chương với văn phong chịu ảnh hưởng của Voltaire và Fénelon. Khi cha của ông hồi hưu, Anatole France là người phụ tá biên tập (editorial assistant) và tham gia vào nhóm các nhà thơ Parnassian gồm có Gautier, Catulle, Mendes và vài nhà thơ khác. Từ năm 1867, Anatole France là một nhà báo, đã viết nhiều bài tường thuật và bình luận, phổ biến từ năm 1889 tới năm 1892, rồi các bài báo này được in thành 4 tập sách với tên là “Đời Sống Văn Chương” (La Vie Litteraire). Vào năm 1869, Tờ Parnasse Thời Báo (Le Parnasse Contemporain) đã xuất bản một trong các tập thơ của ông với tên là “Phần của Madeleine” (La Part de Madeleine). Vào năm 1875, Anatole France ở trong ủy ban biên tập của tờ Thời Báo kể trên.

Vào năm 1876, do sự giới thiệu của nhà thơ Parnassian hàng đầu là Leconte de Lisle (1818-1894), Anatole France được mời làm phụ tá quản thủ thư viện (an assistant librarian) cho Thượng Viện Pháp (the French Senate) và ông đã giữ chức vụ này trong 14 năm. Leconte de Lisle cũng khuyến khích Anatole France phổ biến tuyển tập thơ đầu tiên “Các Bài Thơ Vàng” (Les Poemes Dorés, 1873) rồi sau đó là tuyển tập các truyện ngắn xuất bản vào năm 1879. Ông trở

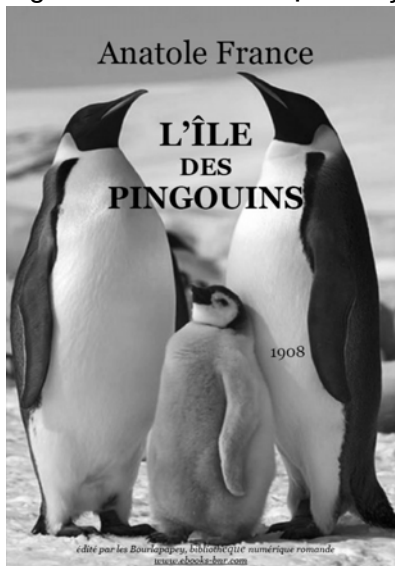
nên nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết “Tội Ác của Sylvestre Bonnard” (Le Crime de Sylvestre Bonnard, 1881), cuốn truyện này được ca ngợi vì lời văn lịch sự và nhờ vậy, ông đã giành được một giải thưởng của Hàn Lâm Viện Pháp.

Trong cuốn tiểu thuyết “Hàng Thịt Quay của Nữ Hoàng Pedauque” (La Rotisserie de la Reine Paudauque, 1893), Anatole France đã chế nhạo niềm tin vào thờ phượng, còn trong cuốn truyện “Các Ý Kiến của Jerome Coignard” (Les Opinions de Jerome Coignard, 1893), ông đã ghi nhận được khung cảnh xã hội của cuối Thế Kỷ. Ông được bầu làm hội viên của Hàn Lâm Viện Pháp năm 1896.

Anatole France đã giữ một phần quan trọng trong Vụ Án Dreyfus (the Dreyfus Affair). Ông đã ký tên vào Bản Tuyên Ngôn của Emile Zola để ủng hộ Alfred Dreyfus, một sĩ quan Do Thái bị kết án nhằm là gián điệp, và ông đã viết về vụ án này trong cuốn tiểu thuyết năm

1901 có tên là “Ông Bergeret” (Monsieur Bergeret, 1901).

Năm 1908, Anatole France cho xuất bản cuốn truyện “Hòn Đảo của các con chim cánh cụt” (L’île des Pingouins, 1908), qua đó ông chế giễu bản chất của con người bằng cách mô tả sự biến đổi của các con chim cánh cụt thành các con người sau khi các con chim này được rửa tội một cách nhằm lẫn bởi Cha bề trên Mael.



Cuốn tiểu thuyết “Các Thiên Thần khát nước” (Les dieux ont soif, 1912) mô tả về thành phố Paris trong cuộc Cách Mạng Pháp, nói về một kẻ theo Robespierre cuồng nhiệt và các việc làm của anh ta trong các biến cố đẫm máu của Thời Kỳ Khủng Bố (the Reign of Terror, 1793-94). Đây là cách ôn lại để chống đối sự cuồng tín về chính trị và ý thức hệ, và khai thác các cách giải quyết triết học khác nhau đối với các biến cố của thời đại.

Cuốn “Cuộc Nổi Loạn của các Thiên Thần” (La Revolte des Anges, 1914) được coi là tiểu thuyết sâu xa nhất của tác giả. Cuốn này kể lại chuyện của Arcade, thiên thần bảo vệ của Maurice d'Esparvieu. Arcade mắc vào tình yêu, tham gia vào phong trào cách mạng của các thiên thần rồi vào lúc cuối, đã nhận ra rằng công việc lật đổ Thượng Đế thì vô nghĩa trừ khi “chúng ta tấn công chính chúng ta”. Tác phẩm này đã chống đối sự bạo lực (violence) và chế độ chuyên chế (tyranny) và Anatole France đã dùng đề tài quen thuộc về xung đột tôn giáo từ cuốn sách “Thiên Đàng Đã Mất” (Paradise Lost) của John Milton. Nhân sinh quan của ông, hay cách nhìn đời, đã được mô tả qua các tác phẩm và được biểu lộ qua tuyển tập các lời ngụ ngôn (aphorisms) trong tập sách “Khu Vườn của Epicure” (Le Jardin d'Épicure = The Garden of

Epicurus, 1895).

Vào ngày 31 tháng 5 năm 1922, tất cả các tác phẩm của nhà văn Anatole France bị liệt vào trong Danh Sách các Sách bị cấm đọc (the Index Librorum Prohibitorum = the Prohibited Books Index) của Nhà thờ Cơ Đốc La Mã (the Roman Catholic Church) bởi vì tác giả đã chế giễu Thiên Chúa giáo. Danh sách cấm đoán này bị hủy bỏ vào năm 1966.

3/ Các nhận xét về các Tác Phẩm của Đại Văn Hào Anatole France.

Trong cuốn truyện “Tội Ác của Sylvestre Bonnard” (Le Crime de Sylvestre Bonnard, 1881), Anatole France mô tả Sylvestre Bonnard là nhà sử học kiêm nhà ngữ văn có tài với nền học vấn uyên bác, và là nhân viên của Viện Pháp Quốc (Institute). Ông Sylvestre này sinh sống với các sách vở rồi đi tới đảo Sicily và thành phố Paris để tìm kiếm bản thảo quý báu của cuốn sách Truyện Truyền Thuyết Vàng (the Golden Legend) và cuối cùng ông ta đã tìm được bản thảo đó. Do tình cờ, ông

Sylvestre đã gặp một cô gái trẻ tên là Jeanne, cô gái này lại là con của một phụ nữ mà ông ta đã có một thời yêu thương. Để che chở cho cô Jeanne khỏi sự lạm dụng của người bảo trợ tên là Mouche, ông Sylvestre đã mang cô gái ra đi rồi cuối cùng, cô Jeanne



này đã kết hôn với cậu Henri Gelis, một trong các học trò của ông Sylvestre Bonnard.

Truyện “Hòn Đảo của các con chim cánh cụt” (The Penguin Island, 1908) nói về một hòn đảo hư cấu, ở phía bắc của châu Âu, nơi đây cư ngụ là các con chim cánh cụt. Câu chuyện bắt đầu khi Cha Mael, một nhà truyền giáo Thiên Chúa, có tính tình bất thường trôi dạt tới hòn đảo này và đã tin tưởng rằng các con chim đứng thẳng là một loại người ngoại đạo, thuộc về một xã hội chưa theo Thiên Chúa giáo. Vì bị gần như mù và hoàn toàn điếc, nhà truyền giáo Mael đã nhầm lẫn các con chim là các con người, nên rửa tội chúng, điều này gây ra một vấn đề với Thiên Chúa bởi vì chỉ có con người mới được rửa tội. Từ nay bắt đầu lịch sử của Xứ Penguinia và lịch sử này phản ánh lịch sử của nước Pháp và vùng Tây Âu, với cả nước Đức và hải đảo Anh Cát Lợi. Câu chuyện trải dài từ thời đại “đen tối” (Dark Ages) khi các bộ lạc Đức đánh phá lẫn nhau để tranh giành đất đai, tới thời đại Charlemagne và thời đại Phục Hưng, rồi tới cả thời kỳ văn minh kỹ thuật cao. Cuốn truyện đã châm biếm vụ án Dreyfus, lịch sử của châu Âu... Qua tác phẩm này, Anatole France đã đả kích và châm biếm xã hội và bản chất con người, chế giễu cả các đạo đức, tập quán và nguồn gốc của tôn giáo cũng như luật pháp.

Truyện “Các

Thiên Thần khát nước” (Les Dieux ont soif = The Gods are Thirsty) là cuốn tiểu thuyết xuất bản năm 1912 của Anatole France. Đây là một truyện hư cấu nói về cuộc Cách Mạng Pháp. Évariste Gamelin là một họa sĩ trẻ của thành phố Paris, sinh sống trong vùng Pont-Neuf. Cuốn truyện mô tả các năm đen tối của thời kỳ khủng bố (the Reign of Terror) tại thành phố Paris, từ năm thứ hai tới năm thứ ba. Là người trung thành với Robespierre, Évariste Gamelin trở nên quan tòa của tòa án cách mạng. Các vụ xét xử mù quáng của loại tòa án này đã khiến cho quan tòa trở nên điên khùng, ông ta đã lên án chặt đầu cả những người thân thiết nhất của ông ta. Gamelin khao khát công lý nhưng đã dùng quyền lực để trả thù những người đã không suy nghĩ giống như ông ta. Gamelin đã chết vì cùng một thứ dụng cụ công lý là máy chém, đây là thứ đã làm thỏa mãn sự khát máu và khủng bố của những con người tàn bạo.

Các nhà phê bình cho rằng khuyết điểm của Anatole France là do các cốt truyện thiếu sâu sắc, thiếu sự tưởng tượng sáng tạo nhưng các tác phẩm

của ông thì rất đặc sắc vì tầm hiểu biết rộng lớn, vì sự khôn ngoan và đặc tính châm biếm, vì sự đam mê đối với sự công bằng xã hội. Đặc tính trong sáng cổ điển của các tác phẩm của Anatole France khiến cho ông được coi là nhân vật kế thừa



của Denis Diderot và Voltaire.

Vào thập niên 1860, Anatole France đã tiếp xúc với các nhà thơ của Nhóm Parnasse và ông đã cho xuất bản tập thơ đầu tiên, rồi sau đó chuyển sang văn xuôi, ông đã nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết “Tội Ác của Sylvestre Bonnard” (Le Crime de Sylvestre Bonnard). Trước kia, Anatole France thường mô tả cuộc sống và con người của thời kỳ Trung Cổ hay của thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến, thì qua đầu thế kỷ 20, ông lại viết về các sự kiện lịch sử hay sự kiện xã hội đương thời và phổ biến chủ nghĩa nhân văn của Rabelais và Voltaire, phê bình nền Cộng Hòa thứ ba của nước Pháp, chế giễu các kẻ gây ra chiến tranh. Anatole France đã nói ra một câu châm ngôn châm biếm: “Người ta tưởng rằng sẽ chết cho Tổ Quốc, người ta đã chết cho các nhà kỹ nghệ” (On croit mourir pour la patrie, on meurt pour les industriels).

Anatole France không ưa thích trường phái hiện thực (réalisme) của Emile Zola mà ông coi là có tính cách tàn bạo, và ông cũng không đồng ý với Charles Dickens và George Sand về tinh thần khoa học trong văn chương, bởi vì ông đã từng nói: “Người nghệ sĩ chỉ nhìn thấy các sự vật là xấu, sẽ không biết nhìn ra sự hài hòa của các sự vật”. Vì vậy trong các tác phẩm của Anatole France có nhiều yếu tố thần tiên (elements féeriques), đưa tới sự kỳ ảo (fantastique).

Anatole France cũng dùng tới nhiều loại hài hước, châm biếm, chẳng hạn trong cuốn truyện “Hòn Đảo của các con chim cánh cụt” (L’île des Pingouins) hay trong tập truyện

“Crainquebille”, đây là lịch sử của một vụ bất công xã hội.

4/ Các Tác Phẩm Văn Thơ của Đại Văn hào Anatole France.

A/ Thơ.

- Các Đoàn Quân Varus (Les Légions de Varus), phổ biến năm 1867 trong tạp chí Thơ Gazette.

- Các Lời Thơ Vàng (Poemes dorés, 1873).

- Đám Cưới của Corinth (Les Noces corinthiennes = The Bride of Corinth, 1876).

B/ Văn.

- Jocaste và con Mèo gầy (Jocaste et Le Chat maigre = Jocaste and the Famished Cat, 1879), truyện.

- Tội Ác của Sylvestre Bonnard (Le Crime de Sylvestre Bonnard = The Crime of Sylvestre Bonnard, 1881), tiểu thuyết.

- Tham Vọng của Jean Servien (Les Désirs de Jean Servien = The Aspirations of Jean Servien, 1882), tiểu thuyết.

- Con Ong (Abeille = Honey-Bee, 1883).

- Balthasar (1889), truyện ngắn.

- Thaïs (1890), tiểu thuyết.

- Cái Túi sà cừ (L’Etui de nacre = Mother of Pearl, 1892), tập truyện.

- Hàng thịt quay của Nữ Hoàng Pédauque (La Rotisserie de la Reine Pédauque = At the Sign of the Reine Pédauque, 1892), tiểu thuyết.

- Các Ý Kiến của Jérôme Coignard (Les Opinions de Jérôme Coignard = The Opinions of Jerome Coignard, 1893), tiểu thuyết.

- Bông Huệ Đỏ (Le Lys rouge = The Red Lily, 1894), tiểu thuyết.
- Cái Giếng của Nữ Thánh Claire (Le Puits de Sainte Claire = The Well of Saint Clare, 1895), tập truyện.
- Lịch Sử Hiện Đại (L'Histoire contemporaine = A Chronicle of Our Own Times, 1897-1901).
- Lịch Sử Kịch Côm (Histoire comique = A Mummer's Tale, 1903).
- Trên Tầng Đá Trắng (Sur la pierre blanche = The White Stone, 1905), tiểu thuyết.
- Vấn đề Crainquebille (L'Affaire Crainquebille, 1901), truyện ngắn sau chuyển thành kịch.
- Hòn Đảo của các con chim cụt tay (L'Ile des Pingouins = Penguin Island, 1908), tiểu thuyết.
- Các chuyện kể của Jacques Tournebroche (Les Contes de Jacques Tournebroche = The - - --- Merrie Tales of Jacques Tournebroche, 1908).
- Bảy người vợ của con Yêu râu Xanh (Les Sept Femmes de Barbe bleue et autres contes merveilleux = The Seven Wives of Bluebeard and Other Marvellous Tales, 1909).
- Các Thiên Thần khát nước (Les dieux ont soif = The Gods are Athirst. 1912), tiểu thuyết.
- Cuộc Nổi Loạn của các Thiên Thần (La Révolte des anges = The Revolt of the Angels, 1914), tiểu thuyết.

C/ Các Hồi Ức (Memoirs).

- Cuốn Sách của Bạn Tôi (Le Livre de mon ami = My Friend's Book, 1885).
- Pierre Nozierre (1899).
- Pierre Bé Nhỏ (Le Petit Pierre = Little Pierre, 1918).

- Đời Nở Hoa (La Vie en fleur = The Bloom of Life, 1922).

D/ Các Vở Kịch (Plays).

- Hạnh Phúc nhỏ nhoi (Au petit Bonheur, 1898).
- Crainquebille (1903).
- Hài kịch về người đàn ông cưới bà vợ câm (La Comédie de celui qui épousa une femme muette = The Man Who Married A Dumb Wife, 1908).
- Cô Người Mẫu Giả (Le Mannequin d'osier = The Wicker Woman, 1928).

E/ Truyện Lịch Sử.

- Cuộc Đời của Jeanne d'Arc (Vie de Jeanne d'Arc = The Life of Joan of Arc, 1908).

F/ Phê Bình Văn Học (Literary criticism).

- Alfred de Vigny (1869).
- Lâu Đài Vaux-le-Vicomte (Le Chateau de Vaux-le-Vicomte, 1888).
- Thần Latin (Le Génie Latin, 1909).

G/ Phê Bình Xã Hội (Social criticism).

- Khu Vườn Epicure (Le Jardin d'Épicure = The Garden of Epicurus, 1895), tập cách ngôn.
- Các Ý Kiến Xã Hội (Opinions sociales, 1902).
- Phe phái đen (Le Parti noir, 1904).
- Hướng về các thời kỳ tốt hơn (Vers les temps meilleurs, 1906).
- Trên con đường vinh quang (Sur la voie glorieuse, 1915).
- Ba mươi năm của đời sống xã hội (Trente ans de vie sociale, 4 volumes, 1949, 1953, 1964, 1973)/.

Phạm Văn Tuấn



Biệt Khúc

ráng chờ đến hết tháng tư
thơ anh vẽ lại nụ cười của em
không gian dưới mặt trời đen
núi rừng căm ngọn lửa nhen hận thù
biển sông chia cách lòng người
từ khi vàng rũ sắc tươi màu cờ
quê hương thấm đắm trong mơ
cố quên bi đất vẫn ngơ ngác lòng!

ngõ là xuân đến sau đông
hoa đào xinh thắm tô hồng môi duyên
chỉ vì quốc hận chưa quên
hồn thơ u uẩn giữa mệnh mông đời
thương nhau giữ lấy nụ cười
ghìm lời nén ý chờ vui điệu buồn
đang thời mặc niệm từ chương
lắng nghe biệt khúc đoạn trường thế nhân!

Cao Nguyên



Khẩn Báo - Tàu Thâm

Khẩn báo mọi người trong dân gian
Tàu cộng sang ta - dở thói cần
Mua rễ cây tiêu về làm thuốc
Mua lá măng cầu - cho mát gan

Dân khổ đâu nào hiểu chúng thâm
Cắt rễ, vườn tiêu sẽ chết lần [1]
Thiếu nước làm sao cây nảy hột
Lá trụ, trơ cành - đâu quả ăn [2]

Chúng dụng kế này đủ loại cây
Dầu giết nghề nông để sau này
Dân đói, nước nghèo - sang thao túng
Lũn đoạn thị trường - ta khó xoay

Chúng sẽ chuyển dân độc phẩm qua
Thịt thối, quả ung, tẩm thuốc là
Nhìn thấy tươi hồng trông đẹp mắt [3]
Ăn vào nhiễm độc - khắp gần xa

NVDL (04/21/15)

[1] Dân nghèo ăn cấp rễ, chủ vườn cũng bán rễ luôn

[2] Hái hết lá làm sao cây măng cầu có quả

[3] Xoài cát ngoài vàng mượt, trong thối đen

Căn Nhà Ở Jaux

Ngọc Cường

Nhà Hương, chị của Châu, nằm trong làng Jaux phía Nam thành phố Compiègne, trên sườn đồi mà phía sau trông xuống một thung lũng; hàng xóm xung quanh lát gạch những căn nhà gạch nhỏ nhỏ, mái ngói màu đen hay đỏ khuất sau những lùm cây. Xa hơn nữa, cách độ cây số, con sông Oise chảy êm đềm dưới bóng hai hàng cây cao, ven theo là đường xe hỏa chạy phía trái lên Compiègne; bên phải thì xuống Paris mà buổi tối, trong đêm khuya lạnh lẽ, tiếng xe lửa nghe xình xịch, xình xịch như từ cõi xa xôi nào vọng đến; nhưng nếu ban ngày thì xe tốc hành TGV lại chạy rất êm, lướt qua như mũi tên trắng, thoáng vụt nhanh qua sau hàng cây.

Trong gia đình Châu, ngoài Hương và Hưng, người anh cả, đã ở Pháp lâu, còn lại đều cư ngụ bên Cali. Trên chục năm nay, anh chị em thường rủ nhau qua Jaux nghỉ mát, vừa thăm nhau và cũng để đi chơi Paris với vùng quê lân cận. Nhưng, như mọi thứ trên đời này, mỗi người có sở thích riêng, từ việc ăn uống cho đến chuyện du lịch. Châu và Ban, người anh thứ hai trong nhà, thích đi thăm cảnh miền quê hay lang thang trong những làng mạc ở Pháp. Còn mấy người khác lại muốn tìm đến những nơi danh tiếng trên thế giới để ngắm cảnh và đi được càng nhiều càng tốt, trước khi nhắm mắt lìa trần. Họ đi đâu cũng

cần chụp hình lưu niệm, như một “giải thưởng” để cho bạn bè ghi nhận. Riêng Châu đam mê cảnh đồng quê ở Pháp. Cái mê khiến chính chàng cũng ngạc nhiên. Chỉ biết rằng khi nhỏ, lúc còn học trường Tây, chàng ghét cay đắng mấy bà giáo đảm dậy mình. Tất cả gì của Pháp chàng cho là của bọn thực dân dã man. Đến khi học xong Trung Học, gia đình cho phép nhưng chàng không chịu đi du học. Vậy mà nay chàng lại thích đi Tây, ngồi mấy quán ăn nhỏ, ở một tỉnh lẻ như Compiègne chẳng hạn, bên bờ sông Oise, ăn bữa cơm rẻ tiền, uống ly rượu vang và cùng các anh chị nói chuyện kỷ niệm cũ của gia đình...

Qua Pháp lần đầu, Châu nhận thấy cảnh vật và đời sống bên Âu Châu nhân nhả, cổ kính và hiền hòa. Nhất là đi qua những làng mạc tỉnh lẻ, ngắm mấy con đường lát gạch, hai bên những dãy nhà nhỏ xinh, vắng vẻ ít xe cộ, gợi lại hình ảnh của Sài Gòn hay Đà Lạt thời xa xưa thanh bình. Có thể cuộc sống ở Mỹ tuy giàu có thoải mái nhưng xa lạ và gay go giờ giấc, đã khiến chàng thường cảm thấy mệt mỏi; khi qua đây chàng thấy gần gũi với khung cảnh Việt Nam xưa kia của một thời êm đẹp nay đã tan biến. Với Châu, đi du lịch không phải chỉ đi xem cảnh mà còn là gặp gỡ người địa phương. Chàng tự cho mình có chút nghệ sĩ tính, là một thứ lãng tử, đi đâu cũng thích trà trộn với người ở nơi đó,

sống như họ, nói chuyện và tìm hiểu đời sống của họ. Chàng vẫn chê thứ du khách Mỹ hay Tàu, họ đi đâu cũng chụp hình, ở khách sạn đắt tiền và không ưa hoà mình với dân địa phương, không tận hưởng được đời sống thực đang diễn ra nơi họ đến thăm.

Châu qua đây đã được một tuần, phụ Hương dọn dẹp và làm vườn, chuẩn bị bán nhà. Sáng nay, hai chị em đã cửa được dãy hàng rào cây thông sau nhà, khi trồng chỉ cao ngang đầu gối vậy mà nay đã um tùm cao tới hơn chục thước nên Hương quyết định hạ xuống cho quang đãng. Từ trên lầu bước xuống phòng khách, Châu thấy Hương đang tiếp chuyện với cặp vợ chồng người Pháp; ông Tây này đã đến coi nhà hai lần và hôm nay mang theo bà vợ. Chàng bèn lên xuống mở cửa nhà bếp đi ra vườn, đứng bên gốc cây không cao lắm, thân to và lá xum xuê, được trồng rất khéo nên cành tỏa ra che nắng, dưới có kê bàn ghế nhựa. Chiều nay, trời sang Thu, lá vàng đang rơi rải rác trên bàn ghế và sân cỏ, nhưng cũng đã lại ngập cả lối đi. Cạnh là hồ cá mà lúc còn sống, anh Thuần vẫn chịu khó ngày một chăm chút, giờ thì hoang phế, chẳng biết còn con cá Koi nào còn sống sót hay không. Cảnh vật trông tiêu điều, khiến Châu nhớ đến hai câu Kiều: "... Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ..." Chàng nghĩ thầm, trước đây, trong những dịp mùa Hè, dưới bóng gốc cây này, anh chị em của Châu vẫn thường tụ họp ăn trưa ồn ào, huyền não và vui vẻ.

Vợ chồng Thuần dọn về ở đây đã trên hai chục năm. Sau khi có thêm Minh, đưa con đầu lòng nay đang đi học ở Amiens. Họ mua mẫu đất ven đồi rồi nhờ Hưng, anh cả, kiến trúc sư ở Paris, vẽ kiểu. Bây giờ, mặc dầu đã về hưu, Hưng lâu lâu vẫn nhận vẽ "lậu" cho khách quen, kiếm thêm lợi nhuận. Nhiều người trong họ đã từng đến và ở chơi đây, hầu như ai cũng chê kiểu nhà này. Họ chê ngàm nhưng không ai nói là tại sao. Riêng Châu lại thích vì bên trong, từ cửa sổ đến cầu thang và bao lơn đều bài trí trang nhã. Các phòng thì tiện nghi và được đặt vào những vị trí hợp lý. Ở nhà này, Châu có cảm giác như được sống lại trong căn nhà cũ xưa của gia đình ở Sài Gòn thuở thiếu thời. Bên trong nó có một bầu không khí yên tĩnh, trang trí lại sang trọng, tạo cảm giác ấm cúng thân mật như ở nhà của riêng mình. Mặt tiền có ba tầng lầu, còn phía sau nhà, dưới con dốc thì lại thêm cái gara và một phòng thường được dùng làm phòng ngủ khi có gia đình thân thuộc ở Mỹ qua chơi. Vì cao hơn hẳn so với hàng xóm bên cạnh nên nhà này coi bề thế, cây leo mọc phủ cả một góc tường đã đổi màu đỏ chót, nhìn qua trông quý phái và cổ kính như một tòa lâu đài xưa thường thấy ở miền quê nước Pháp. Và con phố trước nhà được đặt tên là Đường Dây Leo (Rue des Vignes). Nếu đi bộ theo con dốc vào khu xóm trong, là dãy villa nhỏ hơn, toàn nhà gạch, mái ngói đỏ, có căn hai tầng nhưng nhà nào cũng có mảnh vườn phía trước trồng loài hoa hồng màu vàng nhạt lẫn trắng dưới ánh nắng nổi bật trên thảm cỏ xanh, trước gió lung lay, khiến Châu nghĩ là con đường này nên được đặt tên

là con đường hoa hồng mới đúng nghĩa, như tên một đường ở Dalat năm xưa?

Thuần họ Bửu, gốc gác Huế, giòng dõi vua Minh Mạng, thuở nhỏ sinh sống và đi học ở An Cựu, nhưng được cho qua Paris từ lúc mười lăm tuổi. Trước kia, dù là cháu ruột của người chủ rạp ciné lớn nhất ở Sài Gòn, gia đình lại nghèo nên khi qua đây anh phải tự lập, làm đủ công việc tay chân để kiếm sống, và rồi với sự cần cù kiên nhẫn và có ý chí tiến thủ, anh cũng học xong y khoa lúc đã trên ba mươi tuổi. Anh người tầm thước, gương mặt bầu bĩnh với đôi mắt sáng, khi cười răng cửa hơi lộ ra. Và như phần



đông các bác sĩ ở đây, anh có vẻ ngoài tự tin và ăn mặc gọn gàng. Có thể vì sang Pháp lâu, anh có lối giao tế giản dị thẳng thắn của dân Tây, khác hẳn người Việt, nhất là là dân trong Hoàng Tộc thường lễ nghi kiểu cách và thích quan liêu. Ông cụ thân sinh mất sớm, trong khi bà mẹ và gia đình người chị còn sinh sống ở Huế. Sau này anh bảo trợ gia đình qua đây ở cùng một apartment trong Compiègne, nhưng chỉ ít năm sau thì bà mẹ qua đời, rồi đến người anh rể cũng ra đi. Anh quen Hương trẻ, khi hai người đã đứng tuổi mới lập gia đình, có điều may mắn họ đã sanh được đứa con trai duy nhất. Anh Thuần mở phòng mạch ở trong phố, lúc đó họ còn ở một căn apartment gần chỗ làm. Hồi trẻ, có lẽ anh cũng nhiều bồ đằm và cũng có

thể đã từng sống với vài ba bà nữa; khi lớn tuổi, anh muốn trở lại với “hương quê”, giống như những con cá hồi chỉ muốn về lại nguồn sanh ra mình, để rồi chết. Hay đó là do duyên số của cả hai người, anh Thuần và chị Hương? Mà

duyen số là gì? Châu cũng không hiểu rõ lắm, chàng đoán rằng do thời điểm và hoàn cảnh mà ra, nó quyết định phần lớn thân phận con người. Khi đã có nhu cầu và đúng lúc, thì xem ra tình yêu trở nên không còn quan trọng số một như người ta vẫn thường ca tụng. Và có lẽ chính vì vậy mà phải chằng nhiều đôi uyên ương dù có yêu nhau thắm thiết thừa ban đầu rồi sau khi lấy nhau vài

năm lại bỏ nhau? Mặc dù họ vẫn là hai con người như xưa, vẫn sắc đẹp đó, vẫn cá tính đó, mà tại sao có sự thay lòng đổi dạ? Phải chăng là do hoàn cảnh khiến họ có nhận thức mới về nhau. Người yêu xưa nay là kẻ khác hẳn rồi... Hoàn cảnh là do thời gian và không gian khác nhau đã cấu tạo ra mọi thứ khác hẳn xưa... Châu vẫn tự nhắc: ông bà mình ngày xưa lấy nhau đâu có cần phải quen nhau trước, tìm hiểu nhau gì đâu mà họ vẫn sống đời với nhau cho đến khi đầu bạc răng long! Hay là thời xưa khác, xã hội thời nay thay đổi nhiều quá rồi.

Lững thững xuống dưới vườn, Châu đứng bên một cây táo cao đang mùa quả chín đỏ lấm tấm sai đầy cành và rơi

dưới đất nát bét đang được đàn ong quây quần, bay tứ tung khi có người đến gần. Chàng đến cuối vườn xem lại mấy cây thông sáng nay hai chị em mới đốn, vẫn còn nằm la liệt, ngổn ngang. Vì có hẹn với vợ chồng người mua nhà, hai chị em bỏ dở, chưa kịp dọn. Từ dưới chân đồi nhìn lên, Châu thấy căn nhà đứng sừng sững, tuy không to như một tòa lâu đài nhưng với tường đá tô màu xám và mái đá đen, cái bao lơn ở lầu hai hình nửa vòng cung trông cũng bề thế và quý phái. Ngày mai, khi Hương xuống Paris đi làm thì Châu sẽ chặt khúc mấy thân cây dùng làm củ đốt cho mùa Đông tới. Bên trái, sát với hàng rào là cây mận đang rụng lá trông trơ trọi. Chính cây mận này vào cuối Hè năm ngoái, Châu và Hương đã hái từng rổ mang vào nhà thương nơi Thuận mổ để biếu nhóm bác sĩ và y tá. Quả mận có tên là mirabelle, màu vàng nhạt, đượm phớt chút màu xanh, nhỏ nhưng lại ngọt và dòn mà ở chợ bán rất đắt tiền, cả chục Euros một ký. Thuận mổ để hàn gắn động mạch bị yếu nhưng chẳng may sau hai tháng mổ đi mổ lại ba lần, đã qua đời ở nhà thương Salpêtrière. Bị xốc bất ngờ và chơi vơi, trong cơn buồn bã, Hương đã quyết định bán căn nhà này để dọn vào Paris vì cảnh cũ làm nàng nhớ đến chồng và những ngày tháng hạnh phúc tươi vui của lứa đôi. Châu tiếc rẻ, nhà này vừa đẹp và sang trọng, lại vừa rộng rãi, để đón tiếp gia đình ở Mỹ qua chơi. Hơn nữa, cảnh vật ở làng Jaux cũng êm đềm và yên tĩnh, và nhất là cá nhân Châu muốn tìm lại những kỷ niệm cũ êm đẹp ở đây, sợ rằng sẽ không tìm thấy lại nếu ở vào chỗ khác.

- Châu... Châu

Tiếng Hương gọi từ trên đồi vọng xuống làm Châu quay về với hiện tại, vội rào bước lên về phía nhà. Khi đến gần, Châu thấy Hương đang cười, ngoắc tay gọi mình: - Họ mới về xong, có vẻ muốn mua. Họ nói cho họ vài ngày suy nghĩ. Úi chao, cái bà đầm này khó khăn hơn ông chồng nhiều. Bà ta hỏi đủ thứ và cứ mặc cả, đòi bớt hoài.

Nghe chị nói vậy, Châu thầm nghĩ rằng chính các bà mới giỏi mặc cả, kiên nhẫn kỳ kèo trả giá, còn mấy ông thì chỉ muốn mua cho xong chuyện: - Nhưng xuống giá bao nhiêu thì chị chịu bán?

Chưa trả lời, Hương cảm thấy hơi lạnh của buổi chiều đang xuống, bèn quay bước vô nhà. Châu nổi gót theo sau. Hai người ngồi xuống bàn ăn ở bếp. Hương nói: - Chị thấy bên này kinh tế đang xuống, để chờ xem sao. Bán rẻ thì tiếc mà ở lại thì vừa buồn vừa không trông nom xuê.

Hai chị em ngồi yên lặng, không ai nói gì thêm. Có lẽ mỗi người đang theo đuổi những ý nghĩ riêng. Bên ngoài trời đã nhá nhem tối. Mới tháng mười mà năm nay xem ra lạnh sớm hơn mọi khi. Châu chợt nhớ đến vợ, đang ở Cali, có lẽ giờ này còn đang đi làm. Nếu có Bích ở đây chắc sẽ có nhiều ý kiến hợp tình hợp lý vì nàng vốn tính toán chuyện nhà cửa suông sẽ hơn mình. Hình như trời sinh người đàn bà bao giờ cũng thực tế hơn. Chính mình làm như chưa hề trưởng thành, còn nhiều mơ mộng như trẻ thơ! Kỳ này là lần đầu Châu qua

Pháp một mình, Bích kẹt đi làm, và cũng vì tiết kiệm tiền mua vé máy bay. Chàng qua là để giúp Hương sửa soạn bán nhà, dọn dẹp vườn tược cho gọn gàng, nhưng thật ra chàng cũng không biết là thực sự mình có giúp được gì không, hay chỉ cốt là có mặt và nói chuyện bâng quơ như lúc này, bà chị đang buồn và cô đơn, và mình an tâm hơn.

- Bán nhà, chị tính dọn đi Paris hay vô Compiègne ở? Ý của cháu Minh thế nào? Châu hỏi lại chị.

Chính Hương nhận ra là thật sự nàng chỉ muốn rời khỏi căn nhà này càng sớm càng tốt, còn đi ở đâu, không quan trọng lắm. Đối với nàng, có lẽ bán nhà vẫn khó hơn là đi mua lại: - Nếu ở trong Paris thì mắc mỏ lắm. Ở Compiègne, dễ hơn. Nhưng còn ở lại đây, buồn chết! Hay là mua một apartment hai phòng ngủ ở ngoại ô Paris, hoặc một căn nhà nhỏ ở Compiègne cho gần chị Vân, chị anh Thuận và bạn hữu?

- Chị tính thế cũng gọn, nhưng sao không nghĩ về ở khu Việt Nam tại Paris cho vui, gần chợ búa các cái?

Vừa mở tủ lạnh xem đồ ăn cho bữa cơm tối, Hương quay lại: -Ồ! Ở Quận 13 đắt lắm, làm sao mua nổi! Nhà hết đồ ăn rồi, chiều nay mình ra ngoài ăn cơm Tây, nhé? À mà anh Hưng phone nói ngày thứ Năm ra Tăng Frères gặp nhau, đi ăn mì ở đường Choisy. Anh ấy trách Châu qua đây cả tuần mà không phone cho anh ấy.

Nghe nói đến ông anh cả, người lấy vợ đầm, chưa lần nào cho đến nhà chơi hay nấu bữa cơm Tây đãi đứa em út từ

Mỹ qua, Châu lắc đầu: - Gặp anh Hưng buồn lắm, nghe anh ấy nhắc hoài chuyện xưa rồi khóc lóc, nói chuyện trên trời dưới biển. Toàn là những projet cả triệu Euros mà lần nào gặp thì cũng than nọ như chúa chổm.

- Châu nói thế mà cũng nói được! Anh Hưng hồi nhỏ đã nuôi Châu còn kỹ hơn cả bà vú. Bây giờ anh ấy lớn tuổi nên loạn quạng một tý, chứ có gì đâu.

Biết mình vừa lỡ lời, Châu bào chữa: - Em nói đùa vậy chứ ngày nào tiện mình lên Paris gặp anh Hưng luôn.

Chợt như nhớ ra điều gì, Hương nói: - À này Châu, ngày mai chị phải đi làm. Ở nhà Châu dọn nốt chỗ cây mới cắt, rồi trưa chờ đi đổ ở Compiègne nhen. Có gì phone cho chị ở sở. Chị sẽ nghỉ thứ Ba, thứ Tư rồi thứ Năm mình cùng lên Paris gặp anh Hưng. Nếu Châu muốn thì mình ngủ lại Paris đi chơi cho tiện, chứ cứ lên xuống mỗi ngày, mệt thì giờ và tốn cả tiền xăng nữa. Xăng bên này không rẻ như bên Mỹ đâu, tính ra một lít cả hai đô la.

Vừa nói chuyện, Hương vẫn lúi húi ở bếp xấp xếp hay cắt đi bát đĩa. Nhìn phía sau, Châu bất ngờ thấy chị mình già đi nhiều, nhất là từ năm ngoái sau khi anh Thuận mất, mái tóc chị nay đã bạc và thưa, vẻ mặt không còn tinh anh như trước nữa. Lúc trẻ, Hương đẹp với mũi cao và đôi mắt to đen, nụ cười thường có trên khuôn mặt trái xoan và đáng đáp hao hao tựa như Đầm lai. Được đi du học từ trẻ và nay đang làm công chức ở Paris, cuộc sống êm đềm

của nàng đột nhiên bị cắt đứt khi anh Thuần chết. Hình như trong đời sống con người, ngay cả lúc vui, nét buồn hay lớn vồn chỉ chực chờ cơ hội cướp đi tiếng cười của mọi người. Như những ngày Hè trước đây, anh chị em ruột vẫn tụ họp ở căn nhà này. Sau khi đi ngao du khắp các miền nước Pháp, về lại Jaux nghỉ ngơi, họ vừa tranh nhau trở tài nấu ăn vừa hàn huyên kỷ niệm thuở nhỏ về gia đình, bè bạn, và nhất là về người mẹ mất sớm. Đó quả là những ngày vui mà bây giờ không thể nào tìm lại được nữa. Thuần đã ra đi, trong khi Hưng và Ban cũng đã có tuổi và yếu hơn trước nhiều.

Chợt có tiếng lao xao trên sân sỏi, xe hơi chạy vào nhà. Rồi một chập sau, cửa mở ra. Ty, đứa con gái cùng chị Vân bước vào, nó gật đầu chào Châu rồi nói với Hương:

- Cháu đưa mẹ cháu ghé chơi với mợ. Tối mợ cho mẹ cháu về được không? Cháu còn phải đón mấy đứa nhỏ rồi đi ăn với chồng con.

- Được chứ. Tối nay mợ dự định đi Compiègne ăn cơm tây. Để rủ mẹ con đi luôn cho vui. Nhưng mẹ con lại không thích cơm Tây.

Chị Vân người nhỏ nhắn nhưng trông vẫn nhanh nhẹn, khỏe mạnh so với tuổi tám mươi. Mái tóc đã bạc trắng trên gương mặt xương, hai gò má cao nhô lên, đôi mắt chị tuy nhỏ nhưng đen trông rất lạnh lợi. Giọng Huế của chị cao và trong, nghe ngọt ngào và dịu hiền. Chị xách theo một túi đồ, để trên bàn ăn và nói với Hương: - Chị mang qua cá kho mặn kiểu người Huế này. Em nấu nời

cơm rồi bọn mình thời nhe. Ra ngoài ăn tốn tiền mà đâu có ngon chi mô.

Đây là món ăn sở trường của chị chồng mình, Hương mỉm cười và nhớ là đã ăn nhiều lần vào thời kỳ đến ở tạm nhà chị sau khi Thuần qua đời. Bỗng một con mèo màu xám vụt nhảy lên bàn, đưa mũi vào đĩa cá, ve vẩy cái đuôi nhẹ nhàng rồi ngoảnh đầu nhìn quanh như hỏi ý mọi người. Thấy vậy, Hương từ trong bếp chạy vội ra hất tay xua đuổi.

- Đu-đa đi xuống! Con này hư quá, chuyên ăn vụng.

Nó lờ đi, như không nghe lời mắng của chủ, nó vẫn dí mũi gần đĩa cá kho và đưa bàn chân khều, khiến Hương phải với tay ôm nó thả xuống đất. Nó chạy vụt dưới gầm bàn và biến mất.

Châu đề nghị: - Hay quá, chị Vân. Để em đi nấu cơm cho.

- Đâu cần nấu trên bếp, bỏ vào micro-ondes cho nhanh. Hương vừa góp ý vừa lôi ra cái chậu nhựa dùng để nấu.

Trố mắt ngạc nhiên, Châu đến gần xem:

- Lạ nhỉ, chỉ cần bỏ nước dưới đây và gạo ở trên? Ở Mỹ đâu có cái nồi nhựa như thế này đâu. Mà cơm có ngon không? Bên Mỹ chỉ nấu bằng nồi điện thôi chứ. Em chưa hề thấy nấu bằng microwaves bao giờ. Không biết ở bên đó có bán cái này hay không nữa?

Bỏ nước và gạo xong xuôi để trong microwaves rồi cho lò chạy, Hương mở tủ lạnh lấy nửa cái bắp cải ra để luộc ăn kèm với cá kho. Bữa cơm gia đình nhanh lẹ mà đậm bạc đơn sơ, nhưng lại

ngon miệng. Cá kho được nấu với bã trà không còn mùi tanh và thịt sất lại, đậm đà hương vị của biển.

Châu tò mò hỏi về cuộc sống của chị Vân. Một người đàn bà góa chồng từ lâu, sống một mình ở căn gác dành cho người già trong Compiègne. Hàng xóm trong khu nhà nghèo này đa số được gọi là Rệp (người gốc Bắc Phi). Chàng nghe Hương kể là cứ mỗi sáng, sau tuần tụng kinh, nếu thời tiết không mưa gió hay quá lạnh, chị Vân bước qua nghĩa trang thành phố cắm vài bông hoa lên mộ bà cụ và chồng của chị. Và nay nghĩa trang lại thêm người em trai của chị cũng đã vào đấy. Cuộc sống phẳng lặng êm đềm, vẫn như mơ. Cuối tuần, chị Vân chỉ mong chờ đứa con gái ruột đến thăm, đưa hai đứa cháu ngoại cho bà thấy mặt. Và như hôm nay, con gái chở chị đến thăm người em dâu mới thành góa bụa. Nhờ sự có mặt của chị Vân và Châu, đêm nay Hương thấy bớt cô đơn và buồn tủi hẳn. Nỗi âu lo mông lung, nhiều khi vô cớ, vẫn thường len lén đến vào buổi chiều từ khi nàng phải sống một mình. Gần đây, nàng cảm thấy bản khoán lưỡng lự khi quyết định bán căn nhà này. Nó đã từng tượng trưng cho cả một đoạn đời của nàng với Thuần, một thời sống êm đềm hạnh phúc mà có lẽ từ đây sẽ mất hút luôn, không thể tìm lại được nữa. Cái cảm giác lưu luyến tương tự như nỗi nhớ nhà thời mới qua Pháp bây giờ lại len lén trở về với nàng. Cách đây hơn bốn chục năm, lúc còn trẻ, nàng vừa đi học vừa đi làm cho tiệm bánh mì ở Paris. Buổi tối đi bộ về căn gác nhỏ một mình trong đêm lạnh lẽo, nàng đã cảm thấy

ngập tràn nỗi nhớ nhà, nhớ Sài Gòn, anh chị em cùng bạn học..., nhớ cả căn villa của gia đình ở đường Nguyễn Bình Khiêm với cây đại hoa trắng điểm vàng và dãy hàng rào bông giấy màu tím nhạt. Thời Thuần còn sống, giữa người chị chồng và cô em dâu có nhiều xích mích. Tuy chưa hề to tiếng với nhau, nhưng cả hai ít qua lại vì khác biệt về tuổi tác lẫn lối sống gia đình, một bên là người Huế lễ nghi khó khăn, tính tình khép kín; và bên kia là dân gốc Bắc lại học trường Đầm và sống ở Pháp từ nhỏ nên ăn nói huých toẹt ra. Cũng có thể còn do sự ganh tị vì từ khi có vợ, Thuần không còn chu cấp, lo lắng nhiều cho chị mình như trước kia nữa. Nhưng sau khi Thuần qua đời, trong những ngày Hương đến ở với chị Vân, tự nhiên hai người trở nên gần gũi hẳn. Bây giờ họ chấp nhận nhau dễ dàng, dù hai cá tính vẫn như trước kia. Riêng Hương mới thấy được nhiều cái hay, cái đẹp của người chị chồng mà trước kia nàng cho là hủ lậu quê mùa. Nàng bắt đầu cảm thấy ân hận là đã có cái nhìn hấp tấp sai lạc về một con người, và nàng cũng khám phá ra là mỗi người đều có cái nét đặc biệt hấp dẫn mà mình chưa nhìn thấy ra đó thôi. Trong khi Châu và chị Vân hàn huyên, thăm hỏi nhau qua lại về cuộc sống ở bên Pháp và Mỹ thì Hương ngồi mỉm cười an nhiên, lòng cảm thấy vui vì hiện đang có đồng người trong nhà mà bầu không khí thân mật vắng mặt từ lâu nay đã trở lại căn phòng này. Qua câu chuyện trao đổi, lần đầu tiên nàng nghe chị Vân tiết lộ là nhờ liên lạc được ông xếp cũ người Mỹ trong thời gian chị còn làm cho Thư Viện Hoa Kỳ ở Huế, nay chị được trợ

cấp hưu trí hàng tháng của chính phủ Hoa Kỳ do ông ta vận động. Nghe nói ông ta phải tranh đấu tận Bộ Ngoại Giao và qua các vị Dân Biểu và Quốc Hội Mỹ, dù chị đã chỉ làm việc khoảng mười năm và hưu trí hàng tháng tuy không bao nhiêu nhưng sự việc này vẫn nói lên sự tận tình tốt lành của ông xếp cũ, và cũng đã khiến chị rất cảm kích và nhớ ơn. Nhắc đến nước Mỹ mà chị đã qua chơi vài lần, nhất là ở Cali, dường như chị Vân tiếc rẻ là không được định cư bên đó, nơi có nhiều bà con họ hàng thuộc Hoàng Tộc. Trong khi Châu lại thăm muốn qua đây, sống giản dị và êm đềm bên cạnh người chị nhưng không thể được vì vợ con chàng đã mọc rễ ở Bolsa. Sau bữa cơm, Hương và Châu lấy chiếc xe Renault nhỏ chở chị Vân về rồi họ đi ngủ sớm sau một ngày làm vườn mệt mỏi.

Tiếng kêu "meo, meo" văng vẳng bên ngoài đánh thức Hương dậy. Mở mắt nhìn về hướng tiếng động, nhận ra tiếng con Đu-đa đang cào vào thành cửa, nàng bèn tung chân ngồi dậy bước ra. Con vật nhẹ nhàng luồn thân mình sát vào chân người chủ như tổ sự âu yếm rồi khe khẽ rên rỉ nho nhỏ. Trong đêm tối, nghĩ là nó đói, nàng bế chú mèo lên, bước xuống nhà. Quả nhiên hôm qua, lu bu chuyện nhà cửa nàng đã quên phần ăn cho nó. Hương mở tủ lạnh lấy gói thức ăn bỏ thêm vào đĩa. Con mèo vội nhào xuống, nhẹ nhàng ăn một cách chậm rãi như không hề đói. Liếc nhìn đồng hồ, mới gần một giờ sáng, Hương trở lên gác tìm lại giấc ngủ. Nhưng loay hoay một hồi, vẫn thấy mình tỉnh táo, nàng nằm suy nghĩ miên man. Sự có

mặt của Châu khiến nàng lại nghĩ đến các anh chị khác, rồi kỷ niệm của ngày Hè cách đây hai năm, cuộc đi chơi xa lần chót với chồng, khi có anh chị Ban và vợ chồng Châu sang đây.

Sáu người cùng thuê một chiếc xe lớn, chở nhau đi ngao du khắp vùng sông Loire, sang tận Tây Ban Nha, nghỉ mát ở ven biển. Kỷ niệm rất vui hiện về trong tâm trí nàng y như đang xảy ra ngày hôm qua. Sau tuần lễ ở biển, họ trở về Jaux. Qua một đêm nghỉ ngơi, chị Ban đề nghị làm món bún chả Bắc, mời anh Hưng ở Paris cùng chị Simone, vợ anh, lên đây gặp gỡ, ăn uống chung với nhau. Lần nào qua Pháp, chị Ban cũng mang theo gia vị và thức ăn khô ở Cali vì Compiègne không có tiệm chạp phô Á Đông mà nhờ Hương chở lên Paris mua thì xa xôi, tốn thì giờ quá. Chị mang theo nào là mắm tôm chua, giò chả Cali, bún, bánh phở khô v.v... đầy cả một valy. Cũng có thể chị không thích đồ ăn Tây nên ngày nào cũng tình nguyện nấu cho nhà, tất nhiên là chỉ nấu cơm ta mà thôi. Chị Ban người mập mạp, đi đứng nặng nề nên ít thích đi bộ lang thang như bọn trẻ. Trông chị không ai có thể ngờ lúc còn trẻ chị đã từng là hoa khôi một trường bà sơ, khiến nhiều công tử Hà Nội mê mẩn theo đuổi. Đến khi lập gia đình, chồng chị lại có khổ người ốm yếu, ít nói và tính tình ngược hẳn với vợ, chị đến đâu cũng làm vui rộn cả nơi đó. Trong đám cưới con trai của anh chị ở Cali, Châu đi theo anh Ban qua rước dâu bên nhà gái, chị ở nhà theo tục lệ xưa. Ngổ lờ trước gia đình cô dâu, anh chỉ nói vài câu nhỏ nhẹ

trong bầu không gian bên nhà gái phẳng lặng như mặt hồ, khiến cho mọi người tham dự đều trịnh trọng e dè. Trái lại, đem cô dâu về đến nhà trai và khi chị cất tiếng nói thì căn nhà tự nhiên tung bừng và rộn ràng, ai cũng như mở hội, cười nói ồn ào, đúng là không khí tiệc cưới. Gặp anh lần đầu, ít ai nghĩ rằng anh là một luật sư có tiếng ở Sài Gòn vì trông anh hiền lành, tính thẳng thắn và giản dị nhưng không thiếu nghiêm nghị. Cá tính hai vợ chồng như ăn khớp, bổ túc cho nhau. Cái anh có thì chị lại thiếu mà cái anh không có, chị lại bù vào cho đủ. Cuộc sống chung vợ chồng của anh chị quả thật hạnh phúc trọn vẹn.

Ngoài vườn, Hương cúi lúi húi sắp xếp củi dưới đồng than trên lò. Nàng nghe tiếng ồn ào cười nói trong nhà vọng ra mà cảm thấy lòng rộn vui. Bật lửa cho gỗ cháy bén, nàng bước vô nhà. Thấy vợ vào, đang ngồi đầu bàn Thuần nói lớn:

- Này em ơi. Châu mới kể chuyện, lát nữa anh Hưng đến ăn trưa với bọn mình, anh ấy có hứa là sẽ cho nó bốn trăm Euros mua cái máy ảnh! Vậy mà Châu nó tin thật đó? Mấy người ở Mỹ không biết anh Hưng rồi!

Nói xong, anh thoải mái cười. Qua cách nói về người anh cả của vợ mình như thế thì ai cũng có cảm giác là Thuần không ưa gì anh Hưng, nhưng Hương hiểu chồng mình chỉ than thở như vậy thôi chứ thật ra trong lòng vợ chồng nàng đều hiểu rằng người anh cả ấy thực sự biết thương các em nhưng tính anh như vậy, có lẽ yếu đuối và hơi ích kỷ. Hưng dễ dàng với chính mình nên cũng dễ dàng cả với các em. Đối với

Hương, một người hơi ích kỷ mà hiền lành dễ thương thì vẫn hơn là một người dữ tợn, tính tình khó khăn. Ban và Châu ngồi ở bên kia bàn ăn, trong khi chị Ban và Bích đang cúi húi rửa rau và luộc bún ở bếp. Xong, tất cả bước qua phòng ăn. Hương lên tiếng: - Anh Hưng nói là làm, em dám chắc như vậy. Để lát nữa anh đấy đến thì biết chứ gì.

Châu chợt nảy ra ý kiến: - Bây giờ thế này nhé, mình đánh cuộc với nhau, nếu anh Hưng cho Châu 400 Euros để mua máy ảnh như đã hứa thì anh Thuần sẽ đưa cả nhà đi ăn cơm Tây ở Compiègne, còn nếu không thì Châu sẽ bao. Cả nhà chịu không?

Ban ngồi cười: - Chắc chắn là chịu rồi. Bên nào thua hay thắng, tụi này đều có cơm Tây ăn cả! Đồng ý hai tay. Ai cũng biết đây chỉ là cái cớ cho vui, vì thế nào cũng sẽ có một dịp cả nhà đi ăn ở ngoài cho biết mùi cơm Tây tỉnh lẻ. Riêng chị Ban cười xòa: - Ai đi thì đi, ở nhà ăn mắm cà với thịt luộc là nhất. Đối với tôi, hương vị quê hương không đâu bằng. Nghĩa là ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục... Mà mấy cô chú có thấy mình đi xem bao nhiêu lâu đài, tuy chúng có tráng lệ, to lớn nhưng làm sao bằng mái nhà "tranh" của tụi này ở San Jose! Cứ qua chơi rồi biết, vừa ấm cúng vừa hạnh phúc hơn cả vua chúa. Mấy ông vua Tây có nhiều tình nhân nên xây tùm lum, nay mới thành "Lâu đài vùng sông Loire" (Les chateaux de la Loire).

Nghe nhắc đến lâu đài, Bích góp chuyện: - Cả nhà thấy cái tòa lâu đài nào đẹp nhất ở vùng sông Loire này?



Em thấy Chambord có vẻ cổ kính và đồ sộ nhất, nó lại nằm giữa một khu rừng, đi vào trông cứ tưởng như mình lạc về thời Trung Cổ. Mà không hiểu sao, nhiều tòa nhà mang tiếng là chateau này lâu đài nọ mà trông nhỏ tí, chỉ lớn hơn nhà này một chút, chứ hơn bao nhiêu đâu. Đúng là Tây có khác, đâu đâu cũng thấy chateau!

Nhìn Thuần, anh Ban nâng ly rượu chúc lên: - Không đâu đẹp bằng “Chateau de Buu” này! Một lâu đài của Hoàng Tộc nhà Nguyễn ngay tại Jaux, vừa đẹp sang vừa vui tươi. Cám ơn “Hoàng Tử” Bửu Thuần đã cho tá túc!

Nghe thế, cả nhà đều cười vui, nhất là Thuần thấy nhận xét ví von văn vẻ và ngộ nghĩnh, cũng khiến chàng hãnh diện về căn nhà này, công lao của cả một đời làm thầy thuốc tỉnh lẻ. Uống một ngụm rượu, Ban tấm tắc khen: - Rượu này ngon quá Thuần ơi. Mình còn mấy chai?

- Anh Ban, em chỉ mua có ba chai

Gamay vì không biết có ngon không. Tiếc quá, lúc quay về tìm không ra chỗ mua. Phải chỉ mình cứ để mấy ông Tây dán nhãn hiệu thì còn biết chỗ mà quay lại. Chai này là chai chót đấy. Tiếc thật, anh nhỉ?

Trong chuyến đi chơi lần đó, cốt để cho mọi người ngắm cảnh quê ở Pháp, Thuần đã lái xe qua những con đường làng. Và vào buổi chiều hôm đầu, tình cờ tạt qua vùng Touraine nổi tiếng về rượu Gamay với Sauvignon, Thuần nhắc thấy một vườn nho bên đường có để bảng bán. Đó chỉ là một ngôi nhà nhỏ, trông vắng vẻ vì sắp tối. Chàng cho ngưng xe thì đột nhiên không biết từ đâu xuất hiện bốn ông Tây sặc mùi rượu, ông nào cũng ngà ngà, chạy ra giới thiệu rượu của họ. Mấy ông này tuy vồn vã và thân thiện, có vẻ hiền lành và vô hại nhưng vì lạ nước lạ cái nên vẫn làm nhóm người Việt e ngại, vội vàng mua ba chai và khi chủ nhân đề nghị vào nhà lấy nhãn hiệu dán vào chai thì Thuần vội lắc đầu từ chối, rồi cả nhà vội nhanh nhẹn lên xe đi. Tối hôm đó, thuê phòng nghỉ đêm, khai chai đầu ra uống thì không ngờ ai cũng khen ngon. Cả nhóm bàn nhau là về sẽ kiếm lại chỗ đó mua thêm. Ngày trở về, vì không nhãn hiệu không địa chỉ, xe cứ chạy loanh quanh qua làng này đến làng kia để cố tìm cho ra cái vườn nho của mấy ông Tây say. Nhưng cảnh miền quê trông hao hao giống nhau, làng nào cũng có con đường lát gạch, cũng quán nhỏ bên đường, lò bánh mì, và những ngôi nhà thờ rêu

phủ, nóc cao trời hắt lên trời như cổ với lên cho đến... Chúa Trời, và cả tiếng đồng hồ sau mà không tài nào tìm ra. Ngồi trên xe, trong đêm tối, Châu đã lim dim ngủ gật, mơ màng mừng tượng cảnh vườn nho đêm đó rồi giật mình tự hỏi: Phải chăng cuộc gặp gỡ chỉ có thật trong giấc mơ; và mấy ông Tây chính là mấy con “ma rượu” hiện ra để trêu ghẹo bọn mình? Thất vọng, họ đành về lại Jaux.

Mọi người lảng xăng xếp đặt và sửa soạn thức ăn để lên bàn. Không khí trong nhà ấm hơi người trở nên thân mật vui rộn. Bích đã lấy tô đựng thịt ướp giao cho

Châu mang ra nướng. Nàng lúc nào cũng muốn chồng mình tích cực phục vụ các anh chị trong đại gia đình. Bích vẫn nghe kể, Châu là em út và khi mẹ qua đời, Châu là người được chính các anh chị nuôi dưỡng tận tình, hơn nữa bây giờ các anh các chị cũng đã lớn tuổi cả, đến lúc họ xứng đáng được nghỉ ngơi. Hơn nữa, nàng còn muốn được sự chấp nhận và khen ngợi từ phía nhà chồng, điều mà nàng cho là quan trọng trong nội dung thể hiện sự hài hòa của một đại gia đình vốn lâu nay vẫn được tiếng thơm trong xã hội. Đang giữa Hè nhưng thời tiết lại mát mẻ, vài cơn gió thổi tốc làn khói ở lò bốc lên cao, toả mùi thơm của thịt nướng khiến Châu cảm thấy đói. Mấy miếng chả bắt đầu chín, chàng gấp bỏ lên đĩa rồi mang

vào nhà. Vừa lúc đó, anh Hưng mở cửa bước vô, đứng nhìn quanh phòng. Chàng cười lớn: - Này, vui nhỉ. Lâu lắm mới được gặp các “ngài”! Thấy anh cả, chị Ban nói nhỏ: - Này, đừng ai nhắc đến vụ tiền mua máy ảnh nhen. Để tự anh ấy nhớ ra, mới thú vị.

Hưng nhỏ người, nước da trắng, đôi lông mày rậm trên khuôn mặt chữ điền với cái cằm hơi choắt, nhưng dọc mũi lại cao, nhìn tưởng như một ông Tây lai. Anh trông rất giống nhạc trưởng nổi tiếng Ozawa (người Nhật, điều khiển ban nhạc đại hòa tấu Boston bên Mỹ).

Ông này cũng trạc tuổi Hưng, cũng có mái tóc bạc bồng bênh nghệ sĩ. Một lần Hưng kể là anh lên Metro đi làm, có người Pháp đến hỏi thăm và tưởng anh chính là ông nhạc trưởng kia mà chính anh cũng chưa hề biết cái ông nhạc trưởng đó là ai nữa!

Hưng gỡ túi da đựng máy ảnh để trên bàn. Ngạc nhiên không thấy chị Simone đi cùng, Hương hỏi: - Ủa chị đâu? Sao anh không rủ chị đến chơi luôn?

- Ô, bà ta lười đi lắm. Hơn nữa chị ấy không thích ăn đồ ăn Việt Nam. Thôi để khi nào mấy “ngài” đi Paris, anh sẽ đưa chị ra văn phòng gặp sau. Hương cho tụi này ăn gì hôm nay? Anh cũng thèm cơm Việt Nam lắm. Ở Quận 13 chẳng có tiệm ăn nào ra hồn cả. Nhất là cái



món chả cá Thăng Long thì không đâu có.

Hơi thất vọng nhưng ai cũng cảm thấy là thực tế thì không có bà chị dâu cả người Pháp đó có lẽ vẫn hơn. Có chị, chỉ sau vài câu xã giao là họ không biết sẽ nên nói gì thêm nữa, và cả nhóm đều không thấy còn được tự nhiên nói về chuyên gia đình bằng tiếng Việt trước mặt một bà Đàm...

Nghe lời anh cả, Ban đề nghị: - Anh qua Cali chơi với tụi này thì tha hồ ăn cơm Việt. Chả cần phải đi đâu, cứ ở nhà nấu cũng ngon rồi. Hôm nay Hương cho anh ăn bún chả. Còn khi nào qua Cali, anh thả hồ ăn món gì cũng có hết.

Chợt nhớ ra là họ vừa đi chơi xa về, Hưng hỏi thăm: - Quý vị đi chơi có vui không? Biển ở Palamos bên Ý Pha Nho có đẹp không? Hình như năm nào vợ chồng Thuần cũng đến đó mà!

Hương đỡ lời: - Tụi này thích đi Palamos vì biển giống như ở Vũng Tàu quê mình. Và lại thuê chỗ ở cũng rẻ, nhà có bếp gần chợ. Sáng ra chợ đem đồ mua về nấu bouillabaisse, như ngày xưa đi Cáp với nhau vậy mà.

Ngồi đầu bàn, như nghĩ ra điều gì, Thuần tiết lộ: - Có kỷ niệm vui lắm. Nhưng phải để Châu kể, vì nó là “chính phạm”, còn tụi này chỉ là nhân chứng thôi.

Nhìn về phía Châu, Thuần tiếp: - Kể cho anh Hưng nghe vụ “đi toilet lậu” đi Châu.

Châu cười cười: - Thôi thôi rồi, ăn xong em sẽ kể. Hay là bọn mình chụp ảnh kỷ niệm chứ! Lâu lắm mới họp mặt được đông đủ như thế này đấy.

Quả nhiên là Hưng nhớ ngay ra cái điều đã hứa với cậu em út, anh liền móc ví lấy tiền: - Đây Châu, anh cho em bốn trăm Euros, về Mỹ mua máy ảnh nhen. Bốn trăm thành gần năm trăm Đô rồi đó. Chắc đủ mua một cái tốt như của anh đây.

Nghe vậy, mọi người reo mừng, trừ một mình Thuần yên lặng. Ban thì réo lên: - Thế là cả nhà mình có châu đi ăn cơm Tây đất tiền rồi!

Thuần phản ứng ngay: - Thì đi ăn, nhưng quán ăn do tôi lựa chọn!

Thế là cả Ban lẫn Thuần đều mang máy chụp ảnh ra, cùng với Hưng, ba người đưa nhau chụp hình. Mọi người quây quần xung quanh bàn bày la liệt thức ăn. Chai rượu Gamay cuối cùng cũng đã cạn. Hưng ăn có vẻ ngon lành nhất, vì có lẽ lâu lắm mới được ăn món này. Ai cũng ngạc nhiên là Hưng “dám” cho tiền đưa em út. Hiện anh đang túng thiếu, vẫn thường vay của Hương để tiêu xài mà chưa thấy trả nợ cho em gái. Còn Châu hơi e ngại vì vốn biết anh cả mình tính dễ xúc cảm, thấy đưa em xưa kia anh đã từng nuôi nấng trước đây mà nay sau một thời gian khá dài ở Pháp anh vẫn chưa giúp thêm gì được nó. Trong khi ăn uống, anh em hàn huyên chuyện đại gia đình, hỏi thăm nhau và nhắc nhở về những kỷ niệm cũ, khi còn

trẻ, lúc ở Hà Nội hay Sài Gòn. Nay thì mỗi người một nơi, lâu lâu mới có dịp như thế này, dường như ai trong họ cũng cảm thấy quý giây phút hội ngộ hôm nay. Được một chốc, khi câu chuyện thưa thớt và nhạt dần, Châu lên tiếng kể về vụ “đi nhà vệ sinh lậu” trong chuyến du lịch vừa qua. Sau một buổi sáng lái xe và cảm thấy mệt mỏi, cả nhóm dừng chân tại một thành phố nhỏ ở miền Nam, gần thành phố Perpignan để mua thịt nguội và bánh mì, ăn tạm bữa trưa. May mắn kiếm ra một công viên nằm cao trên một ngọn đồi nhìn xuống thung lũng, xa xa là một ngôi làng nhỏ nằm êm đềm dưới nắng trưa. Bầy đồ ăn trên ghế đá, ăn xong, họ nằm nghỉ ngay cạnh một nhà vệ sinh công cộng, trông như một cái thùng lớn đặt ở một góc thâm cỏ. Châu và Bích rủ nhau cùng đi. Bỏ tiền thì cửa tự động mở, cả hai cùng vào. Xử dụng xong, Châu bèn hé cửa đi ra để lại cho Bích khỏi tốn tiền thêm một lần nữa, nhưng chưa kịp khép cửa lại thì đột nhiên đèn trong cầu tắt ngóm, tối đen, từ đâu nước lạnh xối ra xối xả dưới chân, rồi bàn cầu từ từ rút vào trong tường. Hoàng hồn vì cửa cầu đóng và bị ướt chân, Châu tung cửa la lên trong khi Bích chưa kịp mặc quần. Nghe kêu, Ban và Thuần vội chạy đến. Cuối cùng Châu lẫn Bích hai người đều bị ướt chân, sau khi hai người đã ra ngoài rồi, còn nghe tiếng nước vẫn đang rửa lại cả bàn cầu, và có tiếng quạt máy thổi làm khô. Hóa ra đó là chu kỳ tự động của nhà vệ sinh là mỗi lần xử dụng xong, máy nước tự động xịt tưới rửa hết dưới sàn, bàn cầu bị rút vào trong tường, rồi nước lại chảy ra rửa sạch lần nữa trước khi quạt tự động

mở để làm khô bàn cầu cho người sau xử dụng! Cả nhà phá lên cười vui khi nghe kể lại kỷ niệm độc nhất vô nhị này. Riêng Thuần thì trầm ngâm ghi chép trên miếng giấy nhỏ, rồi quay về phía Châu và Bích: - Anh có mấy câu thơ tặng hai em làm kỷ niệm chuyến đi này. Rồi nhìn vào tờ giấy, Thuần thông thả ngâm đọc:

*“Tại sao nhìn Bích ta mỉm cười
Hay là ta già vẫn còn tươi
Hay là đi đứng cứ lóc thóc
Nhảy nhót qua về như con cóc
À! Ta biết tại sao Bích cười ta
Tại vì nhớ tới Tây Ban Nha
Lậu thuế đi vào ca bi nết
Bị nước xối vào trong toa lét
La lối rùm ra chả biết sao
Ngoài này ta mới chạy ngay vào
Ta thấy được “điều” chỉ Châu thấy
Ồ là là ồ là là là là
Ồ la là ồ la là là là (1)*

(1) Hoàng Anh Vũ

Cả nhà vỗ tay reo mừng, khen tài xuất khẩu thành thơ của Thuần. Qua Pháp từ nhỏ nhưng anh vẫn thành thạo tiếng mẹ đẻ. Hương mang bánh ngọt ra rồi rót thêm rượu, nàng quen với kiểu ăn uống cầu kỳ của Tây. Nghĩa là trước khi vào tiệc thì phải có rượu khai vị (aperitif), sau bữa ăn lại nhắm loại rượu mạnh (digestif), nếu là cơm Tây thì lại thêm châu pho mát rồi cuối cùng ăn tráng miệng và uống cà phê. Nhưng hiện giờ mọi người ai cũng đã ngà ngà say...

Trở về với hiện tại, trong đêm tối, nằm trên giường và nhìn lên trần nhà, Hương cảm nhận rõ rằng mình không thể sống mãi trong lo lắng buồn tủi, mà phải dứt khoát quá khứ, thoát ra khỏi sự ràng buộc đó. Kỷ niệm đã qua, đẹp vì đã không còn lấy lại được, chỉ là do ký ức và trí tưởng tượng của mình tạo ra; bởi nhiều lần nàng đã nghiệm thấy như vậy, vì ngay lúc cảnh tượng cũ hiển hiện ra thì ban đầu nó hết sức gây xúc động, nhưng sau dần nó nhỏ nhoi đi, nhạt nhòa dần đi ... và bị những sinh hoạt hằng ngày, rất bình thường, lấn áp; rồi ít lâu sau, khi nhớ lại, bắt đầu thấy ngạc nhiên. Cảnh tượng ấy đã trở thành một kỷ niệm khó quên, ray rứt, như bữa cơm gia đình của tối qua cũng sẽ trở thành một kỷ niệm khó quên và còn ám ảnh mãi. Ai rồi cũng là tù nhân của quá khứ, muốn thoát ra cũng không được. Diễn hình như với Thuần, từ khi anh qua đời thì nỗi cô đơn và lo âu, ân hận dày vò nàng nhiều hơn là cái nỗi nhớ nhung chồng. Nàng bứt rứt vì lúc còn sống, hai vợ chồng cũng có lúc cãi vã nhau về những chuyện không đâu và khá nhỏ nhen của cuộc sống. Như nàng hay căn nhắc Thuần không phụ dọn dẹp nhà cửa, làm vườn... mà chỉ ngồi đánh đàn piano hay đọc sách, vào lúc nàng vẫn còn phải đi làm, không đủ thì giờ thể quán xuyến mọi việc trong nhà... Cứ thế, Hương tiệp dần đi khi trời gần về sáng.

Nghe tiếng lục đục ở dưới nhà, Châu thức giấc và liếc nhìn đồng hồ thấy đã gần bảy giờ. Chàng ngạc nhiên vì chị mình vẫn chưa ra đi làm theo chuyến xe hỏa lúc sáu giờ rưỡi. Châu vội bước

xuống nhà, Hương đang lúi húi nướng bánh mì, lo bữa ăn sáng.

Thấy chị, Châu lên tiếng hỏi: - Ủa, sao chị chưa đi làm à?

Dừng tay, Hương quay về phía Châu: - Chị đã gọi vô sở đề message xin nghỉ ... Sáng nay mình dọn xong đồng cây rồi nhờ ông bạn của anh Thuần đem cái rờ-mọc mang đi đổ... Xong thì gọi ông bà mua nhà cho họ biết rằng mình bằng lòng bán cho họ với giá đó.

Khó đoán là lúc này chị mình buồn hay vui, Châu bỗng thấy đôi mắt Hương đỏ hoe như muốn khóc. Chị mình đang xúc động... lý do gì? Một trạng thái lẫn lộn, mơ hồ và phức tạp... như cuộc sống, dường như đang cùng diễn ra trong tâm khảm của hai chị em...

Ngọc Cường



Nguyễn Trung Cường

Hôn vào đâu?

Lệ chảy thì mưa khuya
Đêm năm xưa ... ĐàLat
Thương ai ... Phương trời kia
Mình với chồng ... trắng mặt

Biết bao giờ còn thấy
Người ngoài ... dấu chân mây
Sát na nào ... dừng lại
Xứ người ... gặp nhau đây!!
(Trời ơi ... ở trong nước, trước và sau khi ...
lấy chồng ... em kiếm anh hoài mà bật vô âm
tín.
Bây giờ bắt ngờ gặp nơi xứ người. Chắp tay
cám ơn Thượng Đế. Em xin hỏi anh ... anh
còn yêu em không?
Anh còn nhớ Bé không?

Cứ hỏi hoài một câu
Còn yêu không có nhớ
Biết trả lời thế nào
Đừng ... hành hạ nhau nữa
Từ khi có gia đình
Tưởng tình xưa ... đã chết
Vẫn bóng đuổi theo hình
Vào cuộc chơi oan nghiệt??

*(Yên lặng một lúc khá lâu, có người dơ tay
nhìn đồng hồ, khẽ thở dài, nói)*

Tới giờ phải về rồi
Xin hôn nhau lần cuối
Hôn vào đâu?
Khẽ cười, hỏi thế mà cũng hỏi!
Hôn vào tay... vào má
Hôn vào mắt vào môi
Ăn gian đòi nhiều quá
Ăn gian đòi nhiều quá

Thế thì thôi!!
Lại thôi?...!

Vẫn nhớ hẹn lần chót
Trước khi Ai lấy chồng
Ai tôi nói cho hết
Ai lác đầu nhớ không?
Độc thư bạn Ai kể
Đalat đêm tân hôn
Mưa khuya hòa mưa lệ.
Thương người nơi chiến trường.

Tình đôi ta rất đẹp
Trót lỡ mối duyên đầu
Xin cùng hẹn Muôn Kiếp...
Ta mãi mãi cho nhau
Ta mãi mãi tìm nhau
Trân quý Tình Sử Đẹp
Ngàn xưa tới ngàn sau

Nhất Tuấn
(Truyện chúng mình)



Người Ngày Xưa

Ngọc Hạnh



Tôi sinh trưởng trong một gia đình người Bắc, có đông anh chị em. Tôi là con út nên được Mẹ và các anh chị thương và chiều. Mẹ tôi khó tính nên tôi tuy có nghề nghiệp vững chắc mà vẫn còn độc thân. Cô nào nghe tiếng mẹ tôi cũng ngán. Các anh chị tuy lớn tuổi nhưng ai cũng vâng lời mẹ răm rắp. Duyên may đưa đẩy tôi gặp nàng trong một buổi tiệc sinh nhật của một đứa cháu, con chị cả. Nàng là bạn thân của cháu gái tôi. Vừa thấy bóng dáng hiền hậu dễ thương của nàng tôi bị hấp hồn ngay. Tiếng sét ái tình đánh trúng tim làm tôi lao đao thần thờ. Tôi bèn lân la tới làm quen. Nàng là cô bé người Nam

duy nhất trong buổi tiệc toàn người Bắc. Nàng mộc mạc, hiền lành, nên tôi càng thấy dễ thương hơn. Nói chuyện một lúc tôi mới biết nàng sắp thi Tú tài I và sợ nhất môn Toán. Tôi bèn tình nguyện kèm nàng cả Toán lẫn Lý, tất nhiên là... miễn phí, mỗi tuần hai buổi. Nàng bằng lòng ngay. Thế là lòng tôi hoa nở rộ, tim đập rộn ràng. Tôi cảm thấy hạnh phúc đã tới kề bên ... Thế rồi nàng đi thi Tú Tài. Thi xong, nàng tỏ vẻ rất vui, khoe làm bài trôi chảy, tốt đẹp. Quả nhiên, khi có kết quả, nàng đậu hạng Bình. Gặp tôi nàng ríu rít “cám ơn ... chú”. Tiếng “chú” làm tôi buồn đứt ruột. Trong khi đó, sự mừng vui làm nàng tươi đẹp hơn. Vì thế, một mối buồn thất vọng bắt đầu chớm nở trong lòng tôi. Tại sao nàng cứ coi tôi là bậc cha chú dù tôi chỉ hơn nàng có 5, 6 tuổi? Phải chăng vì nàng là bạn của con cháu tôi nên cũng tự coi mình là cháu? Suốt cả năm nàng học đệ nhất, tôi lại tình nguyện làm “gia sư” cho nàng, đến nhà nàng để kèm môn Triết, vì nàng cứ than “thầy nói mà chẳng hiểu gì nên thấy nhức đầu quá.” Một năm học dài trôi qua, Nàng đậu Tú tài phần II ngay khóa đầu. Đã qua bậc trung học, nàng trở thành người lớn, nhưng sao thấy nàng vẫn còn ngây thơ quá, chẳng thêm biết tôi đã thâm yêu trộm nhớ nàng từ lâu, cứ một điều chú hai điều cháu, khiến tôi buồn đến ngán ngơ. Nàng vào Đại Học, tôi đến thư viện tìm tài liệu cho nàng. Nhiều hôm vào lúc

buổi trưa tự nhiên nhớ nàng, tôi lái xe đến trường, nhìn các nam sinh viên xum xoe quanh nàng mà lòng nghe buồn tẻ tái. Tôi ghen với các bạn nàng. Thế rồi, một hôm đẹp trời, tôi mua một bó hoa thật đẹp mang đến nhà nàng. Lấy hết can đảm, tôi tỏ tình với nàng. Tôi thú thật tôi yêu nàng từ lâu mà không dám nói ra, yêu quá nhiều mà phải chờ đợi thì chịu không nổi. Tôi lấy hết can đảm để nói:

- Đã bốn năm dài chờ đợi, không thể chờ đợi hơn được nữa. Em có bằng lòng sống với anh trọn đời không?

Giọng tôi như năn nỉ mà cũng như đe dọa. Ngừng một chút, tôi nói tiếp:

- Nếu em không cho anh cưới liền trong năm nay, anh sẽ đi du học.

Nàng như chết lặng, đăm đăm nhìn tôi, mắt long lanh ướt. Một lát sau, nàng buồn bã trả lời:

- Nhưng chú ơi, cháu có người yêu rồi, làm sao bây giờ?

Tôi tưởng mình nghe nhầm, thần thờ hỏi lại:

- Em có người yêu rồi? Từ bao giờ? Sao anh không biết?

Nàng nhỏ nhẹ:

- Anh ấy ở trong quân đội, hiện đóng

quân xa, tận miền Trung, làm sao chú biết được.

Tôi đành bỏ về để chuẩn bị đi Mỹ du học. Ngày tôi đi, nàng buồn vơi vơi, đưa tay cho tôi nắm. Đây là lần đầu tiên tôi được nắm tay nàng. Tôi nắm chặt bàn tay nhỏ bé, mềm mại, không muốn rời ra, Lòng đau như cắt, tôi chúc nàng hạnh phúc bên người tình xa xôi, rồi ra về. Nàng tựa cửa trông theo... Đi Mỹ học xong, tôi ở lại làm việc, lấy vợ ngoại quốc. Tôi biết nàng không ưng tôi chỉ vì nàng nghe đồn mẹ tôi rất khó nên sợ. Thật ra, nàng chưa có người yêu. Rồi nàng lấy chồng. Chồng nàng cũng người Bắc như tôi. Mẹ chồng nàng hiền lành, thương nàng như thương con ruột. Cưới xong bà cho hai vợ chồng nàng ra ở riêng.

Sau biến cố 1975, miền Nam đổi chủ. Nàng đi Mỹ cùng gia đình. Không may, vài năm sau chồng nàng bệnh rồi qua đời. Nàng lại cô đơn, quạnh hiu với ba con nhỏ. Nàng một mình làm việc nuôi con. Ngày tháng trôi nhanh, nay chúng đã khôn lớn và rất ngoan, rất thương yêu mẹ.



Tuy ở xa nhưng chuyện gia đình nàng, tôi vẫn biết. Một hôm, tôi rủ cô cháu từ tiểu bang khác bay qua thủ đô Hoa kỳ thăm nàng, người ngày xưa tôi đã yêu thương với cả trái tim. Tôi tạm trú ở một khách sạn

gần nhà nàng. Sáng hôm sau, tôi mang quà cho các con nàng và cho nàng biết tôi vẫn yêu nàng tha thiết, có thể hơn cả ngày xưa. Tôi đã ly dị vợ, xin chấp nối lại tình xưa để được “mãi mãi bên em”. Tôi muốn hát bên tai nàng bài ca của Từ Công Phụng:

*Nếu có điều gì vĩnh cửu được thì em ơi
Đó là tình yêu chúng ta...
Rồi mai đây anh sẽ đón em về
Mở cửa hôn em vào đó rong chơi
Em có thấy tình anh ngát hương hoa
Ngây ngất mãi một đời vì em thôi...*

Thấy nàng gầy ốm, tôi thương quá nên đề nghị:

- Chúng ta làm đám cưới, em nhé. Anh đã chờ em hơn nửa đời người rồi...

- Không được chú ơi, con cháu còn đang đi học...

- Em khỏi lo. Anh xin gánh vác hết.

- Vây, chú để cháu nói chuyện với các con cháu xem sao nhé...

- Tại sao lại phải hỏi các cháu? Anh sốt ruột lắm rồi. Thôi bằng lòng đi, chúng ta làm đám cưới ngay, đừng để mất thêm nhiều thì giờ nữa...

Thấy nàng im lặng, tôi hy vọng đã thành công nên nắm lấy tay nàng, tôi giữ tay nàng trong tay tôi và quyết định không bao giờ buông ra nữa...

Ngọc Hạnh

Virginia, Mùa lễ Tình Yêu 2013

Ông Trời Buồn Lo

Sao tôi đành bỏ quê hương?
Xứ người lưu lạc nhớ thương quận lòng
Qua rồi một trận cuồng phong
Kể đi, người ở đều mong thanh bình.

Sao quên? Một thuở đao binh?
Đầu rơi, máu đổ dứt tình anh em
Tự do, độc lập ta thêm
Mà sao khan hiếm? Bóng đêm phủ trùm?

Kết thân với bọn gian hùng
Biên, đảo dần mất tim chùng nỗi đau
Lâu ngày đã biết vàng thau
Người Việt tinh ngộ cùng nhau một lòng

Sao còn đứng giữa long đong
Chữ vàng mười sáu ai mong phỉnh phờ?
Dân kêu sao lại làm ngơ?
Cái ngày sụp đổ ngày giờ không xa.

Biết người sao chẳng biết ta?
Tư Bản Luận đổi màu ngà lệ rơi
Tật nói ngoa nay hết thời
Bắt thang lên hỏi ông trời buồn xo...

Thương Việt Nhân

16 tháng 4, 2015



André Lưu, thi sĩ người Mỹ gốc Việt làm thơ tiếng Anh lúc 11 tuổi

Giáo sư Phạm Trọng Lệ giới thiệu

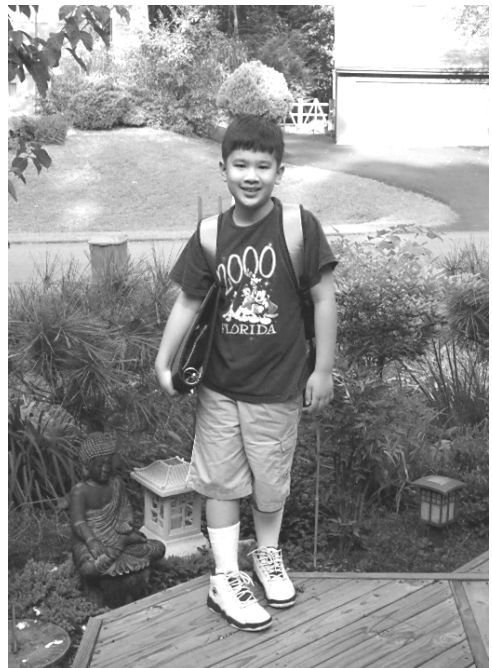
Bài này nhằm giới thiệu một tài năng trẻ ở miền tây Hoa Kỳ, André Cát-Nguyên Danh Lưu, 19 tuổi, sinh viên năm thứ nhất đại học UC Berkeley, chuyên học (double majors) hai môn chính political science (chính trị học) và anthropology (nhân chủng học) và hai môn bổ trợ (double minors) Peace and Conflict Studies (Nghiên cứu Hoà bình và Mâu thuẫn) và Global Poverty and Practice (Vấn đề Nạn đói trên Thế Giới và Thực tập Giải Quyết). Theo đoạn tiểu sử, sinh viên André tích cực tham gia Ban đại diện sinh viên trường Berkeley, và mới đây được sinh viên nhà trường bầu làm Senator sinh viên đại diện trong niên học 2015-16. Năm 11, 12 tuổi có thơ đăng. Sở thích của André là tìm hiểu các nền văn hoá và những liên hệ ngoại giao, diễn đạt trước công chúng và đọc những bài xã luận về chính trị trên báo chí. André ước vọng sau này sẽ làm việc trong ngành ngoại giao và thành một chuyên viên về hoà giải mâu thuẫn và xung đột.

Làm thơ tiếng Anh lúc mới 11, 12 tuổi:

Năm 2007 André có bốn bài thơ đăng trên tam cá nguyệt văn chương điện tử Firmament ở Texas. Từ nhỏ, cậu André được ở gần bà ngoại, là bà Bùi Thạnh (Vũ Kim Châu) xưa làm hiệu trưởng

Trường Anh Ngữ Hội Việt Mỹ Saigon, một người yêu thơ và làm thơ tiếng Việt. André sống trong tình thương yêu của cha mẹ và bà ngoại. Trong bốn bài thơ được chọn đăng trong tam cá nguyệt Firmament (Thế Hữu Văn Đàn), chúng tôi chọn đăng lại ba bài thơ nhan đề **Poems for Bà** - mà bài đầu là **The Pond** - làm năm 2007 lúc André khoảng 11-12 tuổi.

[Nguồn:
thehuuvandan.org/firmament.htmljuly2008.pdf, pages 49, 50, 52].





The Pond

As the moonlight shines upon the pond,
The rays flourish the flowers,
Full of affection and fondness.

A fancy bench is crouching beside the pond,
Fine red wood artistically made,
Just for two to sit on.

I see there waiting for me,
A figure shadowed by love,
With glistening eyes so pure, I was amazed.

She asked me kindly to sit by her,
I quickly accepted her sympathy
While the sky sparkled like vast oceans.

Her angel-like feet walked toward the pond,
And she snatched a turquoise pebble from
the paved floor,

And gave it care with her delicate hands.

She showed me the pebble,
What I saw made me dazed,
For it was surpassingly divine.

It looked as though the woman's face was
on it,
Full of compassion and grace.

The woman soon left with a quick farewell,
But I didn't want her to leave me all alone.

I came there the next day,
But she was gone.
And I never saw her again
But her note she left me,
Of only her name,
Grandma.

12/11/07

Autumn

I stepped gently through the old street
With trees swaying like a seesaw,
Leaves swirling towards my feet
While I watched them in awe.

Yellow, brown, orange and red,
Are the colors I beheld,
The leaves just spread,
Wind made the leaves propelled.

A coldness went up my spine,
It made me shiver.
The sensation was divine;
It made me quiver.

The clouds blanketed the trees
While the sun struggled.

Then there came a breeze
That made me awfully cold.

Then the road came to a stop,
Which meant I couldn't continue further;
The feeling was like I was at the mountain's
top,
Since I got to see my grandmother.

12/13/07

Bamboo Forest

A bamboo thicket
Covering life of all sorts
With a jade-like elegance.

A pond dwells inside,
Full of azure freshness,
To feed the egret.

The egret savors the water,
So flavorsome and heavenly
It's truly irresistible.

The fluffy white and black panda
Thrives with the nutrients
Which the bamboo distributes.

A Japanese bridge,
Looms over the pond,
As if layering its transparency.

The bamboo branches canopied the path
Where an old woman was walking
Back to her village.

12/17/07

(Ba bài thơ trên đăng lại với sự cho
phép của tác giả André Lưu và của giáo
sư Lê Duy Tâm, chủ bút tam cá nguyệt
Firmament ở Texas.)

Bài thơ làm lúc 15 tuổi

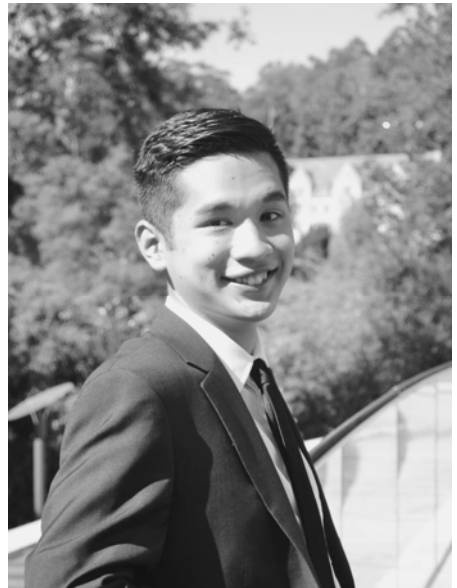
Cách đây bốn năm, đầu năm 2011,
André làm bài thơ HOME. **Home** gọi
trong trí tôi... hình ảnh những cánh
đồng thẳng cánh cò bay, lúa vờn trong
gió như sóng gợn, cảnh chiến trận liên
tục giữa gió mưa, mùi hương trà sen,
với tiếng chuông chùa yên bình, những
đoàn ghe thuyền nhộn nhịp trao đổi mua
bán hàng hóa, trái cây, hải sản trên
sông hồ, và những kỷ niệm xa mờ về tổ
tiên... Rồi chỉ trong một ngày tất cả đã
xụp đổ khi chỉ một thành phố bị mất.
Bức tường thành cuối cùng đã đổ, từng
tầng và từng tầng xụp đổ, chôn chặt
dưới đất sâu những hy vọng xây dựng
lại mảnh đất phì nhiêu của những hy
vọng hồi phục quá khứ. Nhưng cũng
theo lời thơ, máu không thể làm giảm
lòng khát vọng miền đất quê hương, nơi
những cánh đồng không bao giờ uá
vàng, nơi nước biển không bao giờ đổi
màu đen, nơi thành phố lúc nào cũng
náo nhiệt sức sống và người dân nào
cũng thông minh sáng láng. Không có
gì có thể thay thế giải đất này mà tôi gọi
là Quê hương. "Nothing could ever
replace this land, the land I call Home".
Đó là những ý thơ tươi mát, lạc quan và
hướng thượng - fresh, optimistic and
symbolic - mà mỗi ý thơ như một mảng
màu trong một bức tranh trừu tượng
được gói ghém trong hình bản đồ hình
con chữ S:

Home

André Lur
1/2/2011

Home,
Reminds me...
Of the rice fields wide enough for
Flocks of storks to span their wings across,
Of rice stalks swaying in the wind like waves of the sea,
Of battles forever fought between wind and rain,
Of the sweet scent of lotus tea,
Of the tranquil rings of the pagoda bells,
Of busy bartering boats busting in lakes,
And the forgotten memories my
ancestors lost long ago...
In a single day, all
was lost with the fall
of a single city,
The last wall
crumbling, piece
by piece,
plunging
down...
down...
down
to the
ground,
imprisoning
beneath
the soil
hopes of
reviving
the past.
But blood alone
cannot quench
my thirst for the land
Whose fields never turn brown,
Whose seas never turn black,
Whose cities are always lively
Whose people are always bright.
Nothing could ever replace
this land, the land
I call my
Home.

Một bài luận văn essay chống lại lối suy nghĩ rập theo khuôn sáo cũ stereotypes, vợ đưa cả năm, lối suy diễn dựa trên thống kê người đời thường dùng mà quên rằng mỗi con người là một thực thể riêng biệt không ai giống ai hoàn toàn. Toàn bài toả ra một lòng tự tin và lý luận có tính hùng biện thuyết phục người nghe. Phải chăng đây là một bài viết trong một lớp về debate club? Sau khi chúng tôi hỏi lại cho rõ, André cho biết đã viết bài luận văn này để bổ túc hồ sơ vào đại học mùa Thu năm 2013, lúc 17 tuổi. There is no trace of false modesty, just self-confidence and straightforwardness.



I Am Not a Statistic

Statistically, I was born to succeed - not because of my merit and talent, but because I am Asian. Statistically, I will have perfect test scores and grades; statistically, I will pursue a career in law, medicine, or engineering; and statistically, I am good at math and statistics.

But I am no statistic. I am André Cat-Nguyen Danh Luu. I am the descendant of a long line of Vietnamese nobles, but I am no blue-blood. I am the son of a pious Buddhist mother and father, but I am no devout disciple. I am a struggling low-income student, but I am no quitter; I am a fighter.

Statistically, I lack social skills; statistically, my hobbies are studying math formulas and reading science textbooks; and statistically, my Tiger parents dictate every aspect of my life. But I am no statistic. I was born to defy stereotypes. I have a thriving passion for public speaking; my hobbies are studying international issues and reading political editorials; and my easy-going parents encourage me to explore my hidden potential.

My ancestors survived Communist re-education camps, stowed their entire families on fishing boats to cross the

Pacific, viciously resisted American, Chinese, French, Japanese, and Mongolian occupation, and have overcome all of their challenges; and my greatest struggle is not getting enough sleep. But that is why my ancestors inspire me. They inspire me to chase my dreams and overcome a lifetime of challenges; they inspire me to dedicate my life to serving others; and they inspire me to work in the Foreign Service, and enact proactive policies focused on human security, ultimately reducing the trend of displaced persons.

My ancestors hid in muggy tunnels, braved relentless storms at sea, fought off bloodthirsty pirates, and travelled thousands of miles by foot, boat, car, and helicopter to reach safety, to reach freedom. My ancestors were displaced persons; they were displaced from a beautiful country, the country I and so many others call home: Vietnam. The pain my ancestors endured, and the suffering they tolerated still linger throughout the world as displaced persons continue to be uprooted from their homes and persecuted for perceived differences.

Statistically, I was born to succeed. American society has already painted a pre-determined portrait of who I should be, of who I should become.

But I will not conform to these stereotypes. I was born to resist these statistics, to rise above these stereotypes. I am no statistic. I am Vietnamese. I am André Cat-Nguyen Danh Luu.

(André's college application essay, 2013)



Chúng tôi yêu cầu André viết một đoạn tiểu sử ngắn về mình, và dưới đây là tiểu sử tác giả gửi cho chúng tôi:

Tiểu sử:

Andre is a current undergraduate at University of California, Berkeley, double majoring in Political Science and Anthropology and double minoring in Peace and Conflict Studies and Global Poverty & Practice. Andre is actively involved in his school, and has recently been elected by his peers as a Senator of the Associated Students of University of California. Aside from his interest in

politics and public speaking, Andre has always been interested in cultures and international relations; he aspires to one day become a diplomat and mediate global conflicts while also developing third world countries.

Hơn ba thập niên trong ngành dạy học, chúng tôi cảm thấy hứng khởi khi thấy một thiếu niên có triển vọng và biết vạch ra con đường học vấn sẽ đi, nên rất hân hạnh được giới thiệu với quý độc giả Tuyển Tập Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ, sinh viên André Lưu, một người thuộc thế hệ trẻ có tâm hồn thi sĩ, làm thơ bằng tiếng Anh, ý tưởng thuần khiết và vần điệu thanh thoát. Hơn thế nữa, tác giả còn là một sinh viên năng động, nét mặt tươi tắn, giỏi khoa hùng biện, vừa được bạn đồng môn bầu làm Đại diện Sinh viên trong trường đại học nổi tiếng UC Berkeley. Hy vọng tác giả André Cát-Nguyên Danh Lưu sẽ tiếp tục cho độc giả đọc những sáng tác thơ, văn khác và những tiến triển trong công việc học hành và công tác cộng đồng ngõ hầu thực hiện được giấc mộng mình ấp ủ và cha mẹ và bà ngoại kỳ vọng.

Giáo sư Phạm Trọng Lệ
Virginia, 5/15/15



Mộng Ngày Về

Quê hương tôi uốn dài hình chữ S
Lượn dài bên bờ biển Thái Bình Dương
Ấp ủ trong tim mộng ước thanh bình
Để tôi được ngày về ngàn hoa nở

Để tôi đi thăm phố cổ chưa nhìn
Và in bóng trên ruộng đồng xanh mát
Bên bờ sông nếm trái cây ngọt lịm
Rồi lắng nghe tiếng sáo diều lưu luyến

Tôi muốn đến nơi bố mẹ sinh thành
Danh lam thắng cảnh như nhìn trong tranh
Tôi muốn đứng nơi mây trắng phủ quanh
Đèo ngang gió thổi lông bông tóc bay

Tôi muốn theo bước cô gái chùa Hương
Lên cửa Phật nguyện cầu cho đất nước
Tôi muốn ghé Hồ Xuân Hương Đà Lạt
Mẹ kể nghe thơ mộng dưới trăng vàng

Tôi muốn ngắm cảnh thần tiên nước Việt
Nơi Tiên Rồng đã tìm đến với nhau
Nơi núi cao hùng vĩ cạnh biển sâu
Hồn non nước chẳng bao giờ phai nhạt

Chưa tròn tuổi đôi mươi tôi dờn bước
Xa quê hương tôi gửi cả tình thương
Góm ghেম tâm tư tiếc lời từ giã
Mất chưa nhìn cảnh đẹp của nước non

Ngày rời xa tôi đau buồn nước mắt
Nặng trĩu tâm hồn ánh nắng nhạt phai

Biển thâm lặng trôi qua từng kinh độ
Tương lai mờ hay sáng có ai hay

Tôi nhớ đến những bạn bè thân thiết
Thầy và cô và cả một vùng trời
Từng phút giây từng thương nhớ đợi chờ
Từng xa cách biết ngày nao tái ngộ

Thời gian trôi đã trao nhiều hạnh phúc
Gặp bạn xưa khi còn cắp sách chung
Lòng bùi ngùi vắng bóng cảnh năm xưa
Tôi mong ước nước non giờ hồi phục

Đợi quê hương nói lên lời lý tưởng
Xin quê hương gửi một chút tình thương
Đừng quên hát nổi lòng người xa xứ
Từ nẻo xa nhìn ngóng ngày hồi hương

Mộng ngày về ngạo nghễ bao hân hoan
Cảnh tung bừng như thuở cũ vinh quang
Sáng ánh mắt người người từng tia sáng
Tươi miệng cười lớp lớp chuyển niềm vui

Diễm Trân - October 2014



Đôi Mắt Âm Ảnh

Nó đang xỏ đôi giày, nghe tiếng Ánh liên thoắt:

- Sắp xong chưa Mẹ? Anh chị đang đợi con kìa.

- Đứng yên cho Mẹ chải đầu. Sắp xong rồi. Con nhớ cầm tay anh chị cho chắc, cho cẩn thận nhé.

- Con biết rồi. Chị Hà đi giày xong rồi kìa Mẹ. – Ánh dợm chạy đi.

- Khoan đã nào. Để Mẹ thắt lại nơ cái váy đã.

Mẹ vừa làm xong, Ánh đã chạy vù lại bên nó, cười toe, nắm tay kéo đi:

- Đi đi chị Hà.

- Nghe Mẹ dặn các con này. Ánh đi giữa, một tay nắm tay chị Hà, tay kia nắm tay anh Nguyễn. Còn Phượng đi ngoài, nắm tay anh Nguyễn. Không được chạy. Phải nghe lời anh chị nhớ không? Đi qua bà Nội chơi chừng một tiếng thì về, đừng để Mẹ trông.

Mấy anh em gật đầu lia lịa, dắt díu nhau ra ngõ. Nguyễn lớn nhất, 12 tuổi, rồi đến nó, Phượng và Hà, cứ cách nhau 2 năm. Đây là lần đầu mấy anh em đi một mình, nó lo ngay ngáy với trọng trách dắt các em đi đến nơi về đến chốn. Hôm nay thứ bảy nhưng Bố đi làm còn Mẹ lại bận trông mấy đứa em nhỏ, mà Ánh cứ đòi đi chơi nên Mẹ đành cho đi. Mấy lần trước, Mẹ dắt các con qua thăm bà Nội, có chỉ đường rồi, đi đường tắt trong xóm, qua ngã Bàn Cờ, băng ngang con

đường bên hông chợ Vườn Chuối, khi thấy bùng binh Hòa Hưng là đã đến nơi, đường quanh co nhưng dễ, lại không phải băng qua những con lộ lớn đông xe nên Mẹ an tâm phần nào.

Xóm Bàn Cờ nhà cửa san sát, chẳng chít đường ngang ngõ tắt chật hẹp, đồ đạc bày la liệt trước hiên nhà. Bốn anh em không thể nắm tay đi hàng ngang, Ánh len ra phía ngoài, nắm tay nó, tung tăng chân sáo, kéo đi trước. Nó cứ phải níu tay lại, chờ Phượng và Nguyễn. Nó đe nếu không nghe lời đi chậm lại thì nó sẽ mách Mẹ và sẽ không được đi chơi nữa. Nhưng Ánh chẳng giữ được lâu, làm nó cứ phải luôn miệng nhắc em.

Trước trường tiểu học Bàn Cờ có nhiều hàng quán thức ăn thơm phưng phức, mấy anh em xán lại nhìn thèm thường nhưng Mẹ quên cho tiền ăn vặt, đành đi thôi. Vừa đến trường học thì quẹo phải, thêm một quãng ngắn thì dừng lại để chuẩn bị băng qua con đường bên hông chợ Vườn Chuối. Còn đang đợi thừa xe để qua đường thì đột nhiên Ánh dụt tay, vùng chạy trước. Nó sững sốt, hoảng hốt hét lên khi thấy từ xa có chiếc taxi phóng tới.

Những gì xảy ra sau đó quá nhanh, nó run lẩy bẩy nhìn Ánh nằm bất động trên đường, giữa đám người vây quanh, lao

xao chỉ chỗ. Nó chạy đến, hốt hoảng kêu: “Ánh ơi! Ánh ơi! Ánh ơi!” Một người đàn ông vệt đầm đông, cúi xuống sát mặt Ánh xem hơi thở rồi bế xốc Ánh lên đặt vào băng sau chiếc taxi gần đó. Ông ta hỏi ai là thân nhân sẽ đi theo xe. Mấy anh em mếu máo nhìn nhau. Nó đi theo, còn Nguyễn dẫn Phượng về nhà báo tin. Ông ta bảo người tài xế taxi chạy đến bệnh viện Bình Dân gần đó và nhớ bấm còi để vượt xe cộ cho nhanh. Nó quỳ bên cạnh, sợ hãi nhìn Ánh mắt nhắm nghiền, mặt thanh thản như đang ngủ, có chút máu rỉ ra ở mũi và khóe miệng. Nó lấy tay quệt cho sạch rồi chùi vào áo mình. Nó phủi những lần bánh xe trên váy Ánh, đặt hai chân em lại ngay ngắn, và gỡ những lọn tóc nâu lòa xòa phủ mặt. Nó nhẹ lắc tay em, rên rỉ gọi: “Ánh ơi!” nhưng Ánh vẫn thiêm thiếp. Sự im lặng kéo dài làm nó sợ hãi, báo trước chuyện không may. Chiếc taxi phóng chạy như bay mà sao nó thấy lâu, lâu quá. Nó cảm thấy mệt mỏi, choáng váng, gục đầu vào thành xe.

Bỗng xe thắng lại, đám người áo trắng toát bu đến, mở cửa, chiếc băng ca được đẩy đến sát bên cửa xe. Nó run rẩy nắm tay ai đó bước ra, rồi đi theo băng ca vào trong. Vừa qua lớp cửa kính, mùi thuốc sát trùng (Lysol) xộc vào mũi làm nó khó thở, xây xẩm mặt mày. Nó vội nắm lấy thành băng ca cho khỏi ngã, bên tai thoảng nghe tiếng ai kêu giục giọng: “Kìa, kìa, con bé xỉu rồi!”...

Nó bật dậy, chóa mắt vì ánh nắng hắt qua cửa kính, rọi đúng vào mặt. Người đầu tiên nó thấy là Mẹ, một khuôn mặt thâm sầu vô biên, đôi mắt mọng đỏ. Nó

úp mặt vào lòng Mẹ khóc òa. Giọng Mẹ thần thờ:

- Nín đi con. Mình đi về thôi.
- Nhưng còn em Ánh? Em đâu rồi hở Mẹ?
- Em mất rồi. Bố đã đưa em về bệnh viện Chợ Rẫy.
- Mẹ ơi, em giựt tay... em bỏ chạy trước. - Nó sụt sùi.
- Nín đi... Về thôi. - Mẹ đỡ nó đứng dậy.

Nó nghẹn lời, làm sao để phân trần, để Mẹ biết không phải lỗi của nó. Chân líu ríu theo Mẹ ra cổng, mắt ngoảnh lại tìm kiếm Ánh, nó không tin rằng em đã chết. Không thể nhanh như thế được!

Bố đưa Ánh vào nhà xác của bệnh viện Chợ Rẫy rồi ở lại đó suốt đêm. Mẹ nằm trong buồng từ lúc về đến giờ. Nó ủ dột, ăn năn, thấy tội mình rành rành, quá lớn. Nhà đông người nhưng không ai để ý đến nó. Nó lạc lõng, không biết làm gì ngoài việc trông nom các em, kéo chúng nép qua một bên, không làm cản đường cản lối người lớn. Xong việc, nó thu mình ngồi góc cầu thang. Họ hàng đến đầy nhà, mỗi người một việc, giúp bà Ngoại bày bàn thờ, làm lễ cầu siêu. Tấm ảnh Ánh trên bàn thờ với đôi mắt to, đen, trong leo lẻo, bám riết theo nó, ánh mắt ấy như trách móc, hờn dỗi. Nó cúi gằm mặt mỗi khi đi ngang qua.

Hai hôm sau, vào buổi tối có một ông cụ cầm hương hoa đến viếng, trông cần cỗi, lụ khụ. Vừa thấy Bố, cụ quỳ xuống, lạy lia lịa, khóc lóc, van xin:

- Con của con vì buồn chuyện nhà mà uống rượu, lái xe lơ đãng để xảy ra nông nỗi này. Con xin ông tha cho,

đừng bắt tội. Nếu con của con phải vào tù thì ai nuôi gia đình nó? Ai nuôi con nó. Cả nhà trông cậy vào nó mới có miếng ăn. Con già rồi, làm sao kiếm tiền giúp nó, nuôi gia đình nó. – Ông cụ sứt sùi kể lể.

Bố cũng quỳ xuống, lạy đáp lễ, đỡ ông cụ đứng dậy, mời ngồi. Lau nước mắt, Bố nói:

- Xin cụ bình tâm. Con tôi cái số đã hết. Tôi có bắt tội con của cụ cũng không làm cháu sống lại được. Cụ đừng lo sợ gì cả. Cụ về khuyên con của cụ nên nhớ đến tai nạn hôm nay mà bỏ rượu chè, lái xe cho cẩn thận.

- Ông thật phúc đức quá, ơn này con ghi lòng tạc dạ. Con chỉ còn ít tiền, mua hoa, quả cúng cháu, xin ông nhận cho.

- Được tôi xin nhận, cảm ơn cụ. Cụ cứ an tâm mà về.

Ông cụ lạy bàn thờ mấy lạy nữa rồi quay ra xá cả nhà, vừa xá vừa bước giật lùi ra cửa. Không ngờ số tiền ông cụ đưa khá lớn, chi phí cho đám ma xong còn dư vài ngàn để xây mộ cho Ánh.

Mẹ không ra nhưng tiếng Mẹ khóc ai cũng nghe thấy. Nó buồn nẫu ruột. Nó nhớ Ánh quá, không hiểu tại sao em cứ dục đi mau, rồi lại giựt tay chạy qua đường, bên kia đường là chợ với những đồng rác cao nghệu ruồi bu, đâu có gì hay, đâu có gì vui!

Đoàn xe tang nói đuôi đi về nghĩa trang Bắc Việt. Một đám nhóc, vai vế anh-chị-em với Ánh, ngồi im lặng sau xe tang cùng với chiếc quan tài nhỏ bé, trong đó Ánh mặc chiếc váy đầm đẹp nhất, an nhiên nằm. Lúc hạ huyệt, Bố khóc, Mẹ lẫn lộn kêu gào thảm thiết, quần áo lấm

đất bùn, chỉ chực lẫn xuống mộ. Nó oà khóc theo, nước mắt nước mũi tèm lem, nó cố níu tay Mẹ lại, nhưng không đủ sức. Người ta bu vào kéo Mẹ đứng lên, để mặc nó ngồi đấy. Bà Chát, hàng xóm, ghé sát mặt nó, chua chát: “Không trông em cho kỹ, để nó chết rồi khóc lóc à? Giết nó còn gì nữa!” Nó bàng hoàng, tiếng khóc tắt nghẹn trong cổ, cúi gằm mặt, run rẩy đứng lên, rồi lùi nhanh vào đám đông, sợ người ta nhận ra mặt kẻ sát nhân.

Những ngày sau đấy, nó lặng lẽ theo gia đình lên nghĩa trang thăm mộ Ánh. Mộ được xây cao bằng đá hoa cương, có đặt hình em và có lọ cắm hoa ở giữa. Mẹ vẫn ít nói, vẫn lặng lẽ, vẫn bỏ ăn, bỏ ngủ, gầy rộc đi thật thảm thương. Nó thu mình, tránh né. Cái mặc cảm tội lỗi đang dấy vò hai mẹ con, tạo một khoảng cách lạnh lùng, âm ảm. Gia đình nó vào nghĩa trang Bắc Việt thường xuyên để lo việc xây mộ, phật cỏ, trồng hoa..., ngôi mộ Ánh luôn quang đãng, đẹp đẽ. Mẹ từ từ gượng dậy, qua khỏi tình trạng suy sụp về tinh thần cũng như thể chất. Nó cũng thế, nhưng tận cùng tâm khảm vẫn mang mặc cảm là kẻ có tội và luôn trốn tránh ánh mắt của Ánh trên bàn thờ. Đứng ở chỗ nào, góc nào nó đều cảm thấy đôi mắt Ánh tròn xoe pha giận dữ đang bám theo nó. Tội nó nặng quá, ai cũng biết, nó không dám mở lời cầu xin tha tội.

Nguyễn đi du học khi nó vào lớp 11. Nó cảm thấy cô đơn vì mất chỗ dựa tinh thần, tuy hai anh em ít khi tâm sự về chuyện đã qua, nhưng Nguyễn là người

trong cuộc, biết rõ không phải lỗi của nó. Hơn nữa nó cần Nguyễn hướng dẫn, dạy kèm cho kỳ thi Tú tài sắp đến. Nó thi Tú tài một, cùng lúc với Hòa, con gái bác Trung, bác là bạn cùng sở với Bố. Ngay từ đầu năm lớp 11, Bố đã đe: “Nếu không đậu cao hơn hoặc đậu bằng với con gái bác Trung thì đừng nhìn mặt Bố”. Nó biết Bố nói thật vì giọng Bố cứng rắn, nghiêm nghị, hình như Bố chưa quên cái tội của nó. Nó cố gắng học ngày học đêm để không làm Bố thất vọng, nhưng học tài thi phận, nó lo sợ lắm. Nó cầu Trời khẩn Phật mỗi tối, trước khi đi ngủ. Nó muốn cầu Ánh phù hộ cho nó nữa vì Mẹ thường hay nói những người chết trẻ rất linh thiêng, nhưng nó thấy mình không xứng đáng để nhận ơn huệ từ em. Mấy lần nó đã đứng trước linh vị của Ánh nhưng nghẹn ngào không thốt nên lời. Chỉ còn mấy hôm nữa là đi thi, nó quyết tâm, thu hết can đảm lên căn gác lửng. Đứng trước bàn thờ, nhìn vào đôi mắt Ánh, đôi mắt sáng long lanh ấy hôm nay hình như có phần dịu hiền, thân thiết, đúng là đôi mắt của đứa em hay vùi vãnh chị. Nó hối hận, khóc mùi mẫn như ngày đưa Ánh ra mộ, lời cầu xin bật ra theo tiếng nấc sụt sùi.

Những ngày chờ đợi kết quả kỳ thi là những ngày dài khổ sở. Nó đến trường Gia Long thường xuyên để xem trường đã có bảng niêm yết chưa. Khi biết mình đậu hạng bình, nó mừng lắm nhưng vẫn lo, lo cái Hòa đậu ưu. Buổi chiều đi làm về, Bố bảo: “Cái Hòa đậu bình”, nó thở phào nhẹ nhõm, háy cõn lên vì vui sướng. Thật hứ vớ!

Nó lên lên lầu tâm sự với Ánh. Nó tin rằng Ánh hiểu được những ý nghĩ trong đầu của nó nên nó chỉ lặng nhìn em thôi. Trong góc tối của căn gác lửng, đôi mắt em dịu dàng, hơn hờ như chia sẻ niềm vui cùng nó. Nó không còn thấy sợ đôi mắt Ánh nữa.

Năm thi Tú tài hai, nó cũng cầu xin và được toại nguyện. Nó biết Ánh đã tha thứ cho nó và luôn phù hộ nó, nhưng nó không muốn lạm dụng sự che chở của em, nó chỉ cầu xin trong những lúc thật khó khăn, tuyệt vọng. Nó không kể chuyện này với ai nhưng khi Mẹ nhắc đến sự linh thiêng của những người chết trẻ thì nó vội vã thêm vào: “Như em Ánh vậy đó!”

Cuộc chiến leo thang, Sài Gòn hỗn loạn, cảnh nhà đơn chiếc, toàn là đàn bà và thằng em trai út nhỏ xíu. Bố đang làm việc bên Lào, có thể đem cả gia đình theo nhưng vì sự học của các con mà để gia đình ở lại VN. Nay muốn xum họp bên Lào thì lại có lệnh cấm xuất ngoại. Cả ngày Mẹ đôn đáo ngoài đường tìm đủ cách để ra đi. Nó đến trường mà không học được gì, lớp vắng hoe, khăn tang trắng buồn thảm. Vài đứa bạn tính chuyện bỏ học, về quê, chúng nó dáo dác nhìn quanh rồi kể tai rù rì: “Về quê sống chui nhủi dễ hơn, trốn đi cũng dễ. Ở lại đây, tụi CS vô, nó bắt gái Sài Gòn lấy thương phế binh CS thì chắc chết.” Nó nghĩ đến ngày CS tràn vào Sài Gòn mà sợ run. Ai cũng đoán sẽ có một sự trả thù tàn bạo của CS, một cuộc tắm máu, cướp đoạt gia sản..., ai cũng tìm đường chạy khỏi Sài Gòn, đi ra nước ngoài. Nó sợ quỳnh lên

không biết phải làm gì để giúp Mẹ. Nó lại tìm đến Ánh, khẩn thiết cầu xin.

Dọn xong mấy cái tủ dưới nhà, đồ đạc xếp gọn trong những thùng lớn nhỏ ngổn ngang trên sàn, nó nhẩy mấy bậc cầu thang hẹp lên căn gác lửng. Ngày mai gia đình rời Việt Nam. Đang lúc tuyệt vọng cùng cực thì Bộ Ngoại giao cho phép gia đình và cả tứ thân phụ mẫu được xuất ngoại đoàn tụ gia đình, Mẹ như chết đi sống lại. Từ lúc có visa đến lúc ra đi chỉ có mấy hôm, dập dồn bao nhiêu chuyện phải làm, nó nghỉ học luôn để dọn nhà.

Bà Ngoại đang ngồi bệt xuống sàn, lau những bát hương cho sạch, trên bàn thờ hình ảnh vẫn còn y nguyên. Bà quynh luyện mọi thứ, tàn nhẫn không biết nên bỏ cái nào, giữ cái nào, cả buổi sáng lay hoay mãi vẫn chưa xong.

- Cháu giúp bà thu dọn bàn thờ được không ạ?

- Ừ, cháu giúp bà, gỡ hình tổ tiên khỏi khung ảnh, những tấm ảnh nhỏ mình đem theo, còn ảnh lớn thì đốt cháu ạ.

- Còn bàn thờ Phật có phải dọn không bà?

- Không. Cứ để nguyên như thế.

Nó đứng nghiêm trang, chắp tay lạy ba lạy, khẩn lờ từ biệt, cầu xin tổ tiên và Ánh phù hộ cho chuyến đi được bình an, may mắn vì chuyến máy bay trước bị bắn rớt tan tành. Nó gỡ ảnh ra khỏi khung, xếp gọn vào trong chậu men trắng, châm lửa. Ngọn lửa màu vàng

nhật, từ góc chậu lan nhanh, những tờ giấy quấn lại, cháy đen thành những mảng tro xốp. Lửa lan từ tóc Ánh đến đuôi mắt và cuối cùng cả đôi mắt long lanh chỉ còn loáng lại một tia sáng xanh lơ, tàn tro theo ngọn lửa bùng, nhẹ bay lên cao như những hạt bụi tản mát. Nó xếp tấm ảnh nhỏ xíu của Ánh vào phong thư. Ra đi với rất ít hành trang, không đủ để chuẩn bị cho một cuộc đời mới nhiều cam go và thử thách, nó cảm nhận được sự phấn đấu khó khăn đang chờ đợi nhưng nó đã sẵn sàng vì nó tin rằng Ánh sẽ luôn ở bên cạnh nó.

Nguyễn P. Thúy



Danh ngôn:

Không gia đình, con người học yêu thương, đoàn kết và hy sinh ở đâu?

E. Souvestre



Thuật Đấu Trường

Cho dù Chí Dững tài cao
Hãy đem tâm thức đi vào cuộc thi
Dù cho Ngộ phải Phạm Quy
Giương (Dương) cao đánh thấp biết đi hướng nào?
Muôn người xem cuộc sơ giao
Kẻ cao người thấp biết nào ai hơn
Đôi tay cần giữa cho tròn,
Dù cao đánh xuống cũng lòn cánh tay
Thấp mà lòn cuối cho hay
Cũng thường tránh được đôi tay can trường
Mỗi người lại tính một phương
Làm sao tính được con đường nào hay?
Con đường độc thủ cao bay
Còn hơn đứng lại cho đầy túi tham
Muôn ngàn khán giả vô can,
Vẫn tìm lối xảo kẻ gian thế nào?
Thuật trường dù đâu ra sao
Đôi bên cũng phải đi vào chung thân.

Quốc Hưng

Virginia, ngày 22/4/2014

Ra Biển Gọi Hồn

Trần Thế

*“Thủy mộ chôn sâu hồn di tản,
Gọi hồn biển rộng sóng oan khiên...”*

Khoảng 6 giờ 30 chiều 29 tháng 4 năm 1975, chiếc xe tuần tiểu của Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô chạy ngang quanh Dinh Độc Lập, đã chứng kiến những người lính Nhảy Dù đang xếp bao cát phòng thủ. Bên trong dinh, trên đồi cỏ, chiếc trực thăng cắm sẵn một bên là cờ Việt Nam Cộng Hòa, một bên là cờ Mặt Trận Giải Phóng. Những người lãnh đạo của chúng ta sắp đi đâu và làm gì? Ngoài đường phố, dân chúng, xe cộ chạy rộn ràng, vội vã. Họ đi đâu và họ sẽ đi đâu? Những người lính kia vẫn bình thản để thi hành nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. Thế rồi qua một đêm, những người lính đó đã phải cõng bỏ quân phục, giã từ vũ khí theo lệnh đầu hàng nghiệt ngã. Đất nước đã mất! Rồi bao nhiêu ngày tháng sau đó, những cuộc vượt biển tìm tự do, trốn chạy chế độ Cộng Sản đã bùng lên mãnh liệt và hàng hàng lớp lớp bỏ xác nơi biển cả. Vào những năm cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80, theo thống kê của báo chí Tây Phương thì khoảng từ 45% đến 50% những người vượt biển tìm tự do đã chết ngoài biển cả, sau những ngày tháng lênh đênh do bão táp gió mưa,

hải tặc hoành hành, cướp của, hãm hiếp...

Lần đầu tiên, tôi đi du lịch trên một du thuyền sang trọng, đầy đủ tiện nghi như một đại khách sạn hay một thành phố nhỏ, vì trên đó không thiếu một thứ gì. Từ lúc sinh ra, tôi rất sợ nước, sợ biển, lớn lên vào lính, tôi luôn mong ước là Thượng Đế đừng để tôi chết dưới nước, nhất là nơi biển cả. Có người hỏi tôi tại sao lại sợ nước, sợ biển. Tôi cũng không biết tại sao, chỉ biết rằng nếu tôi đứng ở bờ biển một mình, nhất là vào buổi chiều tà, thì tôi sẽ nổi gai ốc cùng mình. Có lẽ tôi sợ cái mệnh mông không bờ bến của biển, tôi sợ chiều sâu của nước, tôi sợ màu xanh của biển và nhất là sợ những ngọn sóng bạc đầu. Dù sợ nước, sợ biển, nhưng cuộc đời đã bắt tôi đi tản 2 lần bằng đường biển, một lần từ Bắc vào Nam năm 54 trên một chiếc tàu chiến của Pháp khi còn là một trẻ thơ, một lần bằng tàu hải quân Việt Nam, HQ 800, từ Nhà Bè trong đêm khuya 29 tháng 4 năm 1975. Từ lan-can của phòng ngủ trên tàu, tôi nhìn ra biển vào những buổi chiều, rồi ban đêm, với những đợt sóng bạc đầu nhấp nhô và tiếng sóng vỗ vào mạn tàu, tôi rùng mình tự hỏi, tại sao con người có thể vượt qua được những nguy hiểm như

thể để hy vọng tìm được tự do. Và cứ như thế, trong dòng ký ức, những chuyện vượt biển được kể lại của gia đình, của người thân, của bạn bè:

Truyện Kể 1:

Tháng 5 năm 1979, tôi nhận được thư của người anh cả từ Việt Nam, chỉ vài hàng chữ “Thằng Tấn và thằng Tiến đã vượt biển. Đến nay cả 8 tháng mà không có tin



tức gì, Nhờ chú tìm chúng nó!” Đọc xong, tôi thấy lạnh người và linh cảm được những bất hạnh cho hai thằng con trai lớn của anh, tuổi 18, 20. Tôi cố gắng liên lạc với Hồng Thập Tự, nhưng thời gian càng kéo dài, tôi càng thất vọng, mặc dù cơ quan này rất nhiệt tình. Tôi không biết phải trả lời người anh của tôi ra sao. Tôi không dám liên lạc với anh để xác nhận một điều gì. Chắc anh giận tôi lắm! Cho đến cuối thập niên 80, tôi nhận được một bức thư khác của anh tôi. Lần này có kèm theo một bức thư của một người đàn bà, trong số ít người sống sót trong chuyến vượt biển này. Thư viết: “Bác Hai mến, cháu xin báo tin hai Bác là cháu Tấn và cháu Tiến cùng tất cả những người trong chuyến đi đã bị hải tặc đánh chìm tàu và tất cả đã chết. Cháu là một trong vài người sống sót và được tàu ngoại quốc vớt. Chúng cháu cũng không rõ tại sao mình sống sót. Việc hai Bác nhờ cháu lo cho hai thằng nhỏ đành chịu bó tay. Trên chuyến đi

này, trên tàu phần lớn là thanh niên, nên họ nhất định chiến đấu với hải tặc, vì chúng hãm hiếp những phụ nữ trên tàu và cuối cùng chúng đã dùng súng bắn

người, bắn tàu, rồi bỏ đi... Cháu xin lỗi hai Bác đã không làm tròn bổn phận mà hai Bác nhờ cậy.”

Nỗi đau đớn này là nỗi đau chung của những người đi tìm tự do. Gia đình người anh tôi đã sống trong một nỗi ám ảnh

và tuyệt vọng, vì hai thằng con trai duy nhất đã chết, để rồi một thời gian sau, anh cũng qua đời vì buồn khổ, với 49 tuổi đời.

Truyện Kể 2:

Thành điện thoại cho tôi vào một buổi chiều mùa đông năm 1982, báo tin Nguyên vừa ở bên đảo qua, đang ở nhà anh, mong tôi tới để gặp Nguyên. Thành nói Nguyên đang như người mất trí, mong tôi tới cho Nguyên đỡ buồn phần nào. Tôi bước vào nhà, Nguyên lơ đãng gật đầu chào tôi và tôi chào lại. Tôi chưa biết chuyện gì đã xảy ra cho Nguyên, chỉ biết rằng Nguyên vừa ở trại tị nạn Mã Lai qua. Thái độ của Nguyên khiến tôi ngạc nhiên. Tôi nghĩ đáng lẽ khi hắn gặp tôi thì phải tay bắt mặt mừng, vì chúng tôi thân nhau từ những ngày Chu Văn An, rồi những ngày quân trường. Sao bây giờ Nguyên lại có thái độ lạnh nhạt như thế. Thành nháy mắt ra dấu cho tôi bình tĩnh, đừng trách móc

gì Nguyên nữa. Chúng tôi ba đưa ra trường Võ Bị, Thành đi Biệt Động Quân, Nguyên về Thủy Quân Lục Chiến, còn tôi chọn Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Mất Nguyên đăm đăm nhìn ra cửa sổ, không nói. Uống từng ngụm bia, Thành cho tôi biết Nguyên không muốn nhắc chuyện vượt biển và anh thay Nguyên kể cho tôi nghe chuyện vượt biển đầy bi thảm của Nguyên: Chiếc tàu nhỏ chở hơn 100 người trong chuyến vượt biển, chỉ còn cách bờ chừng vài trăm thước thì tàu bị bể và chìm. Những người trên tàu nổi lênh bênh



trên sóng nước, họ cố gắng bơi vào bờ. Có người tay ôm đứa con nhỏ, có người dìu vợ, người dìu mẹ cố gắng để vào bờ. Nguyên vượt biển với vợ và hai đứa con. Tàu bể, Nguyên cố bơi, một tay ôm đứa con 3 tuổi, đứa 6 tuổi bám chặt vào cổ Nguyên. Thành nói Nguyên kể lại rằng: *“Tao cố gắng hết sức, nhìn thấy vợ mình bị sóng nước trôi đi xa, càng ngày càng xa và chìm theo nước biển mà không biết phải làm sao cứu vợ. Tao cố sức bơi về phía bờ cát. Cho đến lúc gần kiệt sức, tao thấy nhẹ trên vai, thì ra đứa con 6 tuổi cũng đã trôi theo sóng nước từ lúc nào. Còn lại đứa con 3 tuổi trong tay, tao ôm chặt lấy nó, cố sức nhắm bờ cát mà bơi tới, hy vọng hai bố con cùng sống sót. Tao bơi mãi, bơi cho đến lúc sức cùng thì cũng vào được đến*

bờ và ngất xỉu. Khi tỉnh dậy thì đứa con cuối cùng của tao đã chết rồi.” Nghe Thành kể lể, Nguyên lim dim đôi mắt nhìn lơ đãng, miệng lầm bầm một mình: *“Tao nhìn thấy tận mắt vợ tao chết, con tao chết, mà bất lực. Thậm chí đứa con cuối cùng cũng chết trên tay tao... Vợ tao đâu, con tao đâu rồi?”* Tôi và Thành

chỉ biết im lặng. Trong tình trạng này, Nguyên đã mất mát trí thật rồi sao? Chúng tôi biết làm gì để an ủi Nguyên. Chúng tôi nhìn nhau và hy vọng và cầu mong thời gian sẽ nguôi ngoai đi phần nào cho cuộc đời Nguyên?

Truyện Kể 3:

Bên kia đầu giây điện thoại, Phát giọng rầu rầu: *“Cám ơn mày đã hỏi thăm. Tao vừa vượt thoát, nhưng tao khuyên mày hãy nhấn về cho bà con biết đừng dại dột mà vượt biển nữa.”* Tôi hỏi lại tại sao vậy? Phát trả lời rằng cuộc vượt biển của anh đã phải trả giá quá đắt cho cuộc đời anh. Trong chiếc thuyền nhỏ, chất chứa bao nhiêu người để đêm tối đối đầu với sóng gió và vợ anh đã bị bọn hải tặc hãm hiếp. Anh chống cự đã bị chúng đẩy xuống biển và nhờ mọi người thả giây cứu được anh lên thuyền. Trong đêm đó, trong giấc ngủ chập chờn, vợ anh đã nhảy xuống biển sâu đen tối mang theo nỗi tủi nhục. Phát là một giáo sư trung học tại Long

Khánh, vợ anh là nữ y tá tại bệnh viện nhi đồng. Hai người gặp nhau tại trường Luật Sài Gòn. Vợ chồng Phát liều mạng bán hết gia sản để vượt biển hầu trốn tránh đi kinh tế mới và mong tìm được bình yên nơi xứ người, nhất là hy vọng y khoa tân tiến Tây phương sẽ giúp hai người có cơ hội sinh con vì mặc dù kết hôn đã lâu, nhưng không có con. Qua đến Mỹ, Phát sống một mình ở Houston, ngày ngày lang thang nhà bạn bè, nơi quán chợ. Bước đi mà mặt lúc nào cũng nhìn lên trời, miệng lẩm bẩm như đang cầu kinh...



Truyện Của Mình:

Truyện kể 4 này thực sự là chuyện của mình. Chuyện vượt biển bằng tàu Hải Quân Việt Nam. HQ 800, tôi viết để cảm ơn Hạm Trưởng Dương Hồng Võ và toàn thể thủy thủ đoàn của HQ 800, cảm ơn Hải Quân Thiếu Tá Khánh, nhân ngày 30 tháng 4 năm 2015, sau 40 năm quốc nạn.

2 giờ 30 chiều 29 tháng 4 năm 1975, tôi đang ứng trực tại Phòng Tâm Lý Chiến, Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, thì anh bạn ở Trung Tâm Hành Quân điện thoại cho biết là Phi Trường Tân Sơn Nhất đã bỏ ngổ. Tôi cảm ơn anh và bước ra hành lang văn phòng, vừa lúc đó một chiếc trực thăng hạ cánh trên sân cò Bộ

Tư Lệnh, trên trực thăng, tôi thấy có đàn bà và một số va-li sắp sẵn. Lập tức từ văn phòng, Trung Tướng Tư Lệnh Nguyễn Văn Minh bước vội lên trực thăng và bay lên. Như vậy là Tư Lệnh của tôi đã bỏ đi. Tôi gọi xếp trực tiếp

của tôi là Trung Tá Hoàng Thọ để báo cáo tình hình. Một lúc sau, chúng tôi dùng xe Jeep tìm đường đi. Đi đâu? Tìm ai để đi? Trong suốt tháng 3 năm 75, sau khi Ban Mê Thuật thất thủ, chúng tôi những anh em thuộc Khối Chiến Tranh Chính Trị Biệt Khu Thủ Đô, tất cả đều là bắc kỳ di cư, thường tụ họp

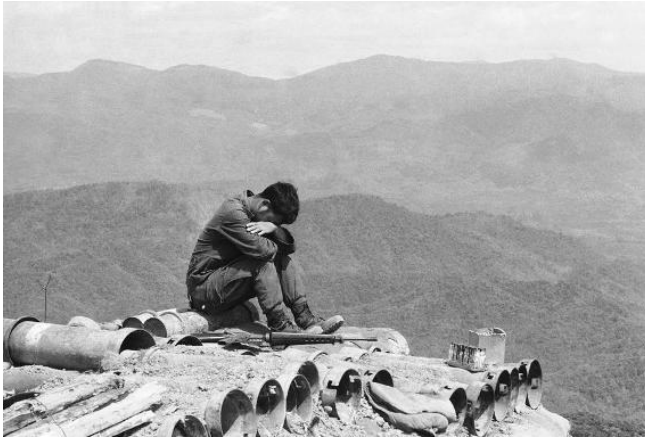
những đêm cắm trại để bàn kế hoạch bằng mọi cách để không lọt vào tay Cộng Sản, vì đối với người Cộng Sản, cán bộ chiến tranh chính trị sẽ là kẻ thù số một của chúng, nhất là chúng tôi lại phục vụ tại Thủ Đô Sài Gòn. Trong tình huống khẩn cấp này, chúng tôi lên xe đi một vòng đường phố Sài Gòn. Sài Gòn đang cướp bóc. Sài Gòn đang đi đom sùng nổ đó đây. Sài Gòn đang trong cơn hỗn loạn. Chung quanh Dinh Độc Lập, lính Nhảy Dù vẫn bình thản xếp bao cát để phòng thủ. Lúc đó, tôi không còn thì giờ để nghĩ rằng chúng tôi là những thằng hèn, tìm cách bỏ đi, trong khi những binh sĩ vẫn còn chiến đấu đến giờ phút cuối cùng. Quấn quanh mãi, tôi chợt nhớ đến Khánh, người bạn

tổ tôm của tôi đang phục vụ tại kho xăng Shell ở Nhà Bè. Hy vọng cuối cùng ở nơi này và chúng tôi đã gặp Khánh. Cơ duyên Khánh đã liên lạc được với HQ 800, rồi cuối cùng, sau những giờ phút khẩn cấp và nguy kịch, chúng tôi đã lên được HQ 800, lúc 10 giờ đêm 29 tháng 4 năm 1975. Tàu âm thầm nhỏ neo trong đêm tối, không một ánh đèn, trong khi đó, kho đạn Thành Tuy Hạ lửa cháy rực trời, xa xa tiếng đạn trong thành nổ ầm ầm, đánh dấu một chuyến đi vĩnh biệt miền Nam Việt Nam. Tàu di chuyển, đèn Sài Gòn xa dần, xa dần. Tôi dựa lưng vào thành tàu, mắt mờ đi trong dòng lệ xa quê hương, nơi đó còn vợ con, còn bố mẹ già. Biết đến bao giờ tôi sẽ gặp lại những người thân yêu này. Tôi thấy ân hận là đã bỏ đi...

Sáng 30 tháng 4, lệnh đầu hàng, như vậy là đất nước đã mất thật sự vào tay Cộng Sản. Đoàn tàu Hải Quân Việt Nam gồm 23 chiếc di chuyển theo đội hình tam giác mũi đi trước. Khi gần đến Subic Bay (Phi Luật Tân) thì được lệnh hạ cờ Việt Nam Cộng Hòa, vì chủ quyền đất nước đã mất. Tiếng loa phát thanh kêu gọi toàn thể quân nhân tham dự lễ hạ cờ. Nhìn lá cờ Việt Nam Cộng Hòa lần chót phát phới bay trên tàu, rồi từ từ hạ xuống, trong tiếng quốc ca ngắt giọng của anh em quân nhân. Lá cờ

được gấp lại, những người lính ôm nhau khóc cho số phận mình, số phận của tổ quốc Việt Nam. Như đã nói, tôi sợ biển cả mà suốt cuộc đời mình cứ dính liền với biển cả. Biển cả đã cứu sống tôi trong cuộc đổi đời. 40 năm sau nhìn lại, nghĩ lại mà thấy lòng vẫn mãi quặn đau. 40 năm sau, có người nói hãy quên đi quá khứ. Nhưng quên sao được những đau thương, uất hận của những người lính đã hy sinh thân xác và cuộc đời cho cuộc chiến để bảo toàn lý tưởng tự do. Quên sao được những xác người, những xác con trẻ chìm sâu trong lòng biển cả. Có quên chăng là những người trong cuộc chiến vừa qua đã lợi dụng sương máu chiến sĩ và đồng

bào, để vinh thân, phì gia. Giá của những người vượt biển tìm tự do, tránh khỏi nanh vuốt tàn ác của Cộng Sản, đã phải trả quá đắt. Hãy lắng nghe oan hồn trẻ thơ, oan hồn những người xấu số:



*"Biển ơi đừng vỗ sóng từng đêm
Cho hồn con trẻ ngủ bình yên
Cho hồn cô phụ oan khiên áy
Siêu thoát tìm về trốn vô biên
Đêm nay sóng vỗ khung trời lạnh
Gọi hồn ra biển nhớ mung lung..."*

Trần Thế

Tháng 4, 2015

Có Như Một Tấm Lòng

Có như một tấm lòng
mới hiểu từng ngọt đắng
từ mỗi điều ước mong
trong thường hằng cuộc sống!

Có như một dòng sông
mới biết điều khó nhọc
từ thoát chảy xa nguồn
đến nhập lòng biển rộng!

Có như một cánh đồng
mới thương tình của đất
mỗi nắng hạn mưa rông
đều lo mùa được mất!

Có như một cội cây
mới yêu từng chiếc lá
xanh tươi rồi vàng bay
qua thời gian vật vờ!

Có như một người Mẹ
mới thấu tiếng khóc con
dầu trắng trầm đầu bể
vẫn nhớ cánh tay bông!

CAO NGUYỄN



Tự Hào Là Người Việt Nam Trên Quê Hương Thứ Hai

Cung Thị Lan

Những lúc rảnh rỗi tôi thường tâm sự với đồng nghiệp ở sở Xã Hội, nơi tôi làm việc, rằng: “Tôi chỉ muốn sống ở Việt Nam và được chôn sau khi chết tại quê hương tôi; thế nhưng, cuộc sống khắc nghiệt sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975 đã khiến tôi trốn ra khỏi nước và đến Mỹ theo diện tị nạn.” Các bạn đồng nghiệp, bất kể khuôn mặt ưu tư của tôi, reo lên một cách hồn nhiên rằng: “Ồ! Nhờ như thế mà chúng tôi may mắn có bạn làm chung ở đây!” Bà cán sự của chương trình sức khỏe nói: “Tôi biết chiến tranh Việt Nam năm 1975 và lý do gì người Việt

các bạn phải rời quê hương nên tôi hiểu cảm giác của bạn lắm! Nhưng bạn ở đây đã lâu, đã là thành viên của nước Mỹ thì hãy vui vẻ hòa nhập trong cái tô sà lách trộn của chúng

tôi đi! Đừng buồn nữa!” Cô cán sự của chương trình giữ trẻ tiếp lời: “Trước đây tôi đã từng làm việc với vài người Việt ở những chỗ làm khác nên tôi cũng biết tính tình của người Việt. Các bạn làm việc rất siêng năng và đáng tin cậy!”



Người khác gật gù: “Tôi cũng nghĩ người Việt góp nhiều công sức cho đất nước chúng tôi. Thêm vào đó, văn hóa đặc biệt của các bạn góp phần đáng kể cho nền văn hóa đa dạng của Mỹ! Người Việt các bạn làm việc rất siêng năng và cần cù. Các bạn không nề hà việc làm tay chân hay trí óc. Chính vì cần cù và chịu khó mà các bạn đã thành công và thăng tiến trong nghề nghiệp!” Người khác nói thêm: “Còn tôi thì rất thích ăn các món ăn Việt. Tôi thích món phở và chả giò nhất. Cuối tuần, tôi thường đưa gia đình tôi đến các tiệm ăn

Việt Nam ở thương xá Eden Virginia.” Bà xếp của chương trình giữ trẻ khẳng định: “Tôi cũng đã được thưởng thức vài món ăn Việt và còn thấy chiếc áo dài tuyệt đẹp

của người Việt nữa! Phải nói là thức ăn, y phục và phong tục tập quán của các bạn rất đặc biệt. Đối với tôi, tìm hiểu về những điều đó rất thú vị; cho nên, có thể nói là chúng tôi may mắn khi có các bạn ở đây.”

Những lời nói chân thành của bạn đồng nghiệp đã làm tôi ngạc nhiên và cảm động nhưng tôi chỉ đáp lại bằng hai chữ cảm ơn một cách đơn giản. Tôi không làm sao có đủ thì giờ để giải bày tất cả suy tư hòa lẫn cảm kích đang đầy ắp trong tâm trí của tôi về sự thay đổi của bản thân mình, gia đình mình và cả cộng đồng người Việt kể từ khi chúng tôi lần lượt bỏ quê cha đất tổ ra đi cho đến nay. Những điều tôi đang trang trải trên những giòng chữ này. Những ngày đầu tiên tị nạn trên đất Mỹ, người Việt tị nạn chúng tôi thường đón nhận những cặp mắt nghi ngại và xa lạ, khác hẳn với những ánh mắt tin tưởng chân thành và tuyệt đối của ngày hôm nay. Từ ngày đó đến nay đã bốn mươi năm. Một thời gian dài đủ cho chúng tôi chứng minh mình là ai với người bản xứ và các sắc dân khác. Tuy nhiên, sự thành công của người Việt tị nạn chúng tôi không những chỉ đơn thuần về phong cách làm việc uy tín, Anh Văn tiến bộ, bằng cấp cao, thu nhập cao hay nghề nghiệp vững chãi trong việc hội nhập vào xã hội Mỹ mà chúng tôi còn thành công đáng kể trong việc duy trì và phát triển văn hóa của dân tộc mình.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, người Việt chúng tôi đến Mỹ với tư cách tị nạn bằng nhiều cách khác nhau: Người đi trong những chuyến di tản

ngay ngày miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản, người vượt biên bằng đường thủy, người vượt biên bằng đường bộ, người đi chính thức diện con lai, theo chương trình Ra Đi Có Trật Tự (Orderly Departure Program), hay tù nhân chính trị theo diện HO (Humanitarian Organization). Dù đến xứ tự do bằng hình thức nào chúng tôi đều có chung một điểm là tinh thần suy sụp. Trong khi buồn khổ vì sống xa nơi chôn nhau cắt rốn, khủng hoảng tinh thần vì mất mát người thân trên biển, trầm cảm vì bị hăm hiếp bởi hải tặc hay đau khổ bởi những chứng bệnh ngặt nghèo kết quả từ những năm trong các trại tù, người Việt tị nạn chúng tôi còn khốn khổ bởi ngôn ngữ bất đồng, phương tiện đi lại khó khăn, phong tục tập quán khác biệt và kỷ thị của một số người bản xứ. Tuy nhiên, bất kể xuất thân từ những hoàn cảnh khó khăn như thế nào, và bỏ ngõ với môi trường mới ra sao, người Việt tị nạn chúng tôi luôn cố gắng đối phó mọi thử thách với quyết tâm cao độ. Chúng tôi không quản ngại đường



sá xa xôi, phương tiện giao thông hạn chế để đến chỗ làm đúng giờ. Chúng tôi không nề hà những việc làm bằng tay chân như bồi bàn, bồi phòng, rửa chén, giữ trẻ, quét dọn, hay vệ sinh để không còn phải phụ thuộc vào sự trợ cấp của xã hội. Chúng tôi không e ngại chuyện làm hai, ba công việc khác nhau để sớm có

chỗ ở ổn định. Và chúng tôi không ngần ngại chuyện nhin thời gian hiếm hoi học thêm Anh ngữ để có thể kiếm việc làm tốt hơn.

Tôi đã sống trong khu Park Road của vùng Tây Bắc Hoa Thịnh Đốn từ năm 1990 đến năm 1997 nên biết rất rõ người Việt tị nạn trong vùng này. Đa số người Việt tị nạn trong các chung cư ở đường Park Road là con lai. Vì hoàn cảnh vô gia cư và thất học khi sống lầy lắt ở Việt Nam, đa số con lai không biết ngày sinh nên khi làm giấy tờ đi Mỹ diện ODP họ đều có chung ngày sinh là 31 tháng 12. Có một số con lai không biết chữ nên phải đánh chéo dấu thập khi ký tên. Thế mà chỉ sau một năm ở Mỹ, họ có thể ký tên thuần thạo, viết chữ dễ dàng và trao đổi lưu loát với người Mỹ.



Vài năm sau đó, họ lần lượt thi lấy bằng luật, bằng lái xe, bằng làm móng tay, bằng làm tóc và cả bằng Quốc Tịch Mỹ. Không ai có thể tin rằng những người con lai Mỹ chỉ biết chăn trâu, làm ruộng, đánh giấy, bán vé số, làm thuê làm mướn và thậm chí ăn xin ở Việt Nam nay trở thành những công dân Mỹ biết lái xe đi làm, tự mưu sinh bằng những nghề khác nhau như móng tay, tóc, thợ máy, mộc, hay nhà hàng. Với sức cố gắng vượt bậc cùng với sự giúp đỡ tận tâm của các tổ chức bất vụ lợi trong vùng như Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển, Cộng Đồng Việt Nam vùng Hoa

Thịnh Đốn và Hội Ái Hữu Người Việt Maryland, con lai đã sát cánh cùng những người Việt tị nạn có chút vốn Anh văn và bằng cấp từ trong nước không ngừng học thêm Anh Văn và nghề nghiệp trong các nhà thờ, hội đoàn, trường dạy nghề, trường trung cấp và trường đại học hầu giảm bớt gánh nặng của xã hội và nâng cao mức thu nhập cho đời sống của gia đình. Có rất nhiều tư nhân thành công trong kinh doanh siêu thị, tiệm ăn, nhà hàng, tiệm tóc, tiệm nails. Những cơ sở thương mại này đã tạo nên một khối công ăn việc làm đáng kể cho những người Việt tị nạn mới đến, giải quyết được sự phụ thuộc trợ cấp của xã hội để tạo dựng

nhìn cuộc sống độc lập bằng sức lao động của mình. Sự thành công này đã khiến cho các trung tâm thương

mại người Việt phát triển mạnh hòa theo nhịp phát triển của các cộng đồng người Việt tại Mỹ. Đã có nhiều khu thương mại lớn, nhỏ của người Việt ở California, Houston, Texas và các nơi khác như New York, Florida... Riêng ở vùng Hoa Thịnh Đốn, khu thương mại Eden là khu tập trung mua bán và có nhiều sinh hoạt đáng kể của Cộng Đồng người Việt trong vùng. Hầu hết các tiệm ăn Việt khu thương mại Eden không những phục vụ cho người Việt mà thu hút cả người Mỹ và các sắc dân khác.

Hầu hết người Việt tị nạn chúng tôi không những chú tâm đến vấn đề thu nhập của gia đình mà luôn coi trọng việc dạy dỗ con cái trở thành người công dân hữu ích trên quê hương thứ hai. Chúng tôi, không ai nói ai, cùng đồng lòng tôn trọng và tuân theo luật pháp của xã hội Mỹ từ giao thông, học đường, tài chính, ngân hàng đến những yêu cầu khác của xã hội. Chúng tôi luôn thanh toán những khoản nợ đúng qui định, đi làm đúng giờ, bảo đảm chất lượng công việc của mình ở chỗ làm và nhất là bảo đảm sự tiếp thu kiến thức của con cái mình ở trường học. Các gia đình Việt Nam chúng tôi



thường đặt nặng vấn đề học vấn và luôn khuyến khích con cái học hành chăm chỉ để thành công trong trường. Ngoài ra, chúng tôi còn tạo điều kiện cho con cái mình tham gia những sinh hoạt lành mạnh đồng thời giúp đỡ chúng tham gia những công tác thiện nguyện để đáp ứng yêu cầu của học sinh trước khi vào các trường Đại Học. Dựa vào sự trợ giúp của các chương trình giáo dục miễn phí và các hội đoàn từ thiện, con cái chúng tôi ghi danh vào các lớp học thêm để nâng cao điểm học tập trong nhà trường. Các lớp học tiếng Việt giúp cho các em có điều kiện nói, đọc và viết tiếng Việt thường xuyên đồng thời giúp các em biết thêm lịch sử Việt Nam. Những sinh hoạt lành mạnh như Phong Trào Hướng Đạo, Thiếu

niên Thánh Thể của các nhà thờ hay Gia đình Phật Tử của các chùa đã giúp cho các em thể hiện lòng tôn kính đối với tín ngưỡng của mình và giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc. Ngoài ra, các hội đoàn của cộng đồng người Việt chúng tôi thường xuyên tổ chức những ngày Lễ truyền thống như: Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ Hai Bà Trưng, Tết Trung Thu, Tết Nguyên Đán. Những ngày Lễ hội này tạo cho đồng hương có dịp gặp gỡ họp mặt đồng thời giúp cho

giới trẻ Việt có cơ hội tìm hiểu cội nguồn và phong tục tập quán của người Việt Nam. Đáng kể nhất là hội Kết Đoàn do nhóm trẻ trong vùng Hoa Thịnh

Đốn đã góp sức cùng các hội đoàn khác đã thành lập từ lâu trong cộng đồng tổ chức các ngày Lễ truyền thống của người Việt và thực hiện các công tác xã hội rất ý nghĩa như thăm viếng các viện Dưỡng Lão, phát thức ăn cho người Vô Gia Cư hay gây quỹ từ thiện nhằm giúp đỡ cho những người thiệt thòi hay những nạn nhân bão lụt Việt Nam, Nhật Bản, Thái Lan và Phillippines. Đáng nhớ nhất là toàn thể cộng đồng người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn cùng các cộng đồng người Việt khác ở khắp nơi trên đất Mỹ và thế giới đã phát động rầm rộ phong trào gây quỹ giúp đỡ người dân Philippines trong trận bão dữ dội Haiyan đầu tháng 11 năm 2013. Việc làm hết sức ý nghĩa này bày tỏ phần nào sự đền ơn đáp nghĩa của người Việt tị nạn đối

với nước Philippines, quốc gia cứu mang và giúp đỡ thuyền nhân Việt trong hải trình tìm bến tự do. Giới trẻ Mỹ gốc Việt trong thế hệ hai, ba luôn đồng nhịp với thế hệ cha anh chúng tôi, tham gia đều đặn với những hoạt động của Cộng Đồng. Các em không những thu thập văn hóa “Xin chào”, “Cảm ơn”, “xin lỗi”, “Con có thể ... không?” của văn hóa Mỹ và cả “Dạ”, “Thưa”, “Đi thưa về trình”, “Kính trên nhường dưới”, “Tiên học lễ hậu học văn”... của văn hóa Việt Nam.

Song song với chuyện trau dồi phẩm chất Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín, cộng đồng người Việt chúng tôi còn khuyến khích nhau giữ gìn và tôn vinh

chiếc áo dài truyền thống của dân tộc. Trước đây, trong những năm 1976 đến 1980, những chiếc áo dài truyền thống Việt Nam ít thấy xuất hiện trên đất Mỹ thì ngày nay những chiếc áo dài đủ màu, đủ sắc, đủ kiểu thường tha thướt phô bày trong các nhà thờ, chùa chiền và các hội lớn trên xứ Cờ Hoa này. Các thí sinh trong các cuộc thi hoa hậu Áo Dài Việt Nam hay Hoa Hậu Việt Nam thường phải tham gia các cuộc trình diễn áo dài dân tộc. Trong những ngày hội Tết Âm Lịch tại Maryland, ban tổ chức thường miễn phí cho những ai tham gia với chiếc áo dài Việt Nam. Mặc dù trời rất lạnh, vẫn có rất nhiều em nữ vui vẻ tham gia. Các em nói là không

phải vì miễn phí mà vì các em cảm thấy tự hào khi mặc chiếc áo dài Việt Nam.

Đồng nghiệp của tôi đã nhận định khá chính xác rằng người Việt chúng tôi đã mang sắc thái mới, làm giàu cho sự đa dạng của nền văn hóa Mỹ. Tuy nhiên, có lẽ họ không bao giờ biết rõ là chúng tôi đã làm điều đó từ con số không. Bạn bè của tôi, những người Việt đến Mỹ theo làn sóng tị nạn năm 1975, đã tâm sự với tôi rằng: “Tuy những người vượt



biển bằng thuyền như bạn nguy hiểm và gian nan hơn những người chạy loạn trong đợt di tản nhưng những người đi sau được may mắn là kế thừa được những gì người đi trước

ky cóp, tích trữ cho. Nhờ như vậy mà bây giờ các bạn được hưởng đầy đủ các món ăn Việt Nam ở Mỹ chẳng khác gì ở Việt Nam. Chứ ngày đầu tiên tị nạn đến Mỹ khổ không sao tả hết được! Đã nhớ nhà đến đau lòng mà còn nhớ những món ăn Việt Nam khủng khiếp. Thèm chút nước mắm cũng không có chớ nói chi đến các món chả giò, phở, bún bò, bún riêu. Không dễ dàng tìm thấy các loại rau húng, rau quế, rau răm, ngổ, bạc hà, bắp chuối... như bây giờ đâu!” Lời tâm sự này đã khiến tôi hình dung cảnh những người Việt Tị Nạn đầu tiên săn lùng trên đất Mỹ từng loại gia vị quý hiếm, góp nhặt từng loại rau nhiệt đới để chế biến các món ăn na

na với những món ăn thường có ở Việt Nam. Ngày nay, những món ăn chế biến kia đã trở thành những món ăn thuần túy đậm đà. Mùi vị không khác mùi vị của các món ăn ở Việt Nam. Bởi hầu hết các mảnh vườn của người Việt chúng tôi trên đất Mỹ đều có đủ các loại rau từng có ở quê nhà như: húng quế, xả, ớt, ngò, rau răm... nên chúng tôi đã dễ dàng thực hiện được điều này. Những khu vườn của người Việt ở miền nắng ấm như California, Texas, Florida còn có nhiều loại trái cây thường có ở Việt Nam như nhãn, mãng cầu, vải, chôm chôm, bưởi, xoài, dưa hấu, chùm ruột, chuối, khế, ổi, chanh, đu đủ... Những loại trái cây này đã giúp cho những bàn thờ tổ tiên của người Việt trong những ngày Tết Âm Lịch trở nên đẹp mắt và đầy đủ cùng những chiếc bánh chưng, bánh tét truyền thống. Có thể nói là chúng tôi đã đem theo quê hương Việt Nam đến tận Hoa Kỳ. Với ngôn ngữ Việt, chiếc áo dài truyền thống, và các món ăn Việt, chúng tôi đã duy trì bản sắc dân tộc Việt trên quê hương thứ hai.

Nếu trong những năm đầu tiên, người Việt tị nạn chúng tôi thường bị người bản xứ ái ngại là gánh nặng thì ngày nay hầu hết chúng tôi được tin tưởng là những công dân Mỹ gốc Việt góp phần đắc lực cho đất nước. Đa số con của người Việt tị nạn và con của con lai đều

thành công trong các trường đại học và đều có việc làm vững chắc. Lớp trẻ này trở thành thế hệ trẻ Mỹ gốc Việt vững mạnh kế thừa và phát triển đức tính siêng năng cần mẫn của cha mẹ. Nhiều người Mỹ gốc Việt hiện nay có mặt hầu hết trong các cơ quan chính phủ Liên Bang cũng như tiểu bang. Đã có nhiều người thành công trong các ngành y khoa, dược khoa, luật khoa, giáo dục, xã hội, không gian, chính trị và cả quân đội. Chúng tôi có bác sĩ Nguyễn Xuân Nam đạt nhiều giải thưởng trong ngành y, giáo sư bác sĩ Đặng Văn Chi, phó trưởng khoa Y của trường Johns



Hopkins, là bác sĩ hàng đầu về ung thư tại Mỹ. Nhiều giáo sư đại học thành công như giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng của đại học George Mason, giáo sư Cao Hữu Trí của đại học California ở San José, giáo sư Nguyễn Văn Xương ở đại học California ở San Diego. Chúng tôi có tiến sĩ Nguyễn Tuệ giữ kỷ lục của viện Công nghệ Massachusetts, kỹ sư

Đinh Trường Hân giám đốc Nghiên Cứu và Phát Triển các chương trình về xe của Bưu Điện Hoa Kỳ. Chúng tôi còn có giáo sư Nguyễn Xuân Vinh được giải thưởng Của Hội Du Hành Vũ Trụ Hoa Kỳ, dân biểu Cao Quang Ánh là người Việt đầu tiên được bầu vào Hạ Viện Mỹ, nữ khoa học gia Dương Nguyệt Ánh thành công trong việc chế bom Áp Nhiệt cho chiến trường Afghanistan đạt huy chương phục vụ quốc gia về an ninh,

tướng Lương Xuân Việt là tướng Mỹ gốc Việt đầu tiên trong quân lực Hoa Kỳ phụ trách hành quân tác chiến, nữ đại tá Elizabeth Phạm, nữ trung tá lục quân Phạm Phan Lang, nữ trung tá bác sĩ không quân Mylene Trần Huỳnh,... và còn rất nhiều người nữa. Tôi tin chắc là nếu mỗi người Mỹ gốc Việt viết về cuộc sống họ ở Mỹ, sẽ có vô số câu chuyện thành công lý thú đáng để cho các thế hệ con cái mai sau học hỏi và tự hào.

Sự thành công vượt bậc của chúng tôi, người Việt tị nạn trước đây và người Mỹ gốc Việt hiện nay, không phải chỉ do tính siêng năng cần cù chịu khó của chúng tôi mà còn do tấm lòng nhân ái và vòng tay rộng mở của nước Mỹ. Ngay từ những ngày đầu tiên, chúng tôi được chính phủ tận tâm giúp đỡ từ tài chính, y tế, thực phẩm, nhà trẻ, học hành, giáo dục khuyết tật đến cả giao thông vận chuyển. Cùng với những trợ cấp xã hội, sự Tự Do và Dân Chủ của nước Mỹ đã tạo cho chúng tôi cơ hội phát triển khả năng và tài lực của mình. Chúng tôi có thể ghi danh học ở bất cứ lứa tuổi nào, bất cứ môn học gì và bất cứ trường học nào, giờ học nào phù hợp với sở thích, khả năng và thời khóa biểu của mình. Bản thân tôi khi đến Mỹ là người đàn bà có chồng con. Với ba đứa con trai nhỏ, vừa làm vừa học không phải là chuyện dễ dàng nhưng tôi đã cố gắng dành thời gian để đến trường. Kết quả là tôi lấy được bằng cử nhân, rồi bằng thạc sĩ và trở thành nhân viên của chính phủ Hoa Thịnh Đốn. Mặc dù, sự thành công của tôi chỉ là hạt cát trong sa mạc cống hiến và thành công của vô số đồng hương trong cộng đồng người Việt tại Hải

Ngoại nhưng tôi rất hãnh diện vì mình đã đồng hành cùng đồng hương góp phần vào sự cố gắng chung của Cộng Đồng. Sự tận tụy của chúng tôi trong 40 năm đã tạo một uy tín khá lớn trong lòng những người bản xứ và bày tỏ phần nào sự đền ơn đáp nghĩa đối với xứ sở cưu mang mình.

Lòng thương nhớ Việt Nam không bao giờ nguôi trong lòng tôi nhưng tôi chỉ còn biết cầu nguyện cho quê hương tôi sớm có Tự Do Dân Chủ. Tôi suy nghĩ rất nhiều về tình cảnh hai quê của mình và thường chạnh lòng với thân phận lưu vong trong giòng chảy ngày càng xa cội nguồn. Nhưng tôi đã tự an ủi rằng số phận của mình gắn liền với quê hương thứ hai; vì thế tôi tiếp tục cùng cộng đồng người Việt duy trì bản sắc của dân tộc trong “tô sà lách trộn của nước Mỹ”.

Cung Thị Lan

Ngày 30 tháng 4 năm 2015



Thơ Nhất Hùng



Nhất Hùng

HÒA ĐÔ

*Hoa Thịnh Đôn phong thủy tuyệt trần
Khách du tặng “điểm hẹn tình nhân”*

*Hùng quan kỳ vĩ, nhìn kinh ngạc
Mỹ cảnh hữu duyên, ngắm lạc thần
Mưa thuận gió hòa, thiên biệt đãi
Sông dài hồ rộng, địa ban ân
Bao giờ tâm tịnh, thôi đa sự
Xin chọn nơi đây thoát lưới trần*

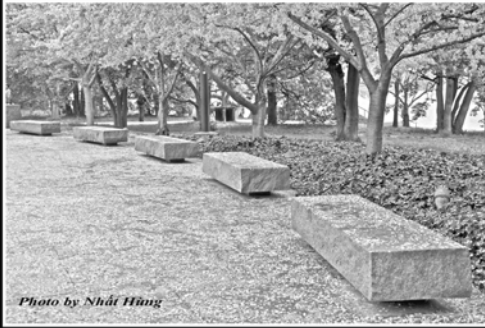
Nhất Hùng

Hoa Thịnh Đôn: Thủ đô Hoa Kỳ

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đôn



Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



PHÂN ĐÀO HOA

Đào nở mãi khai một sáng Xuân
Lả lơi khoe sắc chưa tròn tuần
Vài cơn gió thoảng lìa dương thế
Một trận mưa sa bỏ cõi trần
Chẳng già biệt, lưu sầu mặc khách
Không từ ly, gọi nhớ tao nhân
Hồng nhan đoản mệnh, xưa nay thế
Tránh để “tình si” thấy ứa dần

Nhật Hùng

SỐNG TIẾT CỰC

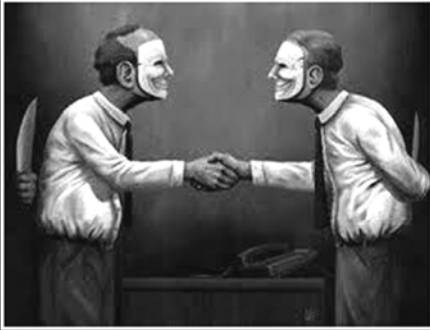
Có vài “tài” vật sướng như mơ
Phù chính đã tà thích lắm cơ
Cần rửa cần phê khi dụng Ảnh
Muốn răn muốn phán lúc dùng Thơ
Tôn người ngay, thiện lương chung thủy
Đập kẻ ác, gian trá trở cờ
Nhập thế dân thân, “chơi” tích cực
Chẳng cầu an ích kỷ thờ ơ

Nhật Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



"TẾC HOÀI SỢI DÂY"

Nhân tình thế thái vẫn nghe hoài
Học mãi xem ra chưa thuộc bài
Bởi vậy vương nhiều trò ái ố
Thế nên va lăm cảnh bi hài
Mới hay khó định điều chân giả
Lại hiểu nan phân cái đúng sai
Nếu biết đề mà dè "giếng cạn"
Thì đâu mãi tiếc "sợi dây dài"

Nhất Hùng

"Trông giếng sâu, anh nổi sợi dây dài
Ai dè giếng cạn, tiếc hoài sợi dây"

VĂN XA VỜI...

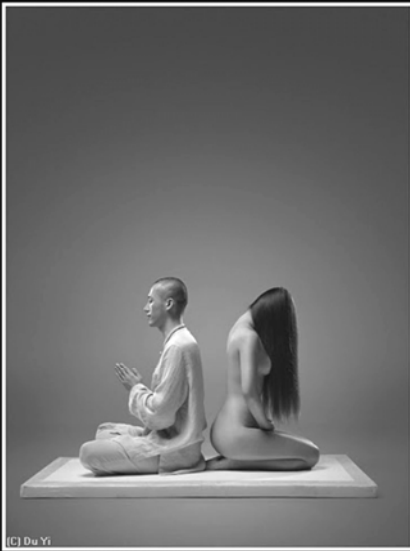
Những mong góp sức giúp xây đời
Cứ ngỡ đang vào cuộc dạo chơi
Nhưng "thế thái" nhiều điều trái khoáy
Thêm "nhân tình" lắm chuyện đâm hơi
Vàng thau lẫn lộn khôn phân định
Giả thực lung tung cứ rối bời
Biết đến bao giờ xong đại sự
Giấc mơ thắm ước văn xa vời

Nhất Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



(C) Du Yi

TU TẠI GIA

Lên chùa học đạo hay “tu nhà”?
Tự nghĩ gì bằng, cứ tại gia
Cố gắng hành thiền xa tục lụy
Kiên trì tụng niệm lánh ta bà
Nhưng kè Con, trí càng giao động
Lại cận Vợ, tâm mãi vọng tà
Trưởng để hoá ra không phải dễ
Câu xưa quả đúng, khó “tu nhà”*

Nhất Hùng

* (Khó) Thứ nhất tu nhà, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



Photo by Nhất Hùng

"HẠ CÁNH AN TOÀN"

Tuổi già tựa bóng xế chiều tàn
Như vở kịch đời sắp khép màn
Quốc biến nhập nhiều vai vất vả
Gia vong diễn lắm cảnh gian nan
Mau rời náo thị xa phiền não
Sớm nhập thiền môn hướng trí nhân
Phó mặc “đường về” cho số phận
Chỉ mong sao “hạ cánh an toàn”

Nhất Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



TIỆN THOÁI LƯƠNG NAN

Bạn bè đồng lứa đều đi tu
Chỉ một mình ta mãi mộng du
Sao vẫn mơ màng nơi tụ tụ
Lại còn lẩn quẩn chốn lu bù
Nẻo về bến giác, ôi xa thăm
Lối lánh bờ mê, thật mịt mù
Tiền thoái lương nan không dứt khoát
Loanh quanh vô định giống đèn cù

Nhất Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



Photo by Sát Hùng

ƯỚC MỘT ĐIỀU

Ngao du sơn thủy thú tiêu dao
Chụp ảnh làm thơ sướng biết bao
Mong trí tịnh, tìm nơi vắng vẻ
Cầu tâm an, lánh chỗ lao xao
Chôn chân cứ nghỉ trên nền cỏ
Môi gối lại ngơi dưới cội đào
Chỉ có một điều lòng vẫn ước
Cùng em dạo mãi chốn non cao

Nhất Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



TRÒ CHƠI XƯỚNG HỌA

“Xướng Họa trò vui của khách thơ”
Văn chương tính toán tựa chơi cờ
Nương vắn ngâm chữ liền phun ngọc
Dự ý suy câu vội nhả tơ
Gặp tử vận, đôi khi ngắc ngoải
Đụng nan đối, lắm lúc bơ phờ
Có bài ngõ bí, toan buông bút
“Thánh nhập” lại thông cũng chẳng ngờ

Nhật Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn

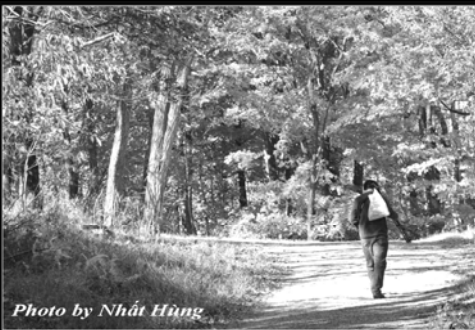


Photo by Nhật Hùng

VÔ TƯỜNG

Một ngày nào đó sẽ ra đi
Kiếm gỏi hành trang mang được gì
Danh vọng đoạt tranh thành huyền ảo
Bạc tiền vun xén hóa vô vi
Dương gian vô định nơi “sinh ký”
Âm giới vĩnh hằng chốn “tử quy”
Lúc đến tay không về vẫn thế
Cớ sao mê muội mãi sân si

Nhật Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



TA TỈNH HAY MÊ ???

Hình như nhân thế, họ đang mê
Thiên hạ đảo điên cứ lộn lè
Gian dối xảo ngôn nhiều kẻ bóc
Thiện lương chân thực lắm tay chê
Quay cuồng nịnh hót như tuồng rối
Nhảy căng tung hô tựa kịch hề
Hay tại chính ta không được tỉnh
Nhìn Gà hóa Cuộc nghĩ người mê

Nhật Hùng

Hội Thơ Ảnh Hoa Thịnh Đốn



Photo by Nhật Hùng: Cảnh biển Cancun

MÊ

Thế nhân chìm đắm trong cơn mê
Tham hận sân si quá nặng nề
Mê tước tranh giành nhiều nghiệt ngã
Mê quyền đấu đá lắm ê chề
Mê tiền mù trí nên hư đạo
Mê sắc mờ tâm đến lộn lè
Vật vã quay cuồng mê đủ thứ
Luân thường đảo lộn cũng vì “mê”

Nhật Hùng

NÓI VỀ THƠ

Lưu Nguyễn Đạt

Nói về thơ gần như sống trong thơ một lần nữa. Đó cũng là cảm nhận đầy chuyển, khi tình cờ gần gũi với dòng thơ. Thơ, vốn nội tâm, là niềm vui, nỗi buồn từ cuộc sống. Thơ vào đời và đời cũng nhập thơ. Như dòng nước với nụ cười; như hơi thở của sóng vơi.

Trong thơ, biển cả đã đổi màu, huyền biến vu vơ, trong tầm mắt và chiều sâu của hồn người thi sĩ. Tình yêu cũng vậy, qua lời lẽ ẩn vùi nhiệt độ, đã hoá chất thơ thành thứ ánh sáng tuyệt mỹ, sau và trước cả mọi bình minh, như tia nắng cuối cùng giữa lòng đêm và ngọn lửa rừng vừa chột tắt, khi vạn vật còn hoang mê, chìm đắm, và chữ nghĩa còn lang bạt, lạnh ngùn.

Thơ đôi khi cũng yêu sách, đòi hỏi. Đòi hỏi mình và yêu sách cả cuộc đời. Đòi dòng sông nhập thành biển cả. Hỏi sao nguồn cảm hứng ngược dòng khơi. Yêu hạt sương tích tụ thành mây. Và sách cả niềm tin từ giọt nước mắt loài người. Từ nỗi đau triền miên quanh thế giới. Từ giọng hát vào đời, bỗng chia đôi. Còn yêu sách, đòi hỏi gặt gao hơn thế nữa, chẳng qua vì đầy lương tâm còn nguyên vẹn, hay đam mê chưa tắt hẳn mà thôi.

Thơ huyền biến, lúc hiền hoà, lúc độc ác. Như vị cay, vị ngọt cuối làn môi. Có lúc say đắm vô hạn. Có lúc hạn hẹp, chua xót, cạn vơi. Hư hư, thực thực. Ngập tràn trong dấu tích, xa cách trong

buộc ghép ngàn nơi. Nhà thơ phải lòng chữ nghĩa. Phải lòng cuộc đời trọn vẹn, dang dở – ngay trong bạt xiêu, tuyệt vơi.

Thơ là cơ thể và sức sống. Là đứa trẻ nghịch đùa với dòng sông như môi yêu với tình tứ. Là giọt máu buốt đau và mảnh da quần quai. Thơ đấu tranh, đòi quyền sống trong nhu yếu vô thường, và bất lực trong đổi chác căn cơ. Bất lực, dù vĩnh cửu từ vắng vơi đời người.

Thơ vô hình, vô dạng. Thơ ở ngoài sách vở, ngoài hiện thực, vu vơ, miệt mài, lạc lõng. Thơ thất lạc ngay trong lòng thơ. Thất lạc ngay trong tâm hồn người thi sĩ – ngoài tầm giao cảm với đời nhân. Thơ đã trở thành đứa con tư sinh vô thừa nhận. Xiêu vẹo, nghiêng ngửa ngay tại dòng chữ nghiệt ngã, keo kiệt. Bị chèn ép trong nhịp bước trần gian, thơ cô đơn trong cảnh vọng trần tục, trong toang vỡ trần trường. Vì thế, thơ không ai dám nhận, dám tin, dám hỏi. Và cũng ít ai đủ khả năng nuôi dưỡng, gả gắm, hoặc đủ bản lĩnh gả gắm nàng thơ.

Nhưng cũng có lúc thơ là tặng dữ cuối cùng trong cuộc đời, là niềm vui còn sót lại đêm qua. Những lúc tận cùng vơi vơi đó, làm thơ tức là nhặt chữ nổi nguồn, là đãi cát tìm vàng, là đào khơi lòng than âm u, tỉ tích, để tìm hạt kim cương tinh khiết, xuất chúng. Thơ sẽ gạt bỏ bạc béo để sưởi ấm lòng đau. Sẽ quét sạch đường đời và khởi sắc

vạn nơi: thơ chiết xuất thơm tho từ ô uế, tiếp nhựa sống vào thân cây, và đặt niềm tin trong lòng người.

Vì thế, thơ là con đường văn chương hoá dạng: nửa nọ, nửa kia; nửa sáng nửa tối; nửa vui, nửa buồn; nửa người, nửa vật. Một thế giới băng quơ, lơ lửng, ngược xuôi, xuôi ngược. Liên tục trong trí nhớ, lại có lúc cách quãng trong u uẩn, trước sau muôn mặt, thiên hình, vạn trạng. Có cũng như không, không rồi lại có. Tất cả là khát vọng, hay thất vọng, trong bao dung, toàn bích. Là hào hứng trong phân mảnh, tuyệt vời.

Thơ trong sạch hay bụi bặm là do lòng người tìm kiếm chất thơ. Thơ không mùi không vị, không tình không nghĩa, mà chỉ mượn mùi thơm ngọt từ cỏ cây, vị say từ hơi thở nồng nàn, và tình nghĩa từ ánh mắt cô liêu, đắm đuối. Người thi sĩ nhìn và nhớ vạn vật chung quanh câm nín, hoang sơ. Thơ nguyên vẹn, mong manh trong dấu vết xa gần. Thơ bừng khởi trong tiềm thức sơ sinh, bao bọc. Ta đã khoác lên vai, lên tóc và vết tích nó những bụi bặm, tanh hôi của thân phận làm người. Thơ lạc lõng vì hồn người lạc lõng. Thơ chảy máu vì tế bào người u uẩn, cắt, vùi. Thơ tì ố, tàn tạ như chiếc áo kẻ tù đầy. Thơ cũng trong sáng như ánh mắt thơ ngây, trong bình minh vĩnh cửu của vạn vật luân lưu, muôn thuở tái thế.

Thơ nổi chìm, sâu sắc. Thuyên chuyển từ tế bào này sang tế bào nọ. Như giọt tình, giọt nước mắt giấu lòng người, giấu lòng vạn vật. Thơ cũng là những câu hỏi không để trực tiếp trả lời, hay

trả lời để hỏi lại. Trong vô hạn, mong manh, như những công án thiền định:

nếu mọi dòng sông đều ngọt ngào
biển cả lấy muối mặn từ đâu?

if all rivers are sweet
where does the sea get its salt? [1]

Ý thơ và bóng chữ đã đôi lúc chung tình, giao hợp để cùng nhau thoả ước, khép mở, mật thiết lẫn nhau. Thơ cố gắng trả lời sành sỏi. Nhưng nhiều lúc thơ lại vụng về, giả định, vu vơ, vì tạm bợ, không chủ đích. Tới nơi mà không biết. Lạc lõng mà không hay. Ngay lúc tuyệt độ trong cơ bản tâm tình. Ngay lúc phá thể trầm trọng để xây dựng lại một trật tự mới, khác với trật tự hiện hữu. Ngay trong cách sống vô vi, vô thường:

sáng trắng vời vọi xa bao ngả
xa cách lòng tình xa nguyệt nga?

how far is the light of the moon
from the moon? [2]

Nhà thơ không chịu trả lời gọn gàng, minh bạch, chỉ tằm tìm cười, rồi tri hoãn vu vơ, hay giải đáp trong hững hờ, cỏi, mờ. Thành thử câu hỏi vẫn mãi mãi nguyên vẹn trong lòng người còn tìm, còn kiếm. Nguyên vẹn từ đầu, bất tận về sau.

Thơ có lúc vắng dấu chân người, mà chỉ còn là vết tích của đá, của hoa, cỏ lạ, nguồn, khơi. Trong những lúc khô khan tuyệt tích, cạn hơi, cạn hứng, người thi sĩ đã tìm đường về một địa hạt xa xăm siêu thực, như tìm đường lên nơi thần

linh hay đất cấm, nơi dư âm, hoài cảm hay huyền thoại, hư vô. Thi sĩ đã thu ngắn lại, buộc nối lại con đường cũ đưa dẫn về nhà trời, xuyên qua hình dáng mong manh, mở đón cửa tạo hoá, của cỏ cây, của tảng đá dẫn lộ. Đó không phải là những cảnh vật vô tri vô giác, những khối tảng ù lì, cục mịch, mà là những hồn đất, hồn cây, những tảng đá từ không gian lạc vào lòng đất, nhưng vẫn biết bay bổng, vẫn nhớ bay bổng, thu hút; biết gọi nắng từ mưa; biết nghe tiếng thì thầm của những tâm hồn kiệt quệ, khát khao. Đó cũng là những hạt đá quý, những lệ đá xanh, những tâm linh ẩn náu cạnh thân thể người yêu:

khi em vuốt ve ngọc biếc
ngọc biếc vuốt ve em

when you touch topaz
topaz touches you [3]

Như vậy thơ có thể giới riêng biệt của nó, trong công cuộc tìm lại lòng người, tìm lại lòng nguyên thủy của đất trời, thiên nhiên, của tiếng nói đầu tiên từ trí

nhớ nhân loại, từ huyền thoại của ý nghĩa ẩn vùi trong lãng quên tập thể. Thơ dẫn đường vào toàn bích, hé mở thành tôn giáo bỏ ngỏ, hoang vu. Thơ tìm nguồn để tạo lại cội nguồn, tạo lại tông tích siêu thoát. Thơ hy vọng cả trong nỗi tuyệt vọng.

Thơ là cuộc hành trình qua thân phận làm người.

Lưu Nguyễn Đạt

[Lời Của Cát — Paroles De Sable]

[1] Pablo Neruda, The Book of Questions, (El libro de las preguntas), Copper Canon Press: Port Townsend, 1991. Câu hỏi có chiều sâu thách đố tuyệt đối như những công án (koan) xuất phát từ tâm thức các thiền sư.

[2] Pablo Neruda, The Book of Questions. Nhận định như trên.

[3] Pablo Neruda, Stones of The Sky, (Las pierdas del cielo), Copper Canon Press: Port Townsend, 1987.



Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vùng Đông Bắc Hoa Kỳ



Photo by GM Trần Đình

Hàng đầu: Lâm Thúy, Lê T Nụ, Diễm Trần, Cung Lạc, Tuyết Yên, Xuân Lan, Lê T M Hoa, Hồng Thủy, Bé Bảy
Hàng giữa: Nhất Tuấn, Luân Tâm, Hoàng S Liêm, Bùi T Tiên, Cao Nguyên, Vũ Hối, Đoàn H Định, Quốc Hưng
Hàng cuối: Nguyễn H Nghĩa, Bùi D Liêm, Vũ V Tùng, Nhất Hùng, Đăng Nguyên (Hình từ trái sang phải)

chủ trương thực hiện